

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO & DU LỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU & ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

ĐỒNG VĂN HIẾU

**NGÔN NGỮ TẠO HÌNH QUAY PHIM
TRONG PHIM TRUYỆN TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành Nghệ thuật Điện ảnh – Truyền hình

Hà Nội - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO & DU LỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU & ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

ĐỒNG VĂN HIẾU

**NGÔN NGỮ TẠO HÌNH QUAY PHIM
TRONG PHIM TRUYỆN TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Nghệ thuật Điện ảnh – Truyền hình

Mã số: 60210232

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS.Hoàng Trần Doãn

Hà Nội - 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA TẠO HÌNH QUAY PHIM TRUYỆN TRUYỀN HÌNH	11
1.1. Khái niệm về tạo hình quay phim	11
1.1.1. Khái niệm tạo hình truyền hình	11
1.1.2. Tạo hình quay phim	13
1.2. Kế thừa của tạo hình quay phim truyện điện ảnh trong phim truyện truyền hình	16
1.2.1. Tạo hình quay phim truyện điện ảnh	16
1.2.2. Sự kế thừa của tạo hình quay phim truyền hình từ điện ảnh	45
Tiểu kết chương 1	53
Chương 2: THỰC TRẠNG XỬ LÝ NGÔN NGỮ TẠO HÌNH QUAY PHIM CỦA PHIM TRUYỆN TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM	54
2.1. Thực trạng tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam	54
2.1.1. Ưu điểm trong xử lý tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam	54
2.1.2. Những hạn chế trong xử lý tạo hình quay phim của phim truyện truyền hình Việt Nam	59
2.2. Xử lý ngôn ngữ quay phim truyện truyền hình Việt Nam	62
2.2.1. Sử dụng ngôn ngữ bố cục trong tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam	62
2.2.2. Sử dụng ngôn ngữ chiếu sáng trong tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam	70
2.2.3. Sử dụng kết nối cảnh quay trong tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam	76
2.3. Những bài học kinh nghiệm rút ra từ xử lý ngôn ngữ quay phim truyện Truyền hình	78
Tiểu kết chương 2	84
KẾT LUẬN	85
TÀI LIỆU THAM KHẢO	87
PHIM MỤC	87
PHỤ LỤC ẢNH	90

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Nxb
NSƯT
PGS.TS
Tr.

Nhà xuất bản
Nghệ sĩ ưu tú
Phó giáo sư Tiến sĩ
Trang

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Truyền hình một loại hình truyền thông đại chúng, là sản phẩm của nền văn minh khoa học công nghệ phát triển có nguồn gốc từ phương Tây, thuật ngữ truyền hình (*television*) có nguồn gốc từ tiếng La tinh và tiếng Hy Lạp. Theo tiếng Hy Lạp, từ *tele* có nghĩa là ở xa, còn *videre* theo tiếng La tinh có nghĩa là thấy được. Ghép hai từ đó lại *televide* có nghĩa là thấy được ở xa. Truyền hình ra đời vào năm 1936 và kế thừa toàn bộ những thành tựu của điện ảnh - ngành nghệ thuật ra đời trước đó. Thế nhưng truyền hình ra đời với mục đích, chức năng của một loại hình báo chí. Do kỹ thuật, phương tiện truyền tải hình ảnh đáp ứng nhu cầu của xã hội như tính tức thời, phổ cập rộng rãi... nên truyền hình được nhìn nhận như một phương tiện truyền thông đại chúng (báo hình). Truyền hình ra đời và phát triển là sự kết hợp giữa các yếu tố kỹ thuật, nghệ thuật, kinh tế, báo chí.

Cơ cấu mạng lưới của hệ thống truyền hình nước ta hiện nay (bao gồm truyền hình trung ương và các đài truyền hình địa phương) hàng ngày phát sóng nhiều chương trình chuyên mục khác nhau, trong đó có cả chương trình phim truyện do các đơn vị truyền hình, các hãng truyền thông, các hãng phim Việt Nam sản xuất đã đóng vai trò quan trọng phục vụ đời sống tinh thần cho khán giả xem truyền hình.

Từ phim truyện đầu tiên của truyền hình Việt Nam *Người thành phố* (1981), đạo diễn Khải Hưng đến nay có rất nhiều phim được sản xuất hàng năm. Năm 1994, Việt Nam mới sản xuất được khoảng 50 tập phim truyền hình, thì 20 năm sau số lượng phim được sản xuất đã tăng lên khoảng 120 lần, với gần 6.000 tập/năm 2014. Hiện nay, trung bình mỗi bộ phim truyền hình thường dài 30 tập, có bộ đến 50 tập mỗi năm có trên dưới 200 bộ phim nhiều tập được sản xuất.

Số lượng phim được sản xuất ngày càng nhiều, nhưng thực trạng sản xuất phim truyện truyền hình Việt Nam hiện nay còn gặp nhiều vấn đề bất cập như: Đầu tư kinh phí quá thấp, thời gian làm phim ngắn, thiếu đồng bộ về đội ngũ sáng tác chuyên nghiệp, thiếu không gian phim trường... Vì đầu tư kinh phí thấp, thời gian sản xuất phim từng tập phải rút ngắn nên đã hạn chế sử dụng phương tiện kỹ thuật để bớt tốn kém, thường thì các nhà làm phim quay từ 50 - 70 cảnh/ngày thậm chí có thể quay một tập phim trong một ngày. Từ những bất cập nêu trên dẫn đến việc dàn dựng những cảnh quay thông thường cũng như phức tạp không đủ thời gian để dàn dựng diễn xuất không được tập kỹ ít thời gian để tìm kiếm, sáng tạo để lựa chọn phương án tốt nhất, bối cảnh nghèo nàn chủ yếu dựa vào cảnh thực, bố cục khuôn hình chỉ đạt ở mức độ gọn gàng rõ nội dung không đặc sắc chi tiết hình kém hấp dẫn, chỗ thừa chỗ thiếu, chiếu sáng đều đều rõ mặt ăn tiền chưa thực sự tạo được hiệu quả không gian theo hoàn cảnh, tâm lý nhân vật, nhiều cảnh quay kéo dài cảnh quay cho đủ thời lượng v.v...

Những vấn đề trong khâu sản xuất phim, dẫn đến chất lượng phim truyện truyền hình Việt Nam hiện nay chưa cao, đặc biệt về chất lượng nghệ thuật hình ảnh của cả bộ phim. Trong nhiều phim nhìn theo góc độ về ngôn ngữ tạo hình quay phim chưa thật thỏa mãn nhu cầu thưởng thức ngày càng cao của người xem.

Ví dụ: Nhiều bộ phim có hình ảnh kém hấp dẫn, mới chỉ dừng lại thành những khuôn hình bình thường, chuyển động máy thiếu trọng tâm không tạo được ấn tượng, chưa tạo được các điểm nhấn gây thu hút cho hình ảnh về chiếu sáng, màu sắc, góc độ, chuyển động máy. Bố cục khuôn hình quay phim gọn gàng chung chung, thiếu sinh động... chiếu sáng chưa tạo được chiều sâu không gian - thời gian, chưa tạo hiệu quả sắc sảo về trạng thái hoàn cảnh tâm lý nhân vật... Tính liên kết giữa các cảnh quay trong cùng một trường đoạn

còn chưa tuân thủ những quy tắc về không gian, độ đậm nhạt, động với động, tĩnh với tĩnh... những vấn đề này còn tồn tại trong nhiều phim truyện truyền hình Việt Nam hiện nay.

Hình ảnh cuối cùng đến người xem được thể hiện qua ống kính của nhà quay phim, do vậy vai trò của tạo hình quay phim trong phim truyện là vô cùng quan trọng. Tạo hình được sử dụng và biểu hiện một cách trực quan, người xem tiếp nhận hình ảnh cũng như tác phẩm nghệ giác qua con mắt cũng là tiếp nhận thị giác trực tiếp, rõ ràng (trong thời kỳ điện ảnh không tiếng, khán giả tiếp nhận bộ phim hoàn toàn bằng hình ảnh quay phim)... Vì vậy, nâng cao chất lượng hình ảnh quay phim cũng là nâng cao chất lượng nghệ thuật cho tác phẩm phim truyện.

Từ những vấn đề còn tồn tại của phim truyện truyền hình Việt Nam đặc biệt về tạo hình quay phim truyện, học viên đã chọn đề tài *Ngôn ngữ tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam* làm đề tài nghiên cứu của mình. Một phần để củng cố kiến thức cho bản thân về lý thuyết xử lý các yếu tố tạo hình quay phim, một phần từ những cơ sở lý luận đó phân tích những thành công, hạn chế và đưa ra một số kiến giải nhằm hy vọng nâng cao hiệu quả xử lý ngôn ngữ tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam.

Đây là một đề tài mang tính lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, số lượng các phim truyền hình hàng năm được sản xuất là rất lớn. Vì vậy, nghiên cứu ngôn ngữ tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam, cũng gặp nhiều khó khăn trong vấn đề chọn lọc phim để khảo sát. Hơn nữa, bản thân người viết là người học chuyên ngành nhiếp ảnh và không có sở trường về công tác nghiên cứu, đặc biệt thể hiện bằng văn ngữ. Mặc dầu vậy, người viết sẽ phải nỗ lực, dày công hơn, tuy nhiên có những thuận lợi nhất định vì là một người học và đang làm nghề nhiếp ảnh, trải qua thực tế sáng tác nên những yếu tố về tạo hình như ý đồ tạo hình, hiệu quả tạo hình, ánh sáng, bố

cục, khuôn hình, người viết vốn đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm qua hoạt động nghề nghiệp.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Trong thời gian qua, đã có một nhiều công trình, cuốn sách, bài viết trên tạp chí, báo viết, *internet* về nghệ thuật tạo hình điện ảnh nói chung và nghệ thuật tạo hình quay phim nói riêng.

Luận văn *Tạo hình trong phim truyện Việt Nam dưới góc nhìn đạo diễn* – Bùi Thái Dương 2013 nhận định:

Tạo hình điện ảnh là chất liệu cơ bản của ngôn ngữ điện ảnh. Nhờ tạo hình điện ảnh làm chất liệu nên ngôn ngữ điện ảnh mới có sức biểu hiện mạnh mẽ với tính hiện thực ở mức độ cao, trở thành thuộc tính đặc trưng mà không một loại hình nghệ thuật nào có được như nghệ thuật điện ảnh [5, tr.106].

Luận văn *Tạo hình nhân vật trong phim hoạt hình Việt Nam* - Lê Huyền Trang 2012 nhìn nhận đánh giá vai trò của tạo hình nhân vật trong phim hoạt hình Việt Nam.

Luận văn *Tạo hình phim tài liệu của người đạo diễn* - Lâm Quang Sỹ 2015 đề cập đến những vấn đề tạo hình phim tài liệu của người đạo diễn đưa ra nhận định về người đạo diễn phim tài liệu:

... Là phải luôn luôn hướng tới chất lượng của công tác tạo hình. Đối với một tác phẩm điện ảnh nói chung, điện ảnh tài liệu nói riêng, đạo diễn là "tác giả" là người chịu trách nhiệm quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện tác phẩm. Nhà đạo diễn làm phim tài liệu tài năng là người phải nắm chắc ngôn ngữ tạo hình của nghệ thuật điện ảnh và lao động đam mê nghiêm cẩn như bất kì công việc sáng tạo nào. [15, tr.84]

Luận văn *Nghệ thuật tạo hình quay phim Trần Trung Nhân trong điện ảnh phim truyện Việt Nam*- Nguyễn Thế Hưng 2014 nghiên cứu về nghệ thuật tạo hình quay phim của nhà quay phim Trần Trung Nhân đã:

... Khái quát, tổng kết bước đầu về sáng tạo của một nhà quay phim hàng đầu của điện ảnh Việt Nam, của “nhiều nhà” (quay phim, đạo diễn, nhà giáo...) trong “một nhà” (nghệ sĩ). Điều quan trọng là thông qua kết quả nghiên cứu ấy, những nguyên tắc, chuẩn mực về nghề nghiệp quay phim; những đam mê và khát vọng sáng tạo; những thành công, đóng góp cũng như những bài học kinh nghiệm trong nghệ thuật tạo hình quay phim... của nhà quay phim, NSUT Trần Trung Nhân cần được nhân rộng, phát huy nhiều hơn nữa trong phim truyện điện ảnh Việt Nam.[9, tr.87]

Cuốn sách *Văn học dân gian và nghệ thuật tạo hình điện ảnh* (NXB Văn học, Hà Nội, 2002) do PGS.TS.NSUT Nguyễn Mạnh Lân chủ trì với sự cộng tác của PGS.TS.NSUT Trần Duy Hinh và nhà quay phim, NSUT Trần Trung Nhân được xem là công trình nghiên cứu có quy mô hoàn chỉnh đầu tiên về mối quan hệ gắn kết giữa văn học dân gian và nghệ thuật tạo hình điện ảnh. Công trình này đã không chỉ thể hiện tư duy lý luận nghệ thuật điện ảnh, mà còn thể hiện am tường về văn học dân gian Việt Nam.

Tuy vậy, chưa có công trình nào nghiên cứu về ngôn ngữ tạo hình quay phim mang tính hệ thống và chuyên sâu, cũng như chưa có công trình nào khảo sát, nghiên cứu ngôn ngữ tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam qua các tác phẩm phim truyện cụ thể.

3. Mục đích nghiên cứu

- Phân tích những thành công và hạn chế khi sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam.

- Đưa ra một vài kiến giải cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam.

4. Đối tượng nghiên cứu

Ngôn ngữ của tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam biểu hiện qua nghệ thuật quay phim và kỹ thuật quay phim.

5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam ở các mặt:

- Nghệ thuật quay phim
- Kỹ thuật quay phim

Luận văn cố gắng phân tích các phim truyện truyền hình của Việt Nam và thế giới để làm rõ nội dung mà luận văn đề cập.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận và thực tiễn về ngôn ngữ tạo hình quay phim truyện, trên cơ sở các yếu tố tạo hình mà quay phim sử dụng, hình thành ngôn ngữ tạo hình quay phim.

- Khảo cứu những thành công và hạn chế trong sử dụng hiệu quả ngôn ngữ tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam.

- Đưa ra một số kiến giải cá nhân về giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam.

7. Câu hỏi nghiên cứu

Luận văn được thực hiện để trả lời những câu hỏi sau:

- Tạo hình quay phim truyện truyền hình bắt nguồn từ đâu?
- Ngôn ngữ tạo hình quay phim truyện truyền hình được kế thừa từ quay phim truyện điện ảnh như thế nào ?

- Những thành công và hạn chế của tạo hình quay phim truyền hình Việt Nam hiện nay?

8. Phương pháp nghiên cứu

Để làm sáng tỏ vấn đề nêu trên, luận văn sử dụng tổng hợp một hệ thống các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Đọc, phân tích, hệ thống hóa các tài liệu, các nghiên cứu có liên quan đến tạo hình và xử lý tạo hình quay phim trong phim truyền hình và những vấn đề mà luận văn đề cập.

- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Khảo sát trên phim truyền hình Việt Nam, trao đổi với tác giả, nhà quay phim, đạo diễn, đạo diễn hình ảnh của một số bộ phim.

Phân tích, tổng hợp, so sánh những vấn đề lý thuyết được đề cập trong luận văn và thực trạng những bộ phim truyền hình Việt Nam được khảo sát.

9. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Hệ thống hóa các yếu tố liên quan đến tạo hình quay phim truyền hình, từ đó đi sâu nghiên cứu ngôn ngữ tạo hình quay phim truyền hình.

Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim nói riêng và nâng cao chất lượng nghệ thuật của phim truyền hình Việt Nam nói chung, nhằm đáp ứng nhu cầu thưởng thức của đông đảo quần chúng khán giả.

Luận văn hy vọng sẽ trở thành tài liệu tham khảo cho những người quan tâm, những người làm phim, yêu thích điện ảnh.

10. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của luận văn được cụ thể hóa nhiệm vụ nghiên cứu và được kết cấu thành 2 chương.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA TẠO HÌNH QUAY PHIM TRUYỆN TRUYỀN HÌNH

1.1. Khái niệm về tạo hình quay phim

1.2. Kế thừa của tạo hình quay phim truyền điện ảnh trong phim truyện truyền hình.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG XỬ LÝ NGÔN NGỮ TẠO HÌNH QUAY PHIM CỦA PHIM TRUYỆN TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

2.1. Thực trạng tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam

2.2. Xử lý ngôn ngữ quay phim truyện Truyền hình Việt Nam

2.3. Những bài học kinh nghiệm rút ra từ xử lý ngôn ngữ quay phim truyện Truyền hình

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN

CỦA TẠO HÌNH QUAY PHIM TRUYỆN TRUYỀN HÌNH

1.1. Khái niệm về tạo hình quay phim

1.1.1. Khái niệm tạo hình truyền hình

Tạo hình là thuật ngữ được dùng chủ yếu trong các ngành nghệ thuật thị giác, theo *Từ điển Tiếng Việt* tạo hình là “Tạo ra các hình thể bằng đường nét, hình khối, màu sắc” [17, tr.234]. Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tạo hình là “Thủ pháp sáng tạo nghệ thuật bằng ngôn ngữ hình khối, màu sắc, không gian, bố cục. Theo nghĩa rộng, tạo hình bao gồm hoạt động của hội họa, điêu khắc, mỹ thuật ứng dụng, kiến trúc, nhiếp ảnh, điện ảnh, truyền hình” [20, tập 3, tr.375].

Mỗi ngành nghệ thuật trên đều có những đặc thù riêng. Ở hội họa, nhiếp ảnh các yếu tố tạo hình được kết hợp với nhau và thể hiện trên một mặt phẳng, người xem tiếp nhận tác phẩm hoàn toàn bằng thị giác. Với điêu khắc, kiến trúc thể hiện trong một không gian thật, có chiều sâu, có thể tiếp nhận bằng thị giác và xúc giác, do vậy nghệ thuật tạo hình còn được gọi là nghệ thuật không gian, nghệ thuật thị giác, nghệ thuật tĩnh, từ những đặc thù riêng quyết định hình thức thể hiện và phương tiện để truyền tải tác phẩm, thưởng thức tác phẩm theo những cách khác nhau.

Trong nghệ thuật thị giác, tạo hình được sử dụng và biểu hiện trực quan. Người xem tiếp nhận bằng mắt một cách trực tiếp và rõ ràng. Trong văn học, tạo hình còn được người nghe, người đọc tiếp nhận một cách không trực quan, khi tả về dung mạo một nhân vật, bằng vốn sống, trải nghiệm thực tế mà người đọc có thể hình dung ra hình ảnh của nhân vật ấy. Hay trong âm nhạc, thính giả có thể hình dung ra khung cảnh rất cụ thể như suối chảy, chim hót, giông tố, mưa... qua âm thanh, giai điệu, tiết tấu. Dù là tiếp nhận tạo hình

một cách trực quan, rõ ràng hay chỉ là những tạo hình được tưởng tượng trong cảm nhận của khán thính giả, thì tạo hình cũng được tác giả sử dụng có chủ đích, để tạo ra hiệu quả về cảm xúc hoặc truyền tải nội dung.

Là một ngành nghệ thuật sinh sau đẻ muộn nhất, Điện ảnh được thừa hưởng thành quả của sáu loại hình nghệ thuật bao gồm Hội họa, Kiến trúc, Điêu khắc, Văn học, Múa và Âm nhạc do vậy sức biểu hiện của điện ảnh là vô cùng mạnh mẽ. Không chỉ phản ánh một cách chân thực, sinh động cuộc sống, vận động tự nhiên ở thời điểm hiện tại, mà còn có thể tái hiện nó ở trong quá khứ, hoặc tạo ra những thế giới chỉ có trong những giấc mơ, những nơi mà con người không thể đặt chân đến. Để làm được những điều đó, ngoài sự kế thừa thành quả từ những nghệ thuật khác điện ảnh còn áp dụng những tiến bộ của thiết bị kỹ thuật hiện đại, kỹ xảo đồ họa tinh vi tạo ra hình ảnh đẹp, lạ, hấp dẫn khán giả.

Tạo hình của điện ảnh, sử dụng các yếu tố như đường nét, hình khối, màu sắc, tương phản mật độ... làm chất liệu. Và sắp xếp, tổ chức các yếu tố tạo hình một cách hài hòa, theo một ý đồ nào đó để tạo ra một hình thức. Thông qua hình thức ấy chuyển tải những giá trị của nội dung, tư tưởng, tình cảm đến người xem. Muốn chuyển tải những giá trị nội dung qua ngôn ngữ của tạo hình, thì những tổ hợp đường nét, hình khối, màu sắc... phải tác động đến người xem và tạo ra cảm xúc. Chỉ bằng cách tạo ra cảm xúc thì những hình ảnh mới hấp dẫn và đi vào khán giả một cách tự nhiên nhất, đọng lại lâu nhất. Đó mới là những hình ảnh có ý nghĩa.

Truyền hình ra đời vào năm 1936 và kế thừa toàn bộ những thành tựu kỹ thuật và nghệ thuật của điện ảnh phổ cập đến từng căn buồng của từng gia đình. Do kỹ thuật, phương tiện truyền tải hình ảnh đáp ứng nhu cầu của xã hội (tính tức thời, phổ cập rộng rãi...) nên truyền hình được nhìn nhận như một

phương tiện truyền thông đại chúng (báo hình). Truyền hình ra đời và phát triển là sự kết hợp giữa các yếu tố kỹ thuật, nghệ thuật, kinh tế, báo chí.

Từ sự kế thừa thành tựu của điện ảnh, truyền hình sử dụng hình ảnh, âm thanh làm phương tiện và sắp xếp chúng với nhau theo một ý đồ được xác định nhằm chuyển tải tới người xem thông tin và cảm xúc, sản phẩm của truyền hình cũng là thành quả lao động tập thể của biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên, họa sỹ, nhạc sỹ, kỹ thuật viên...

Như vậy, có thể hiểu tạo hình của truyền hình sử dụng những phương tiện biểu hiện nghệ thuật phong phú và tổng hợp từ tạo hình đạo diễn, tạo hình quay phim, tạo hình diễn viên, tạo hình của họa sỹ... Hình ảnh cuối cùng đến người xem được thể hiện qua ống kính của nhà quay phim, do vậy vai trò của tạo hình quay phim trong tạo hình truyền hình là vô cùng quan trọng. Tạo hình quay phim bằng những phương tiện, phương thức biểu hiện nghệ thuật đa dạng như bố cục khuôn hình, màu sắc, ánh sáng, cỡ cảnh, góc độ quay, chuyển động máy và những khả năng khác của nghệ thuật tạo hình, đem đến cho màn ảnh không chỉ hình thức và vẻ thẩm mỹ bên ngoài mà còn biểu đạt nội dung như một phần không thể tách rời của hình tượng thị giác.

1.1.2. Tạo hình quay phim

Một bộ phim hay ngoài những giá trị chân, thiện, mỹ, mà nội dung muốn truyền tải, những cảnh quay sinh động đẹp, lạ mắt, giàu chất cảm cũng tạo ra ấn tượng mạnh mẽ và đọng lại trong người xem. Rất nhiều cảm xúc, cung bậc tình cảm được người xem cảm nhận, từ nhẹ nhàng, êm ả giàu chất thơ trong những cảnh quay lãng mạn đến cảm giác sợ hãi, hồi hộp, lo lắng trong các tình huống kịch tính, xung đột tất cả những trạng thái, những cung bậc cảm xúc ấy được tạo ra từ sự kết hợp của hình ảnh và âm thanh có trong bộ phim. Hai yếu tố này hòa quyện với nhau bằng nghệ thuật dựng phim đây chính là những yếu tố để hình thành ngôn ngữ điện ảnh.

Trong đặc trưng của điện ảnh, tạo hình quay phim đóng vai trò trọng yếu, có những quan điểm cho rằng người quay phim là người sử dụng kỹ thuật đơn thuần, là hoàn toàn sai lầm. Kỹ thuật của người quay phim chỉ là công cụ, là phương tiện để thể hiện nghệ thuật, để tạo ra hình ảnh, hiệu quả của hình ảnh được tạo ra nhằm truyền tải những nội dung, thông qua nội dung khán giả cảm nhận được ý đồ nghệ thuật có trong bộ phim. Ở đây được hiểu rằng bằng phương tiện kỹ thuật, sự cảm nhận, người quay phim cảm nhận tổng hòa nội dung kịch bản ý tưởng tạo hình của đạo diễn và các thành phần sáng tác khác nhà quay phim cụ thể hóa nội dung ấy thành hình ảnh, đưa đến khán giả xem phim sự cảm nhận của nhà quay phim phụ thuộc vào thế giới quan, năng khiếu tích lũy vốn sống kinh nghiệm, gu thẩm mỹ, một nhà quay phim tài ba là trong từng khuôn hình, từng cú chuyển động máy, hiệu quả chiếu sáng đều sinh động, ấn tượng, mới lạ, giàu cảm xúc tạo nên những không gian, tâm lý cho nhân vật. Đây là công việc và trách nhiệm của không chỉ nhà quay phim và họa sĩ, mà còn là công sức đóng góp của toàn bộ các bộ phận chuyên môn cùng song song kết hợp, dưới sự chỉ đạo của người đạo diễn nhằm thể hiện nội dung chủ đề, lột tả sâu sắc tư tưởng kịch bản và nghệ thuật bằng hình ảnh.

Tạo hình quay phim được kế thừa từ xử lý tạo hình của các ngành nghệ thuật như hội họa, nhiếp ảnh v.v... bao gồm các yếu tố bố cục, chiếu sáng, màu sắc, góc độ, tông màu theo một ý đồ tạo hình trên cơ sở nội dung phim, qua đó truyền tải tới khán giả những giá trị của nội dung. Sự khác biệt của hình ảnh quay phim với các môn nghệ thuật tạo hình khác là quay phim tạo ra hiệu quả hình ảnh chuyển động, do cơ chế lưu ảnh trên võng mạc của mắt người hiệu quả chuyển động của hình ảnh chiếc máy quay phim ghi 24 hình/1 giây, nghĩa là 1 giây hình ảnh chuyển động của quay phim được tạo thành bởi 24 ảnh tĩnh, có thể nói một cảnh quay là tập hợp của hàng vài chục đến

hàng trăm thậm chí hàng vạn ảnh tĩnh, một bộ phim là tập hợp của vài trăm cảnh. Với số lượng cảnh quay nhiều như vậy để cho hình ảnh của phim được thống nhất về hình thức và nội dung, tổng thể nhà quay phim cần xác lập hàng loạt các yếu tố như:

- Ý đồ tạo hình quay phim
- Xác định tông phim và màu sắc
- Bố cục khuôn hình
- Chiều sáng
- Giải quyết các mâu thuẫn dựng hình giữa các cảnh
- Góc độ
- Chuyển động máy, các thủ pháp quay phim
- Sử dụng kỹ thuật, thiết bị quay phim để tạo ra hiệu quả hình ảnh và thể

hiện nội dung, chủ đề tư tưởng của bộ phim.

Trong mối quan hệ giữa quay phim và các thành phần sáng tác điện ảnh, ngoài việc xử lý tạo hình của quay phim thì người quay phim còn phải lưu ý tới các yếu tố khác như âm thanh, tiết tấu phim, xử lý dàn cảnh và tiếp nhận tạo hình của đạo diễn, tạo hình của diễn viên, tạo hình của họa sỹ... Một bộ phim hoàn chỉnh bởi sự chung sức của nhiều thành phần sáng tác đứng đầu là đạo diễn, tất cả phải hòa quyện thống nhất như cùng một hơi thở, một nhịp đập một giọng nói. Nếu quay phim chỉ biết sử dụng ngôn ngữ của riêng mình mà thờ ơ các thành phần khác thì các cảnh quay sẽ có thể rơi vào tình trạng chỉ đẹp nhưng không hòa quyện với các yếu tố khác hình thành bộ phim, làm giảm đi sức biểu hiện mạnh mẽ vốn là thế mạnh của ngôn ngữ điện ảnh.

Sử dụng công nghệ, kỹ xảo quay phim cũng góp phần giúp cho tạo hình quay phim trở nên phong phú, đa dạng hoặc tạo ra những hình ảnh mà thực tế không thể làm được. Chúng ta có thể nhận ra ngay ở các phim khác nhau từ nhiều nền điện ảnh trên thế giới. Nếu như điện ảnh Mỹ, Trung Quốc được biết

tới bởi tạo hình phim hoành tráng, hình ảnh được thể hiện bởi sự hỗ trợ đặc lực của thiết bị kỹ thuật hiện đại, kỹ xảo tinh vi tạo ra những hình ảnh ấn tượng thậm chí siêu thực và mang lại cho người xem cảm giác thích thú, thì các nền điện ảnh các nước khác như I-ran, Hàn Quốc, tạo hình phim lại mang nhiều yếu tố thực, các cảnh quay không chỉ đẹp mà đơn giản. Từ đây ta lại thấy đặc điểm trong xử lý tạo hình quay phim không chỉ phụ thuộc thuần túy vào, kỹ thuật, kỹ xảo và những sáng tạo cá biệt riêng rẽ mà còn phụ thuộc vào đặc điểm của các nền văn hóa khác nhau, bởi lẽ ở mỗi quốc gia, dân tộc đều có những sắc thái riêng trong đời sống sinh hoạt và văn hóa. Do vậy, quan niệm về cái đẹp trong tạo hình cũng khác nhau, chính điều này cũng góp phần làm nên sự đa dạng trong sáng tạo của quay phim

1.2. Kế thừa của tạo hình quay phim truyện điện ảnh trong phim truyện truyền hình

1.2.1. Tạo hình quay phim truyện điện ảnh

1.2.1.1. Xác lập ý đồ tạo hình quay phim trong phim truyện

Để xây dựng một bộ phim truyện, bắt đầu từ kịch bản văn học điện ảnh. Trong các ngành nghệ thuật tạo hình như hội họa, nhiếp ảnh, việc xử lý các yếu tố bố cục, màu sắc, ánh sáng, hình khối... đều được phối hợp với nhau dựa trên một ý đồ nào đó, ý đồ này chi phối cách sử dụng các yếu tố tạo hình, nhằm tạo ra một hình thức không chỉ ấn tượng, mang tính thẩm mỹ mà còn đưa hình thức ấy bám sát được nội dung muốn thể hiện. Ý đồ tạo hình được tính toán một cách kỹ lưỡng trước khi bắt tay vào thực hiện tác phẩm, mỗi kịch bản văn học điện ảnh do các nhà biên kịch hoặc đạo diễn hoặc các nhà văn hoặc bất kỳ ai có khả năng, sự am hiểu và sử dụng thành thạo ngôn ngữ điện ảnh viết lên, có thể lấy chất liệu từ chính cuộc sống hàng ngày, có thể chuyển thể từ tác phẩm văn học như truyện ngắn, bút ký, hồi ký, hoặc tiểu thuyết.v.v... Từ đây, đạo diễn bắt tay vào xây dựng kịch bản phân cảnh, có thể

tự làm, có thể phối hợp với các thành phần sáng tác khác như quay phim, họa sĩ thiết kế, nhạc sĩ để trao đổi, bàn tìm và thống nhất ý tưởng tạo hình cho bộ phim. Theo phương pháp kinh điển, ở công đoạn này thường phối hợp giữa ba thành phần đạo diễn - nhà quay phim - họa sĩ thiết kế bàn bạc, thống nhất phác thảo thành bản vẽ cơ bản từng cảnh cho toàn bộ phim. Nhà quay phim phải nắm vững chủ đề tư tưởng của bộ phim, nội dung cấu trúc, cốt truyện, cũng như tình huống hành động thoát tiết tấu tình cảm của các nhân vật, nắm rõ ý tưởng của người đạo diễn. Sau đó suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo và xác lập ý đồ tạo hình cho cả bộ phim ngay từ giai đoạn tiền kỳ bao gồm các công việc như xử lý tông phim, bố cục, chiếu sáng, các thủ pháp quay phim, động tác máy, thiết bị, quy trình kỹ thuật... Trong sản xuất phim, về thiên chức thì người quay phim đứng hàng thứ ba sau biên kịch, đạo diễn, nhưng lại là người đầu tiên tạo ra hình ảnh chính thức. Vì vậy đòi hỏi rất cao về chất lượng hình ảnh khi quay phim.

Khi đã xác lập được ý đồ tạo hình cho bộ phim, thì các công việc như xử lý tông phim, bố cục, chiếu sáng, xác định các thủ pháp quay phim, động tác máy... đều tuân thủ thực hiện ý đồ tạo hình, sản phẩm cuối cùng tạo thành một thể thống nhất về các mặt, sự thống nhất này rất cần thiết cho hình ảnh của bộ phim, giống như sợi chỉ đỏ xuyên chuỗi các cảnh trong phim, làm tăng sự kết dính của cốt truyện.

Xác lập ý đồ tạo hình của quay phim cần dựa vào chủ đề, đối tượng, nội dung của từng bộ phim, hoặc do quan niệm của các nhà làm phim với chủ đề, đối tượng được phản ánh. Có nhiều bộ phim thành công trong xử lý tạo hình quay phim thể hiện rõ ý đồ như bộ phim *Người chưa biết nói* (1979), đạo diễn Bạch Diệp bộ phim làm về đề tài trẻ em, để làm tôn lên sự hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng của trẻ em nhà quay phim Nguyễn Mạnh Lân đã sử dụng tông sáng làm tông chủ đạo cho toàn bộ phim, hay trong bộ phim kinh điển *Câu*

chuyện Tokyo (1953), Đạo diễn Ozu Yasujirō, máy quay của ông luôn luôn đặt cách sàn nhà khoảng 70cm (tầm nhìn của một người Nhật ngồi trên chiếu *tatami*). Lý do cho việc đặt máy quay thấp và hầu như không bao giờ di chuyển máy quay, cách xử lý tạo hình này loại bỏ chiều sâu và tạo ra một không gian hai chiều. Chúng ta có thể đánh giá được bố cục tốt hơn, bởi vì Ozu cho phép ta nhận ra những đường nét, sức nặng và tông màu những thứ luôn luôn phản ánh cảm nhận chính xác của ông đối với cảnh quay. Ozu đã đặt con người lên tiền cảnh, ông tập trung vào những sắc thái của cuộc sống thường ngày, loại bỏ sự máy móc của những hiệu ứng và việc dựng phim và chọn cách chạm tới chúng ta bằng cảm xúc của con người chứ không phải bằng kỹ thuật kể chuyện trong xưởng phim. Hay ở trong những bộ phim kinh dị, phim ma tông phim được xử lý thiên về tông lạnh làm tăng cảm giác sợ hãi, rùng rợn. Trong những phim tâm lý về tình yêu, tạo hình quay phim được xử lý với tông sáng, thiên màu ấm làm tôn lên sự lãng mạn, chất thơ cho bộ phim. Dù ý đồ được thể hiện qua tông phim, màu sắc chủ đạo, góc quay, chuyển động máy quay... thì mục đích của ý đồ tạo hình quay phim là tạo sự thống nhất, kết dính của chuỗi hình ảnh và tôn nội dung, chủ đề của bộ phim.

1.2.1.2. Xác định tông phim và màu sắc trong phim truyện

- Xác định tông phim trong tạo hình quay phim truyện

Tông phim là một trong những yếu tố được xử lý theo ý đồ tạo hình của nhà quay phim, xác định tông phim dựa theo nội dung, trạng thái tình cảm, tâm lý của câu chuyện, làm bật được nội dung tư tưởng của kịch bản, một bộ phim có hình ảnh được xử lý tốt là phải duy trì được tông phim cho cả bộ phim.

Tông phim có thể tạo hiệu quả giúp khán giả cảm nhận về không gian, thời gian, diễn biến tâm lý nhân vật, với hình ảnh của phim đen trắng được biểu hiện bởi sắc thái đen, ghi, xám, trắng, nếu ở phim màu thì hình ảnh được biểu hiện ở

các sắc độ màu. Nếu hình ảnh quay được biểu hiện ở sắc thái thiên về trắng hoặc đen hay sắc độ màu nào được gọi theo sắc thái màu chủ đạo ấy.

Xác lập tông sáng qua tỉ lệ ánh sáng chủ quang và phụ quang, mức độ phụ thuộc vào tỉ lệ chiếu sáng giữa chủ thể và hậu cảnh, cấp độ sáng tối của chủ thể quay cùng với phong nền, hậu cảnh quy định tông sáng của cảnh quay. Trong cùng một cảnh quay có sự chuyển động của máy quay qua nhiều không gian khác nhau, mỗi không gian cho thấy một hiệu quả sáng tối, đậm nhạt khác nhau, do vậy quyết định chọn lựa tông phim cũng là sáng tạo của nhà quay phim.

Tông màu được gọi theo sắc độ màu chủ đạo của hình ảnh, tông màu được tạo ra bởi hiệu quả chiếu sáng, màu của vật thể, màu của tự nhiên. Tông màu có màu nóng, màu lạnh tạo ra cảm xúc hiệu quả tâm lý nhất định, những tông màu nóng như đỏ, vàng, cam có ý nghĩa về sự máu lửa, nồng ấm về tình yêu, giàu sang hạnh phúc. Tông màu lạnh xanh lam, tím là những màu sắc tượng trưng cho sự buồn bã, chết chóc, nhưng có những màu xanh tượng trưng cho sức sống, hòa bình.

Tông phim tạo hiệu quả diễn biến tâm lý nhân vật. Trong phim *Nhật ký tình yêu*, ra mắt 2004, đạo diễn Nick Cassavettes được chuyển thể từ cuốn tiểu thuyết cùng tên của tác giả Nicholas Sparks, nội dung phim kể về chuyện tình yêu của Noah và Allie, một chuyện tình vĩ đại, tình yêu trong phim không có tuổi tác và còn mãi với thời gian khi con người trải qua đường đời: sinh, lão, bệnh, tử, bao sóng gió. Một tình yêu nhiều trắc trở và cũng đầy lãng mạn. Ở trường đoạn Allie quay trở về gặp Noah sau nhiều năm xa cách, khi biết người yêu vẫn còn sống và mình sắp phải đính hôn với một người khác, ở trường đoạn này hình ảnh của phim được xử lý với tông màu sáng, âm thể hiện sự lãng mạn, tự do, khao khát, khoáng đạt trong biểu hiện tình cảm vượt xa khỏi thực tại. Hai nhân vật chính trong phim đến với nhau bằng tình cảm không những lãng mạn mà rất mãnh liệt, phá bỏ mọi rào cản hiện thực rằng

Ellie sắp phải đính hôn với một người khác. Tông màu được xử lý theo diễn biến tâm lý, tình cảm của nhân vật. Khi hai nhân vật với tình yêu vẫn âm ỉ nhưng vẫn không dám thể hiện vì bị chi phối bởi hiện thực cho đến khi, họ nhận ra không thể để mất nhau thêm một lần và ngọn lửa yêu thương bùng cháy mãnh liệt với bao khát khao, thì tông màu cũng được xử lý từ tông sáng thiên màu vàng ấm, chuyển dần sang tông sẫm hơn thiên màu đỏ của buổi hoàng hôn. Các nhà làm phim thật khéo léo khi mượn màu đỏ của hoàng hôn để diễn đạt các cung bậc cảm xúc rồi bùng cháy của ngọn lửa tình yêu.

Tông phim tạo hiệu quả không gian, thời gian, sự tương phản. Trong bộ phim nổi tiếng *Chiến mã* (2011), đạo diễn Steven Spielberg đã dùng tông sẫm, thiên xanh để diễn tả buổi đêm ở chiến trường, tông lạnh cùng với bối cảnh bị tàn phá do bom đạn để diễn tả sự tàn khốc của chiến tranh, tông lạnh ấy cũng làm màu nền cho chi tiết cảm động và đầy tính nhân văn khi những người lính ở hai bên chiến tuyến cùng ngừng bắn để cùng cứu một chú ngựa đang bị lạc, bị thương và bị vướng vào dây thép gai giữa chiến hào, tông màu càng lạnh lẽo càng làm tương phản sự tàn khốc của chiến tranh và tính nhân văn của con người.

Tông phim không chỉ bị ảnh hưởng bởi chiếu sáng, mà còn ảnh hưởng bởi kỹ thuật lộ sáng trong quá trình quay phim, nhà quay phim điều chỉnh khẩu độ ống kính máy quay để kiểm soát lượng sáng vào phim, điều tiết từng vùng sáng tối trong khuôn hình. Tất cả chi tiết các vùng sáng tối trong khuôn hình phải được kiểm soát để không mất chi tiết. Từ việc xác định biên độ sáng tối cho toàn bộ phim, chiếu sáng, lộ sáng quy trình tráng phim sẽ được kiểm soát để cho mật độ không vượt ra ngoài biên độ sáng tối đã xác định. Nhà quay phim cần lựa chọn và xác định tông phim cho mỗi một trường đoạn và cả bộ phim, phù hợp với ý tưởng kịch bản. Xử lý tông phim tốt thì khán giả sẽ cảm nhận tốt hình ảnh, tiếp nhận không khí, tình cảm, tâm lý của chuyện phim.

- Màu sắc trong tạo hình quay phim

Xử lý màu sắc trong phim là một khâu quan trọng trong xử lý tạo hình quay phim. Màu sắc trong tạo hình quay phim ngoài vai trò riêng của mình như là một chất liệu phản ánh chân thực, sinh động thế giới khách quan, màu sắc còn liên quan tới chiếu sáng, hình thành tông phim và là một phần quan trọng trong xử lý bố cục khuôn hình của nhà quay phim.

Màu sắc trong phim được tạo nên bởi màu sắc của không gian bối cảnh, đạo cụ, màu sắc của toàn bộ trang phục diễn viên, màu sắc của không gian được tạo nên bởi ánh sáng của quay phim, màu sắc được tạo ra từ sử dụng phương tiện kỹ thuật quay phim và màu sắc tạo ra trong quá trình xử lý hậu kỳ.

Cũng giống như hội họa, nhiếp ảnh, màu sắc không chỉ là một trong những yếu tố hình thành nên tạo hình quay phim mà còn đóng vai trò là phương tiện truyền tải những giá trị của nội dung, tư tưởng của tác giả đến người xem phim. Màu sắc trong phim không chỉ tạo ra hình ảnh sinh động, mà còn có tác dụng tạo ra không khí, không gian, thời gian, của cảnh quay. Không những vậy, cách sử dụng màu sắc còn tạo hiệu quả tâm lý cho hoàn cảnh của nhân vật, đem lại khả năng dự báo cho người xem, cách sử dụng màu sắc trong phim cũng chính là phương tiện truyền tải những thông điệp của tác giả đến khán giả xem phim.

Về mặt kỹ thuật, nhà quay phim phải nắm rất vững những kiến thức vật lý về màu sắc, lý thuyết về tái hiện màu sắc, pha trộn màu sắc bằng các phương pháp tổng hợp cộng màu, tổng hợp trừ màu và sử dụng các loại đèn chuyên dụng phối hợp với kỹ thuật cân bằng trắng trong quá trình quay phim để tạo ra màu sắc mong muốn cho bộ phim.

Nhà quay phim đóng góp vai trò quan trọng trong quá trình sáng tạo ra màu sắc của hình ảnh. Dựa vào những nguyên lý cơ bản về mối liên hệ giữa màu sắc và ánh sáng, các nhà làm phim tạo màu sắc riêng cho bộ phim, bằng

cách kết hợp thành thạo những kĩ năng nghề nghiệp và sử dụng ánh sáng để thay đổi màu sắc của vật thể trong khung hình hay thậm chí màu sắc của cả cảnh quay (nhà quay phim có thể thay đổi màu sắc thực tế bằng cách sử dụng kính lọc màu, cân bằng trắng, tạo hiệu quả từ mối tương quan giữa các màu sắc trong tự nhiên...) nhằm tạo ra những hiệu quả về thời gian, không gian xảy ra câu chuyện phim, cảm xúc, sự hài hòa và tính thẩm mỹ cho hình ảnh.

Về mặt hiệu quả trong sử dụng màu sắc, chúng ta có nhận thấy vai trò của màu sắc trong phim với đặc điểm như màu sắc mang tính gợi mở, kể chuyện, màu sắc mang tính biểu tượng, biểu trưng, màu sắc truyền đạt cảm xúc cho khán giả. Một nhà quay phim tài ba là phải khai thác được những hiệu quả của màu sắc trong việc thể hiện nội dung, chủ đề tư tưởng một cách chủ động, nhuần nhuyễn.

Việc sử dụng màu sắc không chỉ trong các ngành nghệ thuật, mà trong đời sống sinh hoạt hàng ngày cũng đều có vai trò ý nghĩa riêng, những quan niệm về ý nghĩa của màu sắc còn phụ thuộc vào văn hóa của các quốc gia, dân tộc khác nhau, từ những đặc điểm của sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng khác nhau ấy đã tạo ra những quan niệm khác nhau về sử dụng màu sắc, nếu như ở Việt Nam thường sử dụng nhiều các màu đỏ, vàng trong những dịp lễ, tết hoặc nhiều trường hợp sử dụng màu sắc tương ứng với các màu trong Ngũ hành, một phần quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt, thì ở các nước phương Tây màu trắng, màu đen được sử dụng nhiều trong những ngày quan trọng hoặc những dịp lễ. Việc sử dụng màu sắc với ý nghĩa khác nhau trong mỗi quốc gia, dân tộc trong đời sống sinh hoạt, làm phong phú thêm màu sắc trong tạo hình quay phim, bởi lẽ một trong những chức năng của điện ảnh là phản ánh chân thực, sinh động cuộc sống, đây cũng là một trong những yếu tố làm nên sự khác biệt giữa các nền điện ảnh khác nhau trên thế giới.

Dù là cách sử dụng, quan niệm về ý nghĩa của màu sắc trong mỗi quốc gia, dân tộc có khác nhau, những bản thân màu sắc cũng có những tiếng nói riêng của mình và có ý nghĩa tương đối với những nền văn hóa khác nhau. Màu đỏ thường đi liền với sức mạnh, sự quyết tâm, nó cũng là biểu tượng của sự đe dọa, nguy hiểm và chiến tranh, màu đỏ cũng là màu của cảm xúc, nhiệt huyết và tình yêu. Màu cam được thụ hưởng sự mạnh mẽ của màu đỏ và sự hạnh phúc của màu vàng. Màu cam biểu trưng cho sự cố gắng, thu hút, quyết rũ, hạnh phúc, sáng tạo. Màu xanh lá cây là màu của thiên nhiên, màu xanh tượng trưng cho sự phát triển, hòa thuận, màu xanh lá cây còn mang ý nghĩa của sự phát triển và hy vọng. Màu trắng đi liền với sự trong trắng, tinh khiết, thánh thiện và trinh nguyên. Màu trắng được xem là màu của sự hoàn thiện. Màu đen đi liền với quyền lực, trang trọng. Ở một góc nhìn khác màu đen là hình tượng của cái tang tóc, cái chết, huyền bí và của quỷ. Màu đen còn là màu của sự sợ hãi và bí ẩn... và còn nhiều màu sắc khác với ý nghĩa riêng của nó, nếu hiểu được ý nghĩa của màu sắc sẽ giúp nhà quay phim không những sử dụng một cách hiệu quả trong việc tạo ra những hình ảnh đẹp mang tính thẩm mỹ mà còn sử dụng màu sắc trong phim như là một yếu tố quan trọng giúp nhà quay phim kể chuyện và diễn tả tâm lý nhân vật.

1.2.1.3. Bố cục khuôn hình trong tạo hình quay phim truyện

Xử lý bố cục trong khuôn hình quay phim khác với bố cục khuôn hình nhiếp ảnh hay hội họa, bởi hình ảnh của quay phim tạo ra hiệu quả hình ảnh động, nên bố cục của khuôn hình quay phim phải được xử lý trên sự liên tục của hình ảnh. Các yếu tố nằm trong bố cục bao gồm: Ý đồ tạo hình chung gồm tông phim, màu sắc, ánh sáng cũng phải bố cục, các thủ pháp quay, góc độ, chuyển động máy được sử dụng thông qua xử lý bố cục khuôn hình quay phim. Màu sắc trong phim trực tiếp tham gia vào bố cục khuôn hình, nhà quay phim sắp xếp, phối hợp những màu sắc có trong khuôn hình trong một

bộ cục tổng thể. Hơn nữa màu sắc và tông phim còn chịu sự ảnh hưởng của hiệu quả chiếu sáng, sắc độ, sáng tối của các màu có thể thay đổi khi có tác động của ánh sáng, một trong ba yếu tố của ngôn ngữ tạo hình quay phim.

Bộ cục trong tạo hình quay phim được hiểu là tên gọi của một quá trình bố trí và sắp xếp các yếu tố tạo hình trong khuôn hình quay phim, nhằm tạo ra hình ảnh một thể thống nhất không chỉ đẹp, hài hòa về hình thức mà còn thể hiện rõ nội dung được đề cập trong khuôn hình. Bộ cục là một trong những yếu tố quan trọng hình thành ngôn ngữ tạo hình quay phim.

Xử lý bộ cục được chi phối bởi ý đồ tạo hình quay phim, xử lý bộ cục là hoạt động liên quan tới các yếu tố tạo hình như ánh sáng, màu sắc, góc máy, chuyển động máy và có mối liên hệ tới dựng phim. Không có chuẩn mực nào áp dụng cho bộ cục tạo hình, bởi bộ cục tạo hình liên quan tới khả năng cảm nhận, sáng tạo và thưởng thức nghệ thuật của nhà quay phim. Một người quay phim cần có khả năng thưởng thức, cảm giác được mức độ cân bằng, dáng điệu, chiều sâu không gian, đường nét và sắc độ, biết nhận định giá trị của màu sắc trong biểu đạt nội dung, tâm lý nhân vật, ngoài ra nhà quay phim cần có cảm nhận văn học, thể giới quan phong phú mới có thể tạo ra những hình ảnh đẹp về tạo hình và giàu cảm xúc.

Người quay phim phải hiểu được ý đồ dàn dựng của đạo diễn, để bộ cục mỗi khuôn hình sắp xếp vị trí cho diễn viên, đồ đạc hay vật cảnh. Sắp xếp và di chuyển diễn viên trong bối cảnh phải được tính toán để tạo được hiệu quả hình ảnh mang tính thẩm mỹ và lột tả được tâm lý, cảm xúc của nhân vật. Có thể thấy phim truyện với chức năng truyền tải nội dung, cảm xúc thẩm mỹ, thì cách thức mà bối cảnh được phối hợp, dàn dựng, chiếu sáng, thu hình và cắt dựng được tác động vào khán giả thích hợp với ý đồ của kịch bản. Sự chú ý của khán giả phải được tập trung vào: Diễn viên, đồ vật, chi tiết hay động tác diễn xuất có ý nghĩa nhất vào đúng thời điểm của chuyện phim cần.

1.2.1.4. Chiều sáng trong tạo hình quay phim truyện

Đây là yếu tố quyết định tông phim kết hợp cùng chế độ lộ sáng, ảnh hưởng rất lớn tới màu sắc, chiều sáng trong phim tạo ra hiệu quả không gian, thời gian, tâm lý nhân vật và sức biểu hiện mạnh mẽ trong vai trò chuyển tải nội dung kịch bản. Chiều sáng trong quay phim khác với nhiếp ảnh hay hội họa ở chỗ phải tính toán được phương án chiều sáng động cho cả cảnh quay với đối tượng và máy quay động hoặc tĩnh.

Trong tạo hình quay phim việc chiều sáng không phải đơn thuần cho chúng ta nhìn thấy cảnh quay mà chiều sáng được sử dụng để tạo ra hiệu quả về không gian, thời gian, tạo ra hiệu quả về tính cách, tâm lý nhân vật. Chỉ với một nhân vật có thể chiều sáng để làm cho nhân vật nhìn hiền lành bằng ánh sáng mềm, hướng chiếu chéo thuận nhưng cũng có thể làm nhân vật trở thành mạnh mẽ, độc ác, âm mưu với cách chiếu sáng tạo ra tương phản mạnh, hướng chiếu sáng từ dưới lên. Chiều sáng được sử dụng trong phim như một chất liệu để xây dựng ngôn ngữ tạo hình. Ánh sáng cũng có “tiếng nói” riêng trong việc tạo ra không gian, tạo thời gian, tạo ra tâm lý nhân vật, sử dụng hiệu quả chiều sáng có thể tác động tới tâm lý của người xem như buồn, vui, lo lắng, hồi hộp, sợ hãi và dự báo tình huống có thể xảy ra tiếp theo.

Chiều sáng có ảnh hưởng tới các yếu tố tạo hình khác như tông phim, màu sắc và tham gia vào bố cục khuôn hình, nhà quay phim phải sử dụng chiều sáng theo ý đồ tạo hình có trước, cùng với yếu tố văn học trong cảm nhận của nhà quay phim nâng ánh sáng có trong phim thành ánh sáng chứa đựng ý đồ nghệ thuật, do vậy chiều sáng cũng là yếu tố của ngôn ngữ tạo hình quay phim.

1.2.1.5. Dựng hình

Dựng hình, hay còn được hiểu là giải quyết những mâu thuẫn giữa các cảnh quay, dựng hình nằm trong vai trò của nhà quay phim. Đây là vấn đề

khác với dựng phim cho toàn bộ phim, nghệ thuật dựng phim thiết kế cấu trúc của toàn bộ phim theo ý tưởng kịch bản, dựng hình trong vai trò của nhà quay phim giải quyết bước chuyển giữa cảnh trước và cảnh sau trong một trường đoạn để đảm bảo tính liên lạc của tình huống truyện phim. Nhà quay phim phải tính toán liên kết giữa cuối cảnh trước và đầu cảnh sau ngay trong quá trình quay, để đảm bảo chuyển cảnh êm ái, mượt mà về tạo hình phải tuân thủ những quy tắc như động với động, tĩnh với tĩnh, một cảnh có chuyển động máy muốn liên kết với một cảnh tĩnh thì ở cuối cảnh phải đưa về tĩnh thì khi dựng hai cảnh với nhau mới êm về thị giác, có thể liên kết bằng mật độ sáng với sáng, tối với tối, hoặc theo hướng, chiều chuyển động của đối tượng quay để đảm bảo trực diễn xuất. Ngoài ra có thể liên kết bằng cỡ cảnh, một cảnh quay nếu thể hiện đầy đủ ý nghĩa cần diễn đạt có thể coi đó như là một câu hình, cũng giống như cấu trúc câu trong văn học, như vậy có thể hiểu một cảnh cũng có thể là một mệnh đề và cần liên kết với cảnh khác nữa để trở thành một câu rõ nghĩa, từ ý nghĩa của cỡ cảnh trong việc thể hiện nội dung, có thể liên kết nhiều cỡ cảnh với nhau để biểu đạt sáng rõ nội dung và tạo ra sự phong phú về mặt hình ảnh, thông thường có thể liên kết với cấu trúc: cận - trung - toàn hoặc toàn - trung - cận, trong nhiều trường hợp để tạo ra sự hồi hộp, gay cấn, mạnh mẽ có thể kết nối cận - trung - cận. Như vậy, có thể thấy dựng hình của quay phim có mối liên hệ mật thiết và là chất liệu để dựng phim. Nếu nhà quay phim không có những tính toán ở những mấu nối này thì không tạo được sự liên kết giữa các cảnh quay giữa nội dung và đến khâu dựng phim không dựng được.

Từ kịch bản phân cảnh, tùy theo yêu cầu của nội dung nhà quay phim sử dụng cách tạo hình cho phù hợp, để đảm bảo tính liên tục giữa hai cảnh quay và liên kết chặt chẽ cả nội dung và hình thức, đảm bảo trực diễn xuất, hướng chiều chuyển động của nhân vật, độ đậm nhạt của các cảnh quay, ngoài ra còn

giúp người xem xác định các không gian giữa các cảnh quay. Sự liên kết hình ảnh này ảnh hưởng tới vị trí đặt máy, góc độ, hình cuối và hình bắt đầu của mỗi cảnh quay của nhà quay phim là những yếu tố có tác dụng gây cảm giác mềm mại, liên tục cho người xem.

Một bộ phim có hàng vài trăm cảnh quay, để diễn tả sự liên tục của tình huống, nội dung truyện phim, những mâu nối giữa các cảnh đóng vai trò rất quan trọng, góp phần hình thành mạch liên và tiết tấu của phim.

1.2.1.6. Góc độ, chuyển động máy và các thủ pháp quay phim truyện

- Góc độ

Trước khi bắt đầu quay một cảnh, nhà quay phim phải chọn lựa vị trí đặt máy tốt nhất để thấy diễn viên, bối cảnh và sự diễn xuất trong suốt thời gian diễn ra một cảnh. Đặt máy quay lựa chọn góc độ thu hình tốt nhất phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó xuất phát từ yêu cầu của truyện phim, ý đồ tạo hình, bố cục... Xác định góc độ thu hình là xác định tầm nhìn của khán giả và không gian của cảnh quay, thông thường tầm nhìn được xác định cao hay thấp, rộng hay hẹp, gần hay xa. Sự thận trọng trong việc sử dụng góc độ giúp tăng kịch tính cho truyện phim, giúp cho người xem dễ định hướng không gian xảy ra câu chuyện. Chọn lựa góc độ quay một cách tùy tiện sẽ làm cho khán giả khó hiểu được những tình huống xảy ra, khó hình dung không gian, hướng chuyển động của nhân vật có trong khuôn hình, chính vì vậy, chọn lựa góc độ tốt không những thể hiện rõ ràng hình ảnh mà còn làm cho cấu trúc của đoạn phim thêm chặt chẽ, mạch lạc và tăng sự hấp dẫn cho bộ phim.

Trong các cảnh quay, thường hay đặt vị trí máy cao ngang tầm mắt người, vì ở góc độ này nếu quay ở tiêu cự 50mm sẽ cho chúng ta kết quả hình ảnh trung thực như mắt người nhìn, không bị biến dạng chủ thể, góc độ này thường không được sử dụng nhiều khi cần miêu tả không gian trải rộng, có chiều sâu, vì không tạo được hiệu quả gần xa về phối cảnh, không tách được

các lớp của không gian như khi đặt vị trí máy ở góc độ cao. Góc độ cao sẽ cho thấy toàn bộ không gian mà ở các lớp lang của không gian không bị chồng lên nhau, góc độ này không chỉ dùng miêu tả chiều sâu không gian mà còn tạo ra hiệu quả hình ảnh đặc biệt, được sử dụng nhiều để thực hiện những ý đồ nghệ thuật, ở góc độ cao và góc độ thấp thể hiện rất rõ dụng ý của các nhà quay phim trong việc diễn tả tâm lý nhân vật. Góc độ thấp được dùng để tả chiều cao của chủ thể, góc độ này thường kéo theo sự biến dạng, sai lệch về hình khối, con người cảnh vật, bị méo mó, góc độ này cũng thường được dùng khi cần những hiệu quả hình ảnh mạnh mẽ.

Góc cao, góc thấp và góc ngang tầm mắt người là ba góc độ được dùng rất nhiều trong một bộ phim, thậm chí khi có sự chuyển động của máy quay có thể sử dụng cả ba góc máy trong một cảnh quay nhằm tạo lên hiệu quả hình ảnh đặc biệt, sinh động, thú vị với người xem. Ngoài những góc độ của hình ảnh còn có góc độ của tâm lý chủ quan, góc độ khách quan. Góc độ khách quan là góc độ quan sát của người ngoài truyện phim. Góc độ này dễ nhận ra khi nhà quay phim đặt máy quay tương đối xa nhân vật và có thể sử dụng tiền cảnh trong khuôn hình tạo cảm giác là góc nhìn của người ngoài tình huống quan sát mọi hành động của nhân vật trong cảnh phim đó. Còn góc độ chủ quan là góc độ quan sát của nhân vật tham gia trong cảnh quay và cảnh nối tiếp nhân vật nhìn thấy gì. Ở góc độ này thường phụ thuộc vào tình huống truyện và tạo ra hiệu quả hình ảnh có sức hấp dẫn và biểu cảm mạnh mẽ. Như vậy, cả hai góc độ trên là góc độ được sinh ra bởi cảm giác, tâm lý chứ không phải góc độ có thể đo đếm bằng con số, góc độ chủ quan, khách quan có thể là góc cao, góc thấp hoặc góc ngang tầm mắt người tùy thuộc vào tình huống truyện. Cũng có nhiều trường hợp cùng một cảnh sử dụng cả hai góc độ này.

- Chuyển động máy và các thủ pháp quay phim truyện

Công nghệ, kỹ thuật điện ảnh đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển chung của điện ảnh, riêng với nghệ thuật quay phim từ thời kỳ ban đầu của điện ảnh, máy quay đặt cố định tại một vị trí máy tĩnh hoàn toàn cho đến khi có sự xuất hiện của chuyển động máy là nhờ có sự hỗ trợ đắc lực của thiết bị kỹ thuật, với mỗi phát minh về kỹ thuật lại giúp nhà quay phim có được hiệu quả hình ảnh mới lạ hơn. Ngày nay có những thiết bị hỗ trợ chuyển động máy quay như: *Boom, ray*, thiết bị đặt máy quay di động *steadicam, flyingcam* (thiết bị bay được gắn máy quay phim) v.v... với nhiều thiết bị kỹ thuật như vậy, nhà quay phim phải am hiểu và thao tác nhuần nhuyễn kỹ thuật quay và lấy đó làm công cụ để tạo ra những hiệu quả cảnh quay có hình ảnh đẹp, tạo hình lạ, giàu cảm xúc vừa phục vụ tốt cho ý đồ nghệ thuật, vừa tạo ra sự thích thú, hấp dẫn người xem.

Chuyển động máy được nhà quay phim thực hiện dựa vào những yêu cầu của nội dung kịch bản, ý đồ tạo hình của chuyển động máy được nhà quay phim và đạo diễn thống nhất ăn khớp với dàn cảnh của đạo diễn. Trong một cảnh quay, chuyển động máy mở ra không gian, hoạt động cho tình huống, cho người xem biết thêm về nội dung câu chuyện. Chuyển động máy không chỉ tạo ra hình ảnh đầy sức lôi cuốn, gay cấn, tăng tính kịch trong những cảnh quay hành động như đua xe, võ thuật, mà còn diễn tả tâm lý nhân vật một cách mãnh liệt ở những tình huống nhân vật đang ở trạng thái tập trung suy nghĩ, nhân vật tĩnh chuyển động máy xoay tròn xung quanh nhân vật, tạo ra hình ảnh nhân vật tĩnh và hậu cảnh chuyển động, như vậy là lấy động của hình ảnh tả cái động của nội tâm nhân vật.

Chuyển động máy quay có thể làm thay đổi không gian, thay đổi hướng chuyển động của nhân vật... và có ảnh hưởng tới các yếu tố tạo hình khác, trong quá trình máy quay chuyển động sẽ không kỹ về bố cục, ánh sáng như

khi đặt máy tĩnh, có thể có nhiều góc độ và nhiều cỡ cảnh trong quá trình chuyển động máy, máy có thể lên cao đi ngang rồi xuống thấp, máy có thể lùi xa hoặc tiến lại gần. Xử lý bố cục khuôn hình khi máy di động là một việc làm quan trọng, nhà quay phim tài ba là người xử lý bố cục gọn gàng trong suốt quá trình chuyển động máy chứ không phải bố cục khuôn hình đầu tiên và khuôn hình cuối. Chuyển động máy quay phải được thực hiện với những ý đồ mang tính nghệ thuật cũng như *logic* cao. Bên cạnh đó, di chuyển máy quay không nên tác động và làm giảm đi giá trị của các yếu tố tạo hình khác như bố cục hay chiếu sáng...

Chuyển động máy là thủ pháp của nghệ thuật quay phim, có nhiều dạng chuyển động mà nhà quay phim có thể sử dụng để biểu đạt những giá trị về nội dung của cảnh quay bằng các kỹ thuật lia máy, thay đổi tiêu cự của ống kính, thay đổi vị trí của máy trong quá trình quay. Với mỗi dạng chuyển động đều cho chúng ta những hiệu quả hình ảnh khác nhau và có những ý nghĩa riêng của nó:

Máy lia: Máy lia theo chiều đứng (từ trên xuống hay từ dưới lên) thường được sử dụng để thể hiện sự cao lớn hoặc diễn tả chuyển động theo chiều đứng, giống như khi diễn tả chiều cao của tòa nhà hoặc máy theo chuyển động của vận động viên leo núi. Máy lia ngang thường được sử dụng với mục đích miêu tả không gian rộng lớn, mênh mông hoặc diễn tả chuyển động theo phương nằm ngang. Máy lia chéo lên hoặc xuống cũng là một thủ pháp giới thiệu hoặc thay đổi đối tượng quay.

Thay đổi tiêu cự ống kính: Thường sử dụng ống kính *zoom* để nhấn mạnh một vật thể, một chi tiết hoặc mở ra bối cảnh lớn, khi thay đổi tiêu cự ống kính đồng nghĩa với thay đổi cỡ cảnh gần vào chủ thể hoặc ra xa, quá trình thay đổi ấy cho hiệu quả chuyển động. Thay đổi khoảng nét trong quá trình quay cũng là một chuyển động. Thay đổi khoảng nét cũng là thay đổi

chủ thể trong khuôn hình và mang lại thông tin mới cho người xem, dùng để nhấn mạnh, tập trung sự chú ý của người xem vào một chi tiết nào đó.

Thay đổi vị trí của máy trong quá trình quay: Đây là loại chuyển động mang lại nhiều hiệu quả hình ảnh nhất, chuyển động được tạo bởi các dụng cụ hỗ trợ như *ray*, *dolly*, *boom*, *flyingcam*... Khoảng cách từ vị trí máy tới đối tượng quay được thay đổi liên tục, vì vậy đảm bảo độ nét chính xác, bố cục hay là vấn đề khó nhất đối với người quay phim.

Nhà quay phim thường kết hợp nhiều dạng chuyển động khác nhau trong một cảnh quay để tạo được hiệu quả hình ảnh sinh động, đặc biệt, giàu cảm xúc và bám sát ý đồ tạo hình đã đề ra, qua đó diễn đạt một cách mạnh mẽ nội dung kịch bản.

1.2.1.7. Kỹ thuật quay phim

Năm 1895 tại Lyon, Pháp, anh em Auguste và Louis Lumière đã phát minh ra *cinématographe*, một thiết bị ba trong một bao gồm máy quay, bộ phận in tráng và máy phóng hình, từ đó khai sinh ra bộ môn điện ảnh được đông đảo công chúng yêu mến như ngày nay. Như vậy có thể nói điện ảnh ra đời từ phát minh kỹ thuật, và trong suốt quá trình phát triển của điện ảnh sự đóng góp của kỹ thuật là rất lớn. Trong nghệ thuật quay phim, mỗi phát minh về thiết bị mới thì lại có nhiều kỹ thuật quay mới cho ra nhiều hiệu quả hình ảnh mới ấn tượng hơn cho người xem cảm giác thích thú hơn, thỏa mãn nhu cầu đòi hỏi ngày càng nhiều của khán giả. Năm 1895, với chiếc máy *cinématographe* nhà quay phim chỉ đặt máy ở một vị trí cố định, chưa có ống kính *zoom* và phải quay phim bằng tay, thì ngày nay với những thiết bị hỗ trợ đã có thể chuyển động máy theo bất cứ một dạng chuyển động nào mà nhà quay phim muốn, có đa dạng về ống kính với các loại tiêu cự khác nhau, thậm chí nhà quay phim có thể điều khiển chiếc máy quay phim bằng một thiết bị từ xa... tất cả những tiến bộ về thiết bị kỹ thuật giúp nhà quay phim thỏa sức

sáng tạo trong quá trình quay phim, không những vậy khâu xử lý hậu kỳ, công nghệ kỹ xảo tạo ra những hình ảnh lạ mắt, tạo ra hình ảnh siêu thực và tinh tế.

Kỹ thuật quay phim rất quan trọng trong tạo hình quay phim, nhà quay phim cần có kỹ thuật tốt để tạo ra hình ảnh có tạo hình ấn tượng bám sát với ý tưởng nội dung kịch bản, với mỗi loại thiết bị khác nhau đi cùng với đó là kỹ thuật sử dụng khác nhau, một trong những thách thức cho các nhà quay phim là làm chủ được những kỹ thuật ấy. Trong điện ảnh các nhà quay phim thường sử dụng máy quay phim nhựa, cho chất lượng hình ảnh có sức tái hiện chi tiết, màu sắc tốt, biên độ sáng tối rất rộng cho cảm giác về tương phản rất tốt, ở những khu vực sáng nhất hoặc tối nhất trong khuôn hình vẫn giữ được chi tiết, xử lý hậu kỳ phim diễn ra trong buồng tối với kỹ thuật in tráng phim, với các loại phim 8mm, 16mm, 35mm, 65mm, bên cạnh cỡ phim, các nhà quay phim còn phải chú ý đến độ nhạy sáng (*iso*) có từ 50 cho tốc độ quay chậm, ít nhạy sáng đến 800 cho tốc độ quay rất nhanh, cực kì nhạy sáng.

Ngày nay với sự phát triển bùng nổ của công nghệ kỹ thuật số, ngành quay phim cũng áp dụng công nghệ này vào trong chế tạo những chiếc máy quay kỹ thuật số, khi những chiếc máy quay kỹ thuật số ra đời, với nguyên lý tái tạo hình ảnh mới trên cảm biến của máy quay, kéo theo sự thay đổi cả công nghệ sản xuất phim, những hình ảnh của phim được tái hiện trên cảm biến của máy quay và được lưu trữ bằng thẻ nhớ (thay vì bằng phim nhựa), công đoạn xử lý hậu kỳ được thực hiện hoàn toàn trên máy tính bằng các phần mềm chuyên dụng. Máy quay phim kỹ thuật số ngày càng được cải tiến về độ phân giải, thậm chí độ phân giải còn lớn hơn phim nhựa. Nếu với mỗi cuộn phim chỉ có một chỉ số nhạy sáng duy nhất thì ở máy quay kỹ thuật số có nhiều chỉ số nhạy sáng khác nhau để nhà quay phim chọn lựa, và có nhiều tính năng cho phép quay ở những điều kiện đặc biệt như quay hồng ngoại,

quay dưới nước, quay trên không, quay từ thiết bị ở xa... Ống kính máy quay cũng được cải tiến rõ rệt cả về chất lượng và sự đa dạng về tiêu cự, với những ống kính với tiêu cự siêu dài hoặc siêu rộng chống méo hình giúp cho nhà quay phim tạo ra nhiều hiệu quả hình ảnh đặc biệt hơn, ngoài ra còn có những thiết bị hỗ trợ rất tốt chuyển động máy quay như *dolly*, *boom*, *flyingcam*...

Kỹ thuật quay phim đóng vai trò là công cụ để thực hiện những ý đồ của nhà quay phim trong việc sáng tạo hình ảnh, nhà quay phim cần tiết chế để không lạm dụng khiến cho hình ảnh trở thành phô diễn kỹ thuật mà quên đi cảm xúc, vấn đề nằm ở chỗ sử dụng phương tiện kỹ thuật như thế nào để tạo ra hình ảnh chuyển tải được nội dung theo kịch bản.

1.2.1.8. Ngôn ngữ tạo hình quay phim truyện điện ảnh

Ngôn ngữ

Trong quá trình hình thành, tồn tại và phát triển, con người phải sáng tạo ra phương thức nào đó để giao tiếp, thông báo cho nhau về sự vật, hiện tượng nào đó hay truyền đạt lại cho nhau kinh nghiệm của lao động, sản xuất... Và ngôn ngữ ra đời. Sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ gắn chặt với sự hình thành và phát triển của loài người, là cơ sở để văn hóa, khoa học phát triển. Vậy ngôn ngữ là gì?

Có nhiều cách hiểu khái niệm này.

- Ngôn ngữ là công cụ người ta dùng để biểu đạt ý nghĩa và tình cảm của mình đối với người khác, qua đó để người ta hiểu nhau.

- Ngôn ngữ là một hệ thống phức tạp mà con người sử dụng để liên lạc hay giao thiệp với nhau, cũng như chỉ chính năng lực của con người có khả năng sử dụng một hệ thống như vậy.

- Một định nghĩa khác coi ngôn ngữ là một hệ thống hình thức của các dấu hiệu được điều chỉnh bởi các quy tắc kết hợp theo ngữ pháp để truyền tải ý nghĩa. Định nghĩa này nhấn mạnh rằng ngôn ngữ con người có thể được mô

tả như hệ thống kết cấu khép kín bao gồm các quy tắc ánh xạ các dấu hiệu đặc biệt tới các ý nghĩa đặc biệt.

Trong tiếng Việt “ngôn ngữ” xuất phát từ chữ Hán-Việt *ngôn*, là lời nói và *ngữ*- cách diễn đạt, tổng hợp chung là cách diễn đạt lời nói.

Các định nghĩa trên tuy khác nhau về cách diễn đạt, nhưng lại giống nhau về các ý quan trọng như ngôn ngữ là do loài người sáng tạo, được sử dụng để trao đổi thông tin, hay diễn đạt suy nghĩ...

Trong cuốn *Tâm lý học đại cương* do trường Đại học Quốc gia xuất bản năm 1999, chương về ngôn ngữ có định nghĩa như sau: Ngôn ngữ là một hệ thống kí hiệu từ ngữ đặc biệt do con người sáng tạo ra, được dùng làm phương tiện giao tiếp và là công cụ để tư duy [18, tr. 56].

Kí hiệu là bất kì cái gì của hiện thực được dùng để quy ước cho các hoạt động của con người. Như vậy kí hiệu cũng có chức năng của công cụ: Hướng vào hoạt động và làm thay đổi hoạt động, tất nhiên là tùy theo các thuộc tính vốn có trong kí hiệu. Kí hiệu từ ngữ là hiện tượng tồn tại khách quan trong đời sống tinh thần của con người, là hiện tượng của nền văn hoá tinh thần của loài người, là phương tiện (công cụ) xã hội đặc biệt.

Chúng tôi cho rằng định nghĩa này đã lột tả được cả ngoại diễn và nội hàm của khái niệm ngôn ngữ. Vì thế, chúng tôi sử dụng định nghĩa này như một khái niệm cơ bản quan trọng của luận văn của mình.

Ngôn ngữ (hệ thống kí hiệu, từ ngữ) gồm ba bộ phận: ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Các đơn vị của ngôn ngữ là âm vị, hình vị, từ, câu, ngữ đoạn, văn bản... Bất cứ thứ tiếng (ngôn ngữ) nào cũng chứa đựng hai phạm trù là: ngữ pháp (hệ thống các qui tắc qui định sự ghép từ thành câu) và *logic* (được hiểu là quy luật của hệ thống kí hiệu đó, cho phép hiểu được nội dung của các thứ tiếng khác nhau của các dân tộc khác nhau).

Trong các ngành nghệ thuật khác nhau, dựa trên đặc thù của từng ngành cũng có ngôn ngữ khác nhau, các ngành nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của mình làm phương tiện để chuyển tải những giá trị chân, thiện, mỹ. Trong văn học ngôn từ là phương tiện mang tính biểu hiện đặc trưng của tác phẩm, là phương tiện vật chất hóa sự biểu hiện của chủ đề và tư tưởng tác phẩm, tính cách nhân vật, cốt truyện. Hội họa ngôn ngữ đặc trưng là đường nét, màu sắc, hội họa có ưu thế đặc biệt trong việc phản ánh thế giới với mọi màu sắc phong phú, tinh tế và hòa sắc của tác phẩm làm cho nó có sức biểu hiện sâu sắc. Ngôn ngữ điện ảnh là việc sử dụng tổng hòa những thủ pháp điện ảnh (hình ảnh động + âm thanh) dưới sự dẫn dắt của *montage* để kể một câu chuyện trình bày một sự việc sao cho rõ ràng, xúc động nhất theo một đề cương hay một kịch bản đã chuẩn bị sẵn... Với mỗi loại hình truyền đạt cái đẹp, cái hay theo những tín hiệu riêng mà người ta gọi chung là ngôn ngữ nghệ thuật.

Ngôn ngữ nghệ thuật được xem như là ngôn ngữ quốc tế, nó vượt qua biên giới của các quốc gia, không phân biệt dân tộc, dù phát triển hay nghèo, trước một tác phẩm nghệ thuật mà con người được thưởng thức vẻ đẹp cái hồn của tác phẩm và tiếp nhận được những giá trị chân, thiện, mỹ từ tác phẩm ấy. Những giá trị trên là những giá trị chung nhất cho tất cả tác phẩm ở các ngành nghệ thuật khác nhau, chính cái chung ấy là sức mạnh của ngôn ngữ nghệ thuật vượt qua không gian, thời gian giúp con người hiểu nhau hơn, “Nghệ thuật là con đường ngắn nhất đi từ con người đến con người” Klotz Roa, *Ngôn ngữ điện ảnh*, Marcel Martin [23, tr.4].

- Ngôn ngữ tạo hình quay phim truyền Điện ảnh

Mỗi loại hình nghệ thuật đều có những hệ thống tín hiệu, ngôn ngữ riêng xong vẫn có những sự giao thoa với nhau, những ngành nghệ thuật ra đời sau đều có những kế thừa từ những ngành nghệ thuật ra đời trước đó để hoàn

thiện và phong phú thêm ngôn ngữ của mình, nhiếp ảnh khi ra đời kế thừa cách xử lý tạo hình của hội họa, ngoài sử dụng những tổ hợp đường nét, hình khối, màu sắc như hội họa thì nhiếp ảnh còn có sức biểu hiện mạnh mẽ của khoảng khắc bất mảy và sự chân thực của chi tiết. Ở nghệ thuật quay phim khi ra đời thừa hưởng ngôn ngữ của cả hai ngành nghệ thuật hội họa và nhiếp ảnh và có thêm hiệu quả hình ảnh động, có thể nói hình ảnh của quay phim là một chuỗi những hình ảnh tĩnh của nhiếp ảnh. Dù có những sự kế thừa trong cách xử lý tạo hình thế nhưng cũng giống hội họa và nhiếp ảnh, nghệ thuật quay phim cũng có ngôn ngữ riêng của mình để truyền tải nội dung, tư tưởng giá trị thẩm mỹ của tác phẩm.

Trên cơ sở các yếu tố tạo hình mà quay phim sử dụng, ngôn ngữ của tạo hình quay phim được hình thành từ ba yếu tố:

- Bố cục.
- Chiếu sáng.
- Dựng hình.

Đây cũng là những yếu tố làm nên sự khác biệt của ngôn ngữ tạo hình quay phim với ngôn ngữ của các ngành nghệ thuật khác.

Tại sao lại có ba yếu tố bố cục, chiếu sáng, dựng hình mà không phải những yếu tố tạo hình khác ?

Bởi vì: Trong các yếu tố tạo hình quay phim, bố cục được hiểu là sự bố trí, sắp xếp các yếu tố tạo hình. Hay nói cách khác các yếu tố tạo hình đều tham gia vào bố cục, bao gồm cả góc độ và chuyển động máy, vì bố cục trong quay phim không chỉ là bố cục một khuôn hình mà còn được hiểu là bố cục của cảnh quay, trong cảnh quay có thể chuyển động máy và thay đổi góc độ. Bố cục còn được hiểu là bố cục một đoạn phim, một trường đoạn, hay hiểu rộng hơn là bố cục cả bộ phim. Như vậy khi nói đến bố cục là nói đến các yếu

tổ tạo hình còn lại. Vì vậy, bố cục là một yếu tố không thể thiếu của ngôn ngữ tạo hình quay phim.

Chiếu sáng cũng tham gia vào bố cục, thế nhưng ngoài việc tham gia vào tạo hình, ánh sáng còn có ngôn ngữ riêng của nó trong chuyển tải nội dung, chủ đề của bộ phim, khi sử dụng chiếu sáng một cách có ý đồ văn học thì ánh sáng được nâng lên thành ánh sáng nghệ thuật, không chỉ tạo ra hình ảnh giàu tính thẩm mỹ mà còn biểu đạt mạnh mẽ nội dung, chủ đề của phim. Vì vậy, chiếu sáng là một yếu tố của ngôn ngữ tạo hình quay phim.

Dựng hình là một yếu tố thuộc về đặc điểm riêng của quay phim, có vai trò vô cùng quan trọng, bởi vì khi nói đến hình ảnh của quay phim trong một bộ phim là nói đến hình ảnh của toàn bộ phim chứ không phải một cảnh nào đó, như vậy những mối nối giữa hai cảnh gần nhau đóng vai trò là chất “keo” được tạo ra với ý đồ của nhà quay phim, với mục đích tạo ra những bước chuyển cảnh mượt mà, êm ái hoặc tạo ra những bước chuyển cảnh mạnh mẽ, làm tăng kịch tính trong những đoạn phim có xung đột. Nếu người quay phim không có ý thức liên kết cảnh trước và cảnh sau lúc quay, khi dựng sẽ không ăn khớp với nhau và sẽ là những cảnh quay không sử dụng được dù tạo hình có đẹp thế nào chăng nữa. Dù chỉ đơn thuần là những mối nối chuyển cảnh thông thường, hay những mối nối với ý đồ tạo ra hiệu quả đặc biệt thì vai trò của dựng hình là rất quan trọng và không thể thiếu. Do đó, dựng hình là một yếu tố của ngôn ngữ tạo hình quay phim

Bố cục: Nếu như ở nhiếp ảnh, thể hiện trong một khuôn hình độc lập và đòi hỏi xử lý bố cục khuôn hình nhiếp ảnh là phải nhanh trong một thời điểm, thì bố cục khuôn hình quay phim lại đòi hỏi xử lý bố cục một cách liên tục trong một cảnh quay, bởi lẽ hình ảnh tĩnh được thể hiện ở một thời điểm nhất định, còn quay phim điện ảnh bố cục cả không gian và thời gian thực hiện cảnh quay. Một cảnh quay phim điện ảnh là thường có sự thay đổi của nhiều

cỡ cảnh khác nhau. Những hình ảnh khác nhau từ cảnh này qua cảnh khác, hoặc ngay cả trong một cảnh, khi có diễn viên tiến đến gần máy quay, hay rời xa khỏi máy quay hoặc khi máy quay được đẩy đi, lia ngang, lia đứng, hay zoom.

Xử lý bố cục trong tạo hình quay phim, nhiếp ảnh hay hội họa đều thể hiện một quá trình sáng tạo, dù nhiều hay ít đều mang dấu ấn của cá nhân, nhưng cũng phải đảm bảo những nguyên tắc về tạo hình sau:

- Sự cân bằng thị giác: Cân bằng thị giác được hiểu là sắp xếp các hình thể mà ta nhìn thấy trên bề mặt của diện tích bố cục hài hòa, hợp lý và ổn định, phải khái quát được diện tích đó dù to hay nhỏ như một tổng thể. Cũng vì vậy mà người ta gọi cân bằng thị giác là cân bằng trọng lượng, cân bằng là một tình trạng quân bình ổn định, nếu tất cả các khu vực trong khuôn hình thu hút thị giác ngang bằng nhau, hoặc bù trừ lẫn nhau. Một bố cục thật sự cân bằng, đem đến cho khán giả cảm giác dễ chịu từ sự hài hòa của tạo hình. Trong một vài trường hợp riêng biệt, người quay phim có thể “phá cách” bố cục tạo ra hình ảnh không cân bằng theo một ý đồ nào đó, còn thông thường thì hình ảnh được thể hiện đúng theo những quy luật về cân bằng thị giác. Sự cân bằng của hình ảnh là sự tương quan với cân lượng tâm lý chịu ảnh hưởng tương đối của những thành phần khác nhau của bố cục trong hình ảnh, thu hút đôi mắt của khán giả.

Mỗi thành phần của bố cục trong cảnh sẽ thu hút người xem, tùy thuộc vào tầm cỡ lớn nhỏ, hình dáng, sắc độ sắc màu, di động, cải hướng nhìn, tương phản với những sự vật chung quanh và vị trí trong khuôn hình.

- Xử lý bố cục lệch: Được hiểu là một bố cục hình năng động bởi nó giới thiệu một cách thu xếp mạnh bạo các thành phần tạo hình đối nhau. Trong một hình ảnh được bố cục lệch, vai diễn hay đồ vật vượt trội sẽ tạo lực thu hút

khán giả và để đối xứng, hay đối nghịch, ta có một nhân vật, hay đồ vật phụ, nhưng cũng tương đương cân lượng bố cục ở phía bên kia khung ảnh.

- Sự thống nhất: Sự thống nhất là muốn nói đến sự kết hợp các yếu tố tạo hình có trong khuôn hình quay phim, bất cứ một yếu tố tạo hình nào cũng giữ vai trò của mình, và tác động tương hỗ với nhau tạo nên sự thống nhất cho hình ảnh. Nhà quay phim phải biết kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố tạo hình, sử dụng kỹ thuật, mỹ thuật và tâm lý phải có tương quan với nhau để truyền tải được một cảm giác xúc động đồng nhất.

- Tạo điểm nhấn, hoặc một vùng thu hút thị giác: Một hình ảnh chỉ nên có một trung tâm thu hút mà thôi nếu có hai hoặc nhiều hơn - nhân vật, đồ vật hoặc diễn xuất ngang bằng nhau trong một cảnh để thu hút khán giả thì hiệu quả sẽ bị yếu kém đi. Sự chú ý của khán giả chỉ nên được thu hút vào một phần quan trọng nhất trong khuôn hình. Sự thu hút ấy phải là đối tượng chính có trong khuôn hình, và đối tượng chính nằm trong mối liên hệ với tiền cảnh, hậu cảnh, hay các yếu tố phụ khác. Như vậy diễn xuất ở hậu cảnh phải bổ sung cho diễn viên ở tiền cảnh để tạo ra được trong cảnh một bầu không khí thích hợp cho vai diễn mà không tranh nhau. Để tạo điểm nhấn trong khuôn hình, các nhà quay phim sử dụng các yếu tố ánh sáng, màu sắc, kích thước, khối dạng... đặt chúng trong một mối quan hệ tương phản như, sáng - tối, đậm - nhạt, động - tĩnh, to - nhỏ... hoặc tương hỗ để nổi bật chủ thể, đối tượng chính trong khuôn hình.

Khi xử lý bố cục khuôn hình, một mặt cần quan tâm đến những yếu tố của không gian trong khuôn hình: Nhân vật, bối cảnh, tình huống và các yếu tố tạo hình khác, ngoài ra nhà quay phim cần để ý những không gian nằm ngoài khuôn hình, và thiết lập mối liên hệ giữa không gian trong và ngoài khuôn hình, từ đó giới hạn không gian phạm vi thể hiện hình ảnh. Mối liên hệ

giữa các không gian trong và ngoài khuôn hình đem lại hiệu quả dự báo, lý giải tình huống xảy ra trong khuôn hình được thể hiện

Tính rõ ràng trong thể hiện hình tượng nhân vật: Với những nhân vật có tính cách khác nhau, phản diện hay chính diện xử lý bố cục làm nổi bật, rõ ràng không chỉ diện mạo bên ngoài của nhân vật mà còn thể hiện con người bên trong của nhân vật nữa, khai thác và hòa trộn hiệu quả của chiều sáng, góc độ, màu sắc... để thể hiện hình tượng nhân vật. Ví dụ: thể hiện nhân vật giang hồ, gian ác thường sử dụng những sắc độ sẫm, nhiều màu đen - đỏ cùng với chiều sáng tương phản, hướng chiều sáng có hắt dưới cằm, hoặc ánh sáng bên để tạo những mảng sáng tối trên khuôn mặt, cũng có thể sử dụng cự ly và ống kính góc rộng để làm méo mó khuôn mặt cùng với diễn xuất của diễn viên để tạo nên một nhân vật giang hồ gian ác... hình tượng nhân vật được thể hiện rõ ràng bằng xử lý bố cục.

Chiều sáng: Ánh sáng có một vai trò thiết yếu với quay phim, giống như vai trò của *oxy* cho sự sống trên trái đất vậy, nếu không có ánh sáng thì không có quay phim, bởi lẽ hình ảnh của quay phim được tái hiện trên cơ sở ánh sáng phản ứng với các chất hóa học có trong phim nhựa, hoặc các hạt ánh sáng tác động vào *diot* cảm quang trên cảm biến của máy quay kỹ thuật số, chuyển quang năng thành điện năng và phân tích những tín hiệu điện thành những thông tin số rồi tổng hợp các dữ liệu trên thành hình ảnh kỹ thuật số.

Xét về nguyên lý tái hiện hình ảnh thì máy quay phim ghi lại hình ảnh bằng ánh sáng phản xạ từ vật thể đến phim hoặc cảm biến, tùy những bề mặt, chất liệu, khoảng cách của vật thể tới máy quay và cường độ ánh sáng chiếu đến vật thể sẽ cho chúng ta những mức độ phản xạ khác nhau trên những vị trí khác nhau của vật thể, mức độ phản xạ khác nhau sẽ tạo ra những mật độ sáng tối khác nhau trong khuôn hình, nhà quay phim phải biết sử dụng mật độ sáng tối khác nhau để tạo ra hiệu quả hình ảnh cho phim. Từ những vấn đề kỹ thuật

như dùng loại đèn, nhiệt độ màu, cường độ và phạm vi, đến những vấn đề về hiệu quả của chiếu sáng để phục vụ cho nội dung, cốt truyện, tâm lý nhân vật đều được nhà quay phim tính toán một cách kỹ lưỡng.

Có hai loại nguồn sáng mà nhà quay phim có thể sử dụng:

- Ánh sáng tự nhiên: Đây là loại ánh sáng có sẵn trong tự nhiên, với các nguồn sáng là mặt trời, bầu trời, mặt trăng được các nhà quay phim chọn lựa với những điều kiện về thời tiết như trời nắng, trời râm ở trong các điều kiện về thời gian từ bình minh tới hoàng hôn, thậm chí cả ban đêm cùng các công cụ như đèn, phản quang để tạo ra những hiệu quả về ánh sáng khác nhau.

- Ánh sáng nhân tạo: Đây là loại ánh sáng được tạo ra bởi các thiết bị, phản ứng quang học do con người làm ra, thường được dùng là các loại đèn chiếu liên tục với cường độ mạnh yếu khác nhau và có thể thay đổi nhiệt độ màu để tạo ra hiệu quả chiếu sáng cho cảnh quay đồng thời có thể dùng để tạo ra tông phim.

Tùy thuộc vào nội dung, bối cảnh, đối tượng nhà quay phim có thể sử dụng ánh sáng tự nhiên hoặc ánh sáng nhân tạo cho cảnh quay của mình, cũng có thể kết hợp cả hai loại ánh sáng trên cho cùng một cảnh quay, ở những bối cảnh rộng lớn với cảnh viễn nhà quay phim thường tận dụng ánh sáng tự nhiên lựa chọn ở những thời điểm thời tiết tốt để có ánh sáng đẹp nhất. Khi sử dụng ánh sáng tự nhiên ở phạm vi rộng nhà quay phim thường không điều chỉnh được cường độ sáng, nhiệt độ màu, hướng ánh sáng như khi sử dụng ánh sáng nhân tạo, còn với phạm vi hẹp điện ảnh có thể điều chỉnh và khắc phục được nhờ sử dụng lưới đen căng che đây, đó là những yếu tố quan trọng để tạo ra hiệu quả hình ảnh:

- Cường độ ánh sáng: Ánh sáng mạnh hay yếu liên quan đến khoảng cách nguồn sáng đến đối tượng, ánh sáng thiên nhiên? ánh sáng nhân tạo? Ngoài ra trên hình ảnh có thể xử lý để thấy mạnh hay yếu những yếu tố về kỹ

thuật lộ sáng, độ sâu của trường ảnh, độ tương phản, tạo hiệu quả về không gian...

- Nhiệt độ màu: Liên quan trực tiếp tới màu sắc của phim, nếu đặt sai thông số về nhiệt độ màu của nguồn sáng (mặt trời, bầu trời, các loại đèn) sẽ sai cơ bản màu sắc của phim so với thực tế, đôi khi các nhà quay phim lợi dụng điều này để tạo hiệu quả cho hình ảnh như quay giả đêm, tạo tông màu đặc biệt cho phim, hoặc một hiệu quả đặc biệt nào đó.

- Hướng chiếu sáng: Được hiểu là hướng bắt đầu từ nguồn sáng chiếu đi, với mỗi hướng của ánh sáng khác nhau sẽ tạo hiệu quả hình ảnh khác nhau. Ánh sáng chiếu thuận cho hình ảnh sáng đều, rõ chi tiết ở mặt trước nhưng không tạo được khối, chiều sâu không gian, thường được sử dụng nhiều trong phim thời sự tài liệu. Ánh sáng ngược tạo hiệu quả tách biệt các lớp trong không gian, tách chủ thể với phong nền, ngoài ra có các hướng chiếu sáng như chéch thuận, chéch ngược, chiếu một bên...với mỗi hướng đều tạo ra những hiệu quả hình ảnh riêng, nhà quay phim cần phải hiểu thật kỹ những hiệu quả hình ảnh từ các hướng chiếu sáng .

Trong một cảnh quay nội, phạm vi bối cảnh có thể rộng hay hẹp, có chuyển động máy qua nhiều không gian khác nhau thì việc chiếu sáng trở nên vô cùng phức tạp, do vậy sự chiếu sáng sử dụng trong phim về cơ bản có thể chia ra thành các dạng khác nhau như :

- Chiếu sáng chung: Cách chiếu sáng này tạo ra cảm nhận đến từ một nguồn sáng chung cho tất cả đối tượng, bối cảnh nhằm kiểm soát vùng sáng tối của bối cảnh thường độ sáng chỉ tương đương với dạng chiếu sáng phụ quang hoặc tối hơn chút ít, với lượng sáng phải đủ để phim nhựa bắt được. Có thể dùng dạng chiếu sáng chung này để tạo ra những tông phim sáng kết hợp với sử dụng dạng chiếu sáng chủ quang và phụ quang, tỉ lệ chủ quang và phụ quang rất thấp. Loại chiếu sáng này bị hạn chế bởi độ tương phản không cao.

- Chiếu sáng chủ quang: Đây là loại ánh sáng chính là chìa khóa để lộ sáng trong từng cảnh quay, được chiếu cho chủ thể, nhân vật, tĩnh vật trong khuôn hình, loại ánh sáng này thường có cường độ mạnh hơn, tính chất cứng hay mềm tùy thuộc vào yêu cầu của truyện phim, vào tỉ lệ sáng tối với phụ quang.

- Chiếu sáng phụ quang: Ánh sáng được dùng phối hợp với ánh sáng chủ quang để tạo ra độ tương phản trên chủ thể trong khuôn hình, tỉ lệ độ sáng giữa chủ quang và phụ quang cao hay thấp còn phụ thuộc vào hiệu quả là ánh sáng ban ngày hay đêm, hoặc không gian đặc biệt có hoạt động của nhân vật, tính cách nhân vật mạnh mẽ....độ sáng của phụ quang phải yếu hơn độ sáng của chủ quang.

- Chiếu sáng tiền cảnh-hậu cảnh : Phối hợp với chủ quang, phụ quang tạo chiều sâu không gian cho khuôn hình, làm rõ không gian, rõ hình khối và kết nối giữa bối cảnh với sự kiện đang xảy ra trên phim.

- Chiếu sáng ngược và trang trí: Ánh sáng cần thiết để tạo ra hiệu quả tạo hình, cân bằng điểm nhấn trong bố cục khuôn hình, làm tách biệt những hình khối với những đốm sáng, ven tóc, viền...hoặc nhấn vào một số những chi tiết.

Dựng hình: Liên kết hình ảnh giữa các cảnh quay cũng có những quy tắc nhất định giống như ngữ pháp trong khi viết câu văn, để nhà quay phim “viết” ra những câu hình mạch lạc, thậm chí biến tấu tạo thành thủ pháp thì nhà quay phim phải nắm vững những quy tắc ấy, chính vì vậy dựng hình trong quay phim là một trong ba yếu tố để tạo nên ngôn ngữ tạo hình quay phim.

Có nhiều cách để liên kết giữa hai cảnh quay, tùy thuộc vào ý đồ kịch bản yêu cầu:

Kết nối theo động tác, hướng chiếu của chủ thể: Đây là dạng liên kết giữa hai cảnh quay bằng hoạt động của diễn viên, thông thường người xem

thường tập trung vào hoạt động, diễn xuất của diễn viên, chuyển cảnh theo cách này rút ngắn được những hoạt động không cần thiết, chọn lọc những hoạt động chính trong khuôn hình. Dạng kết nối này đòi hỏi vị trí hoạt động, tư thế, hướng chuyển động phải tương đối trùng khớp nhau thì mẫu nối dạng này mới tạo ra được sự liên tục của tình huống truyện.

Kết nối theo cảnh động, cảnh tĩnh: Đây cũng dạng kết nối để những yếu tố động hoặc tĩnh có trong khuôn hình cảnh trước, nối với các yếu tố động hoặc tĩnh có trong khuôn hình cảnh sau không gây ra cảm giác bị giật cục, khó chịu cho người xem. Những cảnh quay chuyển động máy với nhịp độ gần giống nhau sẽ dễ ăn khớp với nhau khi nối những cảnh này. Thông thường những cảnh động để nối với cảnh tĩnh thì hình ảnh cuối cảnh động nhà quay phim phải dừng chuyển động vài giây khi dựng hai cảnh với nhau sẽ không bị vấp, ngược lại những cảnh tĩnh nối với cảnh động cũng vậy. Như vậy, với dạng kết nối này cần đưa chuyển động giữa cuối cảnh trước và đầu cảnh sau tương đồng về nhịp độ, tiết tấu.

Kết nối theo sáng dần, tối dần: Đây là dạng kết nối cảnh quay thường được sử dụng khi mở đầu hoặc kết thúc một trường đoạn, hoặc có thể sử dụng để chuyển từ thì hiện tại về quá khứ, hoặc hiện tại về tương lai. Trong quá trình quay phim nhựa, các dạng chuyển cảnh sáng dần, tối dần phải được xử lý trong quá trình quay, bằng cách đóng dần cửa trập nếu muốn tối dần, mở dần cửa trập nếu muốn sáng dần.

Một số dạng kết nối cảnh quay khác: Ngoài những dạng kết nối kể trên nhà quay phim còn có thể đẩy nhanh một cảnh ra khỏi khuôn hình bằng một cú lia máy nhanh, hoặc có thể làm nhòe cuối cảnh này và đầu cảnh khác...

Trong tạo hình của quay phim, dựng hình đóng vai trò là những mẫu nối giữa các cảnh quay, là một trong những yếu tố hình thành tiết tấu của phim, có thể mượt mà, êm ái nhưng cũng có thể nhanh, tạo sự hồi hộp gay cấn. Nhà

quay phim cần biết sử dụng hiệu quả do những cách dựng hình tạo nên để chuyển tải mạnh mẽ, rõ ràng hơn nội dung kịch bản. Với vai trò và ý nghĩa riêng của mình, dựng hình là một trong những yếu tố không thể thiếu của ngôn ngữ tạo hình quay phim.

Ngoài ra các yếu tố chuyển động máy, góc độ quay là những thủ pháp của tạo hình của quay phim, còn có những vai trò riêng của mình giúp hình ảnh có sức biểu hiện mạnh mẽ hơn cho những nội dung cần biểu đạt.

Nghệ thuật quay phim với những đặc điểm của một môn nghệ thuật tạo hình, cũng có ngôn ngữ riêng, phương tiện riêng để chuyển tải cái hay, cái đẹp, tới khán giả. Ngôn ngữ tạo hình quay phim đóng vai trò rất lớn và là một trong những yếu tố hình thành nên ngôn ngữ điện ảnh.

1.2.2. Sự kế thừa của tạo hình quay phim truyền hình từ điện ảnh

1.2.2.1. Sự khác biệt về tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình

Tạo hình quay phim truyện truyền hình sử dụng bố cục, chiếu sáng, các màu nối giữa các cảnh quay làm ngôn ngữ để chuyển tải nội dung kịch bản, do được kế thừa cách xử lý tạo hình quay phim điện ảnh, về cơ bản cách xử lý tạo hình quay phim truyện truyền hình giống như quay phim truyền điện ảnh là sử dụng các yếu tố tạo hình của quay phim như bố cục, màu sắc, chiếu sáng, góc độ, chuyển động máy... Sự khác của tạo hình quay phim truyện truyền hình có những thay đổi để phù hợp với đặc điểm của ngành truyền hình vốn được coi như một kênh thông tin đại chúng, phù hợp với kỹ thuật truyền phát, thiết bị thu hình...

Tạo hình quay phim truyện truyền hình được thay đổi cho phù hợp với thiết bị kỹ thuật. Một bộ phim truyện khi phát sóng tới hàng triệu những chiếc máy thu hình ở khắp nơi trong các gia đình, nơi công cộng, những chiếc máy thu hình này có thể khác nhau về kích thước về tiêu chuẩn kỹ thuật, nhưng điểm chung của các máy thu hình là nhỏ hơn rất nhiều so với các màn chiếu ở

rạp chiếu phim, do vậy những cỡ cảnh như viễn cảnh, toàn cảnh được sử dụng rất nhiều ở quay phim truyện điện ảnh thì lại được sử dụng rất ít trong quay phim truyện truyền hình. Ở trong phim truyện điện ảnh cỡ cảnh viễn, toàn cảnh diễn tả một không gian rộng lớn, nhưng vẫn có thể thấy được hoạt động của nhân vật khi bộ phim chiếu trên một màn chiếu lớn, với cỡ cảnh này nếu được chiếu trên một thiết bị vô tuyến sẽ khó thấy hoạt động của nhân vật do vậy cảm xúc vì thế mà vơi đi. Những cỡ cảnh như trung, cận, đặc tả được sử dụng trong tạo hình quay phim truyện truyền hình nhiều hơn do đặc thù thiết bị kỹ thuật xem, để thể hiện rõ ràng hơn hoạt động, diễn xuất của diễn viên, giúp khán giả thấy rõ hơn những tình huống truyện phim.

Quay phim truyền hình sử dụng băng từ, hoặc máy quay phim kỹ thuật số điều này liên quan tới chiếu sáng trong tạo hình quay phim, do tái hiện màu sắc, chi tiết, sáng tối ở băng từ hay cảm biến của máy quay kỹ thuật số chưa tốt như phim nhựa nên những chi tiết ở vùng sáng nhất và vùng tối nhất trong khuôn hình cần được kiểm soát kỹ lưỡng trong quá trình quay phim, nhất là trong những cảnh quay đêm. Sử dụng mật độ sáng tối để tạo chiều sâu không gian trong quay phim truyền hình thường không được sử dụng triệt để như quay phim điện ảnh bởi vì biên độ sáng tối ở phim nhựa rộng hơn băng từ và kỹ thuật số. Những thiết bị quay phim khác nhau ảnh hưởng tới kỹ thuật lộ sáng trong quá trình quay, những kỹ thuật lộ sáng có ảnh hưởng tới độ sâu của trường ảnh, những cảnh quay có độ nét sâu sẽ cho chúng ta thấy rõ hơn mối tương quan giữa những chi tiết có trong khuôn hình và từ đó hiểu một cách rõ ràng hơn tình huống truyện. Những yếu tố về kỹ thuật có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hiệu quả hình ảnh, do vậy những thiết bị kỹ thuật khác nhau cũng có tác động không nhỏ trong quá trình xử lý tạo hình.

Tỉ lệ màn hình của thiết bị thu hình cũng ảnh hưởng tới công tác bố cục của nhà quay phim. Ở điện ảnh, với những màn chiếu phim thường có tỉ lệ

1.85:1 và 2.39:1 còn gọi là màn ảnh rộng, những thiết bị thu hình vô tuyến thường có tỉ lệ 4:3 hoặc *HD*, 16:9 trên truyền hình ít chiều các phim màn ảnh rộng có tỉ lệ là 1:2,2 vì sẽ mất đi rất nhiều hình ảnh của hai bên, những tỉ lệ này cho cảm giác màn ảnh không rộng như màn chiếu trong các rạp. Những tỉ lệ màn hình tương đồng với tỉ lệ khuôn hình khi quay phim, với những tỉ lệ khuôn hình khác nhau nhà quay phim sẽ sử dụng những phương pháp bố cục, tỉ lệ chiếu sáng khác nhau để đảm bảo những nguyên tắc về thị giác. Những khuôn hình dành cho màn ảnh rộng thường bố cục, chiếu sáng phải được tính toán một cách kỹ lưỡng, nếu trong khung ngắm của nhà quay phim bố cục chỉ thừa một chút thì khi chiếu lên rạp sẽ thừa hàng mét và gây ra mất cân bằng thị giác, vì vậy nhà quay phim điện ảnh phải bố cục chặt chẽ ngay từ trong khung ngắm. Quay phim truyền hình dù là kế thừa tạo hình của quay phim điện ảnh nhưng tỉ lệ khuôn hình khác nhau, nên cách xử lý bố cục, chiếu sáng trong môi trường quan với khuôn hình cũng khác nhau, bởi vì bố cục được hiểu là sự sắp xếp các yếu tố tạo hình có trong khuôn hình, nhằm đạt đến sự hài hòa về thị giác và thể hiện một cách sáng rõ nội dung.

1.2.2.2. Thiết bị kỹ thuật quay phim sử dụng trong phim truyền truyền hình.

Trong nghệ thuật quay phim điện ảnh, các nhà quay phim sử dụng các loại máy quay phim nhựa 8mm, 16mm, 35mm, 65mm, với độ nhạy sáng từ *iso* 50 đến *iso* 800 cho phép nhà quay phim sử dụng ở nhiều mục đích và điều kiện quay phim khác nhau. Cùng với các thiết bị hỗ trợ cho quay phim trong quá trình tác nghiệp như *dolly*, *ray*, *boom*, *flyingcam*... các thiết bị ánh sáng giúp cho nhà quay phim có thể thỏa sức sáng tạo để tạo ra những thước phim đẹp và giàu cảm xúc.

Truyền hình khi ra đời đã kế thừa rất nhiều công nghệ, kỹ thuật điện ảnh, có những kỹ thuật, thiết bị khi sử dụng được những người làm truyền hình thay đổi cho phù hợp với những đặc thù của ngành mình. Trong điện ảnh,

máy quay ghi hình bằng cách cho ánh sáng tác động lên bề mặt của phim nhựa, sau đó sử dụng các chất hóa học để tráng phim, in phim, với các kỹ thuật thủ công buồng tối điều chỉnh các yếu tố tông phim, tương phản mật độ... quá trình dựng phim cũng được xử lý thủ công, bằng cách nối những đoạn phim vào với nhau theo kịch bản dựng, rồi in ra một bản phim khác mới đem ra rạp chiếu, đó là một quy trình. Ngày nay những chiếc máy quay phim mà truyền hình sử dụng phần lớn là máy quay kỹ thuật số, sự thay đổi này phù hợp với tiến trình phát triển của khoa học công nghệ và thay đổi cả một quy trình xử lý hình ảnh của quay phim. Máy quay kỹ thuật số có quá trình tái hiện hình ảnh khác hẳn máy quay phim nhựa, nếu trong quá trình tái hiện hình ảnh của phim nhựa có vai trò của ánh sáng- hóa chất và các phản ứng hóa học, thì ở máy quay kỹ thuật số là quá trình chuyển hóa từ quang năng thành điện năng rồi chuyển đổi thành các thông tin số, sau đó tổng hợp thông tin số thành hình ảnh dưới dạng tập hợp điểm ảnh.

Quy trình tái hiện và xử lý hình ảnh ở máy quay kỹ thuật số được truyền hình sử dụng cũng khác rất nhiều so với máy quay phim nhựa. Ở máy quay kỹ thuật số, ánh sáng đi qua hệ thống quang học của ống kính và tác động lên cảm biến của máy quay, cảm biến của máy quay với hàng chục triệu những *diot* cảm quang đã chuyển đổi quang năng thành điện năng, rồi chuyển đổi những tín hiệu điện thành những thông tin số là những số nhị phân, sau đó tổng hợp những thông tin đó thành tập hợp của hàng chục triệu điểm ảnh, với mỗi điểm ảnh mang những giá trị màu sắc, sáng tối, và vị trí khác nhau và tạo thành hình ảnh của máy quay phim kỹ thuật số. Những thao tác xử lý hậu kỳ được thực hiện hoàn toàn bằng các phần mềm trên máy vi tính, có nhiều phần mềm xử lý hậu kỳ phim với vài trăm tới hàng nghìn tác vụ trên mỗi phần mềm, giúp xử lý hình ảnh một cách kỹ lưỡng, tinh xảo. Nếu độ dài của những cảnh quay được tính bằng những mét phim nhựa, thì ở máy quay kỹ thuật số

được lưu trữ bằng thẻ nhớ với dung lượng lưu trữ lớn. Những cải tiến ở máy quay kỹ thuật số giúp nhà quay phim có thể quay ở nhiều định dạng khác nhau, nhiều tỉ lệ khuôn hình và có thể thay đổi các thông số về độ nhạy sáng, cùng cân bằng trắng...và nhiều chức năng khác phục vụ rất tốt cho quá trình quay phim truyền truyền hình.

Có nhiều loại ống kính với những tiêu cự khác nhau được sử dụng trong quá trình quay phim truyền truyền hình. Với những đối tượng, nội dung, điều kiện khác nhau của mỗi cảnh quay nhà quay phim sử dụng loại ống kính khác nhau. Từ ống kính góc rộng (có tiêu cự ngắn dưới 50mm) đến ống kính góc hẹp (có tiêu cự trên 50mm) đều mang lại những hiệu quả hình ảnh khác nhau và đòi hỏi những kỹ thuật sử dụng khác nhau, với những loại ống kính góc rộng được sử dụng để quay những cảnh viễn, vì ống kính góc rộng có khả năng lấy được nhiều không gian rộng hơn, có độ sắc nét về chi tiết, xong cũng có nhược điểm làm biến dạng những chi tiết ở mép hình, nhưng cũng có những nhà quay phim lợi dụng nhược điểm này để quay chân dung cận để diễn tả những nhân vật gian ác, mưu mô, méo mó trong tâm hồn. Những loại ống kính có tiêu cự dài thường sử dụng để quay cận nhân vật, để diễn tả những thay đổi về sắc thái khuôn mặt, đặc tả đôi mắt...ở những tiêu cự dài nhà quay phim cần lưu ý rằng bất cứ sự rung lắc nhẹ, không mong muốn trong quá trình quay sẽ hiện rất rõ trong hình ảnh. Ở những loại ống kính có tiêu cự từ dưới 50mm (góc rộng) đến tiêu cự dài trên 50mm (gọi là ống kính *zoom*) thường được sử dụng rất nhiều trong quay phim bởi sự linh hoạt trong khi sử dụng và quan trọng hơn là có thể tạo ra hiệu quả chuyển động bằng cách có thể thay đổi tiêu cự ống kính trong quá trình quay phim. Ngoài ra ống kính máy quay còn được hỗ trợ của rất nhiều loại kính lọc, với nhiều hiệu quả khác nhau như điều chỉnh tông phim, màu sắc, tương phản...

Trong quá trình quay phim còn sử dụng nhiều thiết bị hỗ trợ chuyển động máy như *dolly*, *ray*, *boom*, *flycam*, *steadicam*... với các loại thiết bị có thể tạo ra nhiều dạng chuyển động máy, và cũng có những kỹ thuật sử dụng khác nhau. Trong quá trình sử dụng những thiết bị này cần lưu ý đến bố cục trong mỗi khuôn hình, chiếu sáng tổng thể của mỗi cảnh quay và dàn cảnh của đạo diễn, tránh tập trung vào chuyển động máy mà quên mất vai trò của những yếu tố tạo hình khác có trong khuôn hình.

Ngoài những thiết bị kỹ thuật nói trên, trong quá trình làm phim, nhà quay phim còn sử dụng các thiết bị kỹ thuật để tạo ra hiệu quả hình ảnh đặc biệt, hoặc quay trong những điều kiện đặc biệt như sử dụng ống kính siêu rộng hoặc ống kính *macro* siêu đặc tả, các thiết bị quay dưới nước, quay hồng ngoại...

Các nhà quay phim cần làm chủ kỹ thuật và sử dụng tốt các chức năng của thiết bị để tạo ra hiệu quả hình ảnh sinh động, hấp dẫn người xem. Xong phải biết sử dụng hiệu quả hình ảnh ấy để chuyển tải nội dung kịch bản, phục vụ ý đồ nghệ thuật, tránh tình trạng sử dụng kỹ thuật một cách máy móc, tập trung thái quá vào kỹ thuật mà thiếu đi cảm xúc trong khuôn hình.

1.2.2.3. Phương tiện kỹ thuật chuyển tải hình ảnh đến người xem.

Để thưởng thức một tác phẩm phim truyện điện ảnh, khán giả phải tới rạp chiếu phim, với màn hình máy chiếu phim rất lớn từ vài chục đến hàng trăm mét vuông, dàn âm thanh hiện đại, thậm chí có thể xem những bộ phim được áp dụng công nghệ mới hiện đại như công nghệ hình ảnh 3D cảm giác mạnh, màn ảnh tròn 360 độ và những công nghệ cho khán giả thưởng thức bộ phim bằng nhiều giác quan. Phương tiện chuyển tải hình ảnh đến người xem là máy chiếu phim và một màn chiếu lớn, với hình thức xem phim tập trung, vì vậy tạo ra hiệu ứng tâm lý, cảm xúc được lan tỏa giữ những khán giả khi xem phim, đó cũng là những yếu tố tạo ra sự hấp dẫn với khán giả khi đến rạp xem phim.

Mặc dù ra sau và kế thừa rất nhiều kỹ thuật của điện ảnh, xong truyền hình có phương thức và kỹ thuật chuyển tải hình ảnh riêng của mình. Khác với hình thức xem phim tập trung tại các rạp, truyền hình chuyển tải tác phẩm tới từng khán giả, từng gia đình, không kể vị trí địa lý từ gần tới xa. Một trong những lợi thế của truyền hình là tính phổ cập rộng rãi bằng những phương thức chuyển tải hình ảnh khác nhau.

Có thể hiểu nguyên lý của truyền hình như sau. Những hình ảnh được chuyển thành những tín hiệu mang thông tin về sáng tối, màu sắc. Sau đó được xử lý, khuếch đại và được truyền đi bằng máy phát sóng hoặc hệ thống cáp. Tại nơi nhận máy thu hình tách tín hiệu hình nhận được, rồi đưa đến đèn hình để biến đổi ngược lại thành hình ảnh tái hiện trên màn hình. Âm thanh cũng vậy được biến đổi thành những tín hiệu và truyền đi, ở máy thu hình sẽ biến đổi tín hiệu đưa ra qua loa và tạo âm thanh. Khác với điện ảnh, truyền hình không truyền phát cả khuôn hình mà chia ra thành các điểm ảnh, những điểm ảnh được sắp xếp với nhau thành các dòng và những tần số quét dòng khác nhau, việc chia nhỏ hình ảnh sẽ giúp cho chuyển tải hình ảnh nhanh và dễ dàng hơn.

Có nhiều phương thức để truyền hình, với mỗi phương thức khác nhau sẽ có kỹ thuật và những thiết bị khác nhau để chuyển tải hình ảnh khác nhau:

Truyền hình *analog*: Đây là phương thức chuyển tải hình ảnh đầu tiên của công nghệ truyền hình, tín hiệu *analog* là tín hiệu liên tục. Phương thức truyền hình *analog* được hiểu là những tín hiệu phát ra ở nơi phát tương tự như tín hiệu mà máy thu hình nhận được. Tương tự ở đây được hiểu là dạng tín hiệu mà đầu thu nhận được giống như dạng tín hiệu mà đầu phát phát ra. Phương thức truyền hình này bị hạn chế bởi khoảng cách giữa hai đầu thu phát, vật cản, môi trường và ảnh hưởng trực tiếp bởi sóng điện thoại, *radio*.

Truyền hình kỹ thuật số mặt đất: Áp dụng công nghệ kỹ thuật số vào truyền hình, ở phương thức này hình ảnh và âm thanh được mã hóa thành các dãy số nhị phân và truyền trong không gian trên mặt đất, đầu thu hình phải có thiết bị phân tích những thông tin số nhận được và tổng hợp thành hình ảnh và âm thanh. Phương thức này có độ phủ sóng xa hơn *analog* nhưng vẫn bị hạn chế bởi môi trường, không gian vật cản.

Truyền hình kỹ thuật số vệ tinh: Khác với truyền hình số mặt đất, truyền hình số vệ tinh phát tín hiệu số lên vệ tinh và đầu thu cần thiết bị *anten parabol* để thu thập tín hiệu số và mã hóa thành hình ảnh và âm thanh. Phương thức này có độ phủ rộng hơn truyền hình kỹ thuật số mặt đất, nhưng giá thành thiết bị cao hơn so với phương thức truyền hình đã nói ở trên.

Truyền hình cáp: Những thông tin về hình ảnh và âm thanh được truyền đi bằng những đường dây cáp quang hoặc cáp đồng trục, phương thức này không bị ảnh hưởng bởi những yếu tố về thời tiết, không gian nhưng giá thành lại rất cao chỉ thích hợp ở những thành phố lớn.

Chất lượng hình ảnh không chỉ phụ thuộc vào đường truyền mà còn phụ thuộc rất lớn vào thiết bị thu hình. Công nghệ sản xuất màn hình vô tuyến cũng có nhiều cải tiến vượt bậc, vừa đồng bộ với tiêu chuẩn kỹ thuật của thiết bị phát, vừa nâng cao khả năng hiển thị hình ảnh và âm thanh, trên thế giới hiện nay tồn tại ba hệ truyền hình màu cơ bản là hệ: *NTSC*, *PAL*, *SECAM*, tín hiệu màu mà được phát đi theo hệ màu nào thì đầu thu sẽ có bộ giải mã theo hệ màu tương ứng. Từ những chiếc vô tuyến đèn bóng to, nặng và cồng kềnh ngày nay được chế tạo theo những công nghệ mới mỏng dẹt và to thậm chí có thể cong theo ý muốn, để tạo cho hình ảnh cảm giác về chiều sâu các hãng sản xuất cả những bộ phận chuyển đổi hình ảnh *2D* thành *3D*, nâng cao độ phân giải hình ảnh thành *HD*, *4K*... có thể tương thích với nhiều phương thức chuyển tải hình ảnh trên một chiếc vô tuyến.

Với những phương tiện chuyển tải hình ảnh và những phương tiện thu hình ngay nay, khán giả xem phim truyện truyền hình có thể thưởng thức những hiệu quả hình ảnh hiển thị chi tiết tốt, màu sắc trung thực, tương phản tốt và độ phân giải cao, giúp khán giả tiếp nhận rõ hơn những hiệu quả hình ảnh mà bộ phim mang lại.

Tiểu kết chương 1

Truyền hình ra đời và phát triển là sự kết hợp giữa các yếu tố kỹ thuật, nghệ thuật, kinh tế, báo chí. Ngày nay, truyền hình được coi là một loại hình truyền thông có sức mạnh, bởi tính thông tin nhanh nhạy và phổ cập rộng rãi. Trong quá trình phát triển của tạo hình quay phim truyện truyền hình có kế thừa từ tạo hình quay phim truyện điện ảnh và thay đổi cách xử lý tạo hình để phù hợp với một ngành có chức năng mới, có sức lan tỏa rộng rãi hơn. Sự thay đổi trong xử lý tạo hình quay phim, là để phù hợp với phương tiện chuyển tải thông tin hình ảnh, bao gồm cả kỹ thuật phát hình và thu hình. Một mặt, khán giả xem phim truyện truyền hình cũng có cách tiếp nhận khác với phim truyện điện ảnh, vốn có hình thức xem phim tập trung tại các rạp chiếu phim. Những yếu tố về chức năng của ngành truyền hình, kỹ thuật truyền phát, thu hình cùng với hình thức tiếp nhận của bộ phim truyền hình khác với điện ảnh cũng dẫn tới sự thay đổi trong cách xử lý tạo hình quay phim.

Mặc dù điện ảnh và truyền hình có những điểm khác nhau trong cách xử lý tạo hình quay phim, nhưng ngôn ngữ của tạo hình quay phim đều giống nhau, bao gồm bố cục, chiếu sáng, liên kết cảnh quay, do phim truyện truyền hình kế thừa ngôn ngữ của tạo hình quay phim, của phim truyện điện ảnh. Nhìn về phương diện nghệ thuật thị giác thì mục đích cuối cùng cũng là sử dụng hiệu quả tạo hình để truyền tải nội dung phim, tạo ra những hình ảnh giàu tính thẩm mỹ, giàu cảm xúc giúp người xem cảm nhận được cái hay cái đẹp qua hình ảnh đó.

Chương 2

THỰC TRẠNG XỬ LÝ NGÔN NGỮ TẠO HÌNH QUAY PHIM CỦA PHIM TRUYỆN TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

2.1. Thực trạng tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam

Hiện nay, Việt Nam sản xuất vài nghìn tập phim truyện truyền hình một năm, bao gồm phim một tập và cả phim dài tập. Số lượng phim được sản xuất ngày càng nhiều, nhưng thực trạng sản xuất phim truyện truyền hình Việt Nam hiện nay còn gặp nhiều vấn đề bất cập như: Đầu tư kinh phí quá thấp, thời gian làm phim ngắn, thiếu đồng bộ trong đội ngũ sáng tác chuyên nghiệp, thiếu không gian phim trường... Những vấn đề kể trên ảnh hưởng rất lớn tới tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam. Vì đầu tư kinh phí thấp, nên thời gian sản xuất phim từng tập phải rút ngắn vừa hạn chế sử dụng phương tiện kỹ thuật quay phim, giảm bớt nhân lực làm phim để bớt tốn kém, thường thì các nhà làm phim quay từ 50- 70 cảnh/ ngày thậm chí có thể quay một tập phim trong một ngày. Thiếu không gian phim trường nên các nhà làm phim phải tận dụng bối cảnh thật, mất nhiều thời gian di chuyển, cải biến cảnh thực, không gian thực hợp ý đồ, nội dung... Từ điều kiện làm phim kể trên, dẫn đến tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam có những ưu điểm cần được phát huy hơn nữa, song cũng có nhiều mặt hạn chế cần khắc phục.

2.1.1. Ưu điểm trong xử lý tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam.

Những thuận lợi trong quá trình sáng tác: Các nhà làm phim có được rất nhiều những thuận lợi từ điều kiện tự nhiên, văn hóa dân tộc, đời sống kinh tế, xã hội đây chính là nguồn chất liệu giàu có để xây dựng phim truyện, đến tạo hình cho phim truyện. Nước ta có điều kiện thiên nhiên phong phú, đa dạng, cuộc sống sôi động, trên đà phát triển. Nhiều di sản thiên nhiên được

UNESCO là di sản thế giới, từ phong cảnh núi non hùng vĩ của vùng cao, phong cảnh xóm làng, cây đa, bến nước, sân đình, bến đò con sông rất đổi bình yên của đồng bằng Bắc bộ, hay những xóm chài, đôi cát của các vùng ven biển tuy nghèo khó nhưng rất gần gũi, thân thương. Nhiều cảnh vật thiên nhiên kỳ thú được các nhà làm phim nước ngoài tìm đến và chọn làm bối cảnh cho phim, năm 2004 bộ phim Hollywood *Pan và vùng đất Neverland*, đạo diễn Joe Wright chọn hang Én, vịnh Hạ Long, Ninh Bình làm bối cảnh quay, kết hợp với kỹ xảo điện ảnh trong phim khiến khung cảnh trở nên siêu thực, khán giả hấp dẫn bởi nàng tiên cá ngồi trong không gian của sườn núi Tràng An mơ mộng còn dãy núi đá Vịnh Hạ Long lại trở nên bí ẩn khi hóa thành vùng *Neverland*. Bộ phim từng giành giải *Oscar* năm 1992, *Đông Dương* của đạo diễn Régis Wargnier chọn kinh thành cổ đô Huế, vịnh Hạ Long làm bối cảnh, ngoài ra còn có phim *Người Mỹ trầm lặng* của đạo diễn Phillip Noyce thực hiện, gần đây nhất là bộ phim *Kong: Skull Island* đạo diễn Jordan Vogt-Roberts, một bộ phim đầu tư kinh phí lớn được quay tại các thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam. Đi cùng với những đặc điểm vùng miền, là 54 dân tộc anh em, với mỗi dân khác nhau với những đặc điểm về văn hóa, sinh hoạt, phong tục tập quán khác nhau làm cho chất liệu tạo hình của quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam trở nên phong phú đa dạng.

Từ những thuận lợi về tự nhiên, về văn hóa, đời sống đã giúp cho tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam có những ưu điểm như có những cảnh quay ngoại có tạo hình đẹp, chính chu, thể hiện sinh động cuộc sống và thể hiện rõ văn hóa vùng miền. Đặc biệt ở những cảnh quay lấy bối cảnh thiên nhiên núi đồi Tây bắc vừa lãng mạn vừa kịch tính trong bộ phim *Mạch ngầm vùng biên ải* (2015) đạo diễn Bùi Huy Thuận, hay cảnh sông nước, cánh đồng làng quê mộc mạc, yên bình của vùng đồng bằng Bắc bộ có trong phim *Nỗi đau giấu kín* (2014) đạo diễn Trần Vịnh, *Mẹ chồng tôi*

(1994) đạo diễn Khải Hưng, hay chất Nam bộ được thể hiện qua bộ phim *Đất phương Nam* (1997) đạo diễn Nguyễn Vinh Sơn... Với những cảnh quay ngoài, nhà quay phim thường khai thác những lợi thế của bối cảnh thiên nhiên, những cú chuyển động máy kéo dài nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả về tạo hình như bố cục, đường nét, mảng miếng màu sắc có từ thiên nhiên, những thuận lợi từ bối cảnh tự nhiên giúp cho nhà quay phim tạo ra những khung hình đẹp giàu chất thơ. Tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt nam còn thể hiện cuộc sống một cách sinh động, chân thực. Khi diễn xuất của diễn viên, những tình huống chuyện được đặt trong những bối cảnh được sử dụng từ cuộc sống thật như những bối cảnh thuê nhà dân sinh, cảnh khu phố, đường xá... qua ống kính của nhà quay phim, qua các bước xử lý bố cục, xử lý chiếu sáng, sử dụng góc độ, kiểm soát độ sâu của trường ảnh làm nổi bật diễn xuất của diễn viên. Trong những cảnh vào phim, hoặc bắt đầu một trường đoạn mới, để giới thiệu địa điểm, nơi diễn ra những tình huống chuyện, các nhà làm phim thường quay những cảnh viễn hoặc cảnh toàn mà không có diễn xuất rồi mới vào cảnh diễn xuất, cách lồng ghép, kết nối các cảnh như vậy đưa đến cho khán giả xem phim những hình ảnh sinh động, chân thực. Do vậy, mượn bối cảnh, không gian thực cũng là một ưu điểm của xử lý tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam.

Một vài ưu điểm khác trong xử lý tạo hình quay phim xuất phát từ thực trạng làm phim truyện truyền hình Việt Nam, có thể thấy do thúc ép về tiến độ nên thời gian sản xuất phim ít, kinh phí làm phim thấp, đòi hỏi các nhà làm phim phải “cân đo, đong đếm” từ việc tổ chức đoàn làm phim không “cồng kềnh” thậm chí một người có thể đảm nhiệm hai đến ba vai trò trong đoàn, sử dụng các thiết bị máy quay kỹ thuật số nên sử dụng ít đèn hơn, nhiều khi ở những cảnh quay ngoài ngày do tận dụng ánh sáng tự nhiên nên chỉ sử dụng phản quang là đủ, xử lý kỹ thuật cũng rất nhanh trong quá trình quay. Vì vậy,

thời gian sản xuất ngắn, sử dụng thiết bị ít, tổ chức đoàn làm phim ít người, ít tốn kém về kinh tế cũng là một ưu điểm trong xử lý tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam.

Một trong những ưu điểm nữa của tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam là chuyển động máy, trong một bộ phim những hiệu quả hình ảnh được tạo ra bởi chuyển động máy quay luôn hấp dẫn người xem, có rất nhiều dạng chuyển động với những hiệu quả hình ảnh khác nhau được nhà quay phim sử dụng chuyển động máy để diễn tả cảnh vật yên bình với những cú lia máy chậm, êm. Hoặc sử dụng những cú lia nhanh, máy vác vai, bám theo diễn xuất của nhân vật được nhà quay phim sử dụng để làm tăng kịch tính của tình huống truyện, để mở rộng phạm vi không gian, mở rộng nội dung cho tình huống. Những bộ phim hành động của Mỹ tạo ra sự hấp dẫn với khán giả bởi những chuỗi hình ảnh tạo ra từ chuyển động máy, trong bộ phim *Quá nhanh quá nguy hiểm 7* (2015) của đạo diễn James Wan, đã tạo được ấn tượng cho khán giả với những cảnh quay đuổi bắt đầy kịch tính, tốc độ của chuyển động máy quay tương đồng với tốc độ chuyển động của những chiếc xe hơi đang lao vun vút, do sự tương đồng về tốc độ chuyển động của máy quay và xe hơi đã tạo ra hình ảnh chiếc xe nét toàn bộ hậu cảnh hoặc tiền cảnh mờ nhòe do chuyển động với tốc độ cao, cũng cùng với thủ pháp như vậy trong phim *Chiến mã ở trường* đoạn chú ngựa Joey bị lạc giữa hai làn đạn nơi chiến trường. Ở trường đoạn này nhà quay phim sử dụng chuyển động máy kết hợp với *zoom* và thay đổi góc độ trong quá trình chuyển động máy, bắt đầu vào cảnh quay với khuôn hình toàn rộng, có tiếng súng nổ và chú ngựa Joey sợ hãi và bắt đầu phi, khi chú ngựa chạy qua bãi mìn nổ tứ phía thì máy bắt đầu *zoom* vào và chuyển động nhanh hơn nhằm diễn tả sự hoảng sợ và cố chạy để thoát ra khỏi khu vực có mìn, máy vẫn tiếp tục bám theo chú ngựa đang sử dụng hết sức bình sinh phi thật nhanh và dần hạ thấp góc máy để

quay cảnh chú ngựa phi vượt qua chiến hào. Quá trình thay đổi cỡ cảnh bằng *zoom* khiến cho hiệu quả chuyển động càng nhanh hơn, tăng kịch tính cho tình huống diễn tả sự sống và cái chết trong gang tấc. Khi máy chuyển động và dần hạ thấp góc máy vừa xử lý bố cục để hai bờ của chiến hào ở hai mép khuôn hình, giữa là khoảng không, là nền trời và chú ngựa *Joey* phi qua chiến hào, tình huống diễn tả chú ngựa giữa hai bờ chết - sống chỉ trong gang tấc. Chuyển động máy quay cũng được sử dụng khá nhiều trong phim truyện truyền hình Việt Nam. Tuy không có nhiều những chuyển động máy dài kết hợp *zoom* và tiêu cự ống kính nhưng cũng tạo được những hiệu quả nhất định trong phim, có thể thấy những loạt phim về cảnh sát hình sự như: *Truy đuổi tội phạm* (1998) đạo diễn Nguyễn Hữu Phần, *Lãnh địa đen* (2005) đạo diễn Mai Hồng Phong, *Chạy án* (2006) đạo diễn Vũ Hồng Sơn, *Câu hỏi số 5* (2015) đạo diễn Bùi Quốc Việt... Trong những cảnh theo dõi tội phạm, các nhà quay phim thường sử dụng chuyển động máy với thiết bị *steadicam*, hoặc máy vác vai với góc độ tâm lý chủ quan, để diễn tả từ cách nhìn của chiến sỹ công an lần theo dấu vết của tội phạm, với chuyển động máy lúc nhanh, lúc chậm, lúc cao, lúc thấp không theo quỹ đạo nào nhất định mà đối ứng với diễn xuất của diễn viên đóng vai tội phạm, tạo ra cảm giác hồi hộp, kịch tính, hấp dẫn khán giả xem phim. Ngược lại, cũng với thủ pháp chuyển động máy như vậy nếu được thể hiện dưới góc độ tâm lý của tội phạm thì lại tạo ra tâm lý của một kẻ đang sợ, hãi hoảng loạn. Trong những cảnh vây bắt tội phạm, với những pha rượt đuổi, hoặc những pha đấu võ các nhà quay phim sử dụng chuyển động máy và góc độ cùng với cách chuyển cảnh nhanh để tạo kịch tính cho tình huống. Cùng với cách dàn dựng của chỉ đạo võ thuật nhà quay phim sử dụng góc máy để che đi những khoảng cách thiếu của diễn viên đánh chưa hết tầm đòn, khiến cho những pha võ thuật trong phim vừa đẹp mắt, vừa rất thật. Một ưu điểm khác xử lý tạo hình quay phim để thể hiện tính cách

nhân vật. Những nhân vật phản diện trong phim truyện truyền hình Việt Nam thường được quay với cự ly gần, với ống kính góc rộng để làm méo mó chân dung qua đó diễn tả sự đê đàng, dữ tợn của nhân vật.

Từ những thuận lợi của điều kiện tự nhiên, giúp cho tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam có những ưu điểm trong những cảnh quay ngoại, cách mượn không gian từ thực tế làm bối cảnh quay, đã giúp cho tạo hình quay phim thể hiện một cách sinh động cuộc sống, cùng với những thủ pháp, kỹ thuật chuyên động máy đã tạo ra những hiệu quả nhất định về tâm lý, cảm xúc cho khán giả khi xem phim.

2.1.2. Những hạn chế trong xử lý tạo hình quay phim của phim truyện truyền hình Việt Nam

Tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam, ngoài những ưu điểm như đã phân tích ở trên, còn có nhiều mặt hạn chế, yếu kém nằm trong các yếu tố tạo hình quay phim. Dù nguyên nhân dẫn đến những mặt hạn chế thuộc về những yếu tố khách quan, hay chủ quan của đội ngũ những người sáng tác, thì những hạn chế này là những vấn đề không nhỏ và cần được khắc phục để nâng cao chất lượng hình ảnh của phim truyện truyền hình Việt nam.

Một vấn đề có thể nhận thấy ngay khi xem phim truyện truyền hình Việt Nam là ý đồ tạo hình chưa được xác định rõ ràng. Chính vì vậy, khi đánh giá tổng thể hình ảnh của bộ phim, không thấy được sự liên kết chặt chẽ về cấu trúc, hình ảnh của bộ phim không chuyển tải một cách rõ nét, sâu sắc, ấn tượng chủ đề, nội dung kịch bản. Chưa xác định rõ ràng ý đồ tạo hình cho toàn bộ phim cũng giống như thiếu đi “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt những trường đoạn, những cảnh quay mặc dù vẫn có đầy đủ thủ pháp kết nối các cảnh quay và công tác dựng phim. Vì chưa xác định ý đồ tạo hình chung cho toàn bộ phim, dẫn đến vấn đề về xác định tông phim cũng chưa tốt, thật hiếm khi xem

những bộ phim truyện truyền hình Việt Nam có tông phim được xử lý để chuyển tải nội dung chủ đề của phim, chúng ta thường thấy những bộ phim thậm chí nhiều cảnh quay bị chệnh tông giữa cảnh trước và cảnh sau, dẫn đến hình ảnh của toàn phim khi xem bị rời rạc, vấp vấp. Xây dựng ý đồ tạo hình quay phim và xác định tông phim ở phim truyền hình một tập đã hiếm thấy, thì ở những bộ phim truyền hình dài tập còn ít hơn. Cũng phải nói rằng, để xây dựng được ý đồ tạo hình và xác định tông phim cho vài chục tập phim là rất khó và cần nhiều thời gian cho xử lý chiếu sáng trong từng cảnh quay, cần chiếu sáng theo ý đồ tạo hình và kiểm soát mật độ sáng tối trong từng cảnh quay mới duy trì được tông phim.

Màu sắc trong phim truyện truyền hình Việt Nam, hình ảnh hầu như chỉ chuyển tải được “màu sẵn có” tự nhiên, nhiều phim còn sử dụng một cách tràn lan, dễ dãi, chưa có ý đồ và chưa thể hiện được vai trò của màu sắc trong việc chuyển tải nội dung, tạo tâm lý cho tình huống truyện. Màu sắc trong phim được hình thành từ màu sắc của vật thể như bối cảnh, đạo cụ, hóa trang, phục trang... và hiệu quả chiếu sáng, màu sắc cũng là yếu tố tạo hình tham gia vào bố cục khuôn hình quay phim. Các yếu tố tạo hình có quan hệ mật thiết, tương tác qua lại trong tạo hình quay phim, sử dụng màu sắc một cách dễ dãi có thể làm hỏng bố cục khuôn hình. Các nhà quay phim truyện cần phải chú ý và sử dụng một cách hiệu quả vai trò của màu sắc trong việc tạo ra hiệu quả tâm lý cho nhân vật, sử dụng màu sắc cùng tông phim để tạo tình huống, tạo kịch tính.

Về xử lý bố cục trong tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam cũng gặp những vấn đề cần khắc phục. Trong những bộ phim truyện truyền hình thường gặp những cách xử lý bố cục chung chung, dễ dãi thậm chí nhiều cảnh quay khuôn hình xử lý bố cục một cách sơ sài cầu thả, không những không biểu đạt một cách sáng rõ nội dung, tình huống mà các yếu tố tạo hình

còn vênh nhau, phá nhau về cân bằng thị giác, dễ nhận thấy sự thiếu thống nhất trong xử lý bố cục, nhiều cảnh quay tĩnh còn có những chỗ thừa chỗ thiếu, chi tiết rối rắm, trong những cảnh quay có chuyển động máy thì nhà quay phim thường xuề xòa khi xử lý bố cục. Trong một cảnh quay cần xử lý bố cục từ khi bấm máy đến khi đóng máy chứ không phải chỉ xử lý bố cục ở khuôn hình đầu và khuôn cuối. Nhà quay phim cần phải bố cục sao cho vừa biểu đạt được sáng rõ nội dung kịch bản và tạo ra cảm xúc cho người xem.

Một hạn chế khác trầm trọng hơn trong nhiều phim truyện truyền hình Việt Nam là vấn đề chiếu sáng. Hiệu quả của chiếu sáng trong phim chưa cao, về mặt tạo hình do cách chiếu sáng chung chung, tản đều không tạo được hiệu quả về chiều sâu không gian, hoàn cảnh nhân vật không nhân và làm nổi bật chủ thể chính trong khuôn hình, thậm chí do cách chiếu sáng không thống nhất giữa cảnh trước và cảnh sau dẫn đến định hướng sai màn ảnh, hiệu quả ngày đêm không phân biệt. Nhất là trong những cảnh quay đêm, được chiếu sáng với tỉ lệ tương phản gần như ban ngày, mọi chi tiết hiện lên quá rõ làm mất hiệu quả về không gian, thời gian, cũng có một nguyên nhân khách quan của kỹ thuật truyền phát, người ta phải nâng mật độ ở những cảnh quay đêm để đảm bảo chất lượng kỹ thuật của hình ảnh phát đi do vậy mà giảm đi hiệu quả nghệ thuật của chiếu sáng đêm. Trong các cảnh quay ngoại, sự phối hợp giữa chiếu sáng và ánh sáng tự nhiên chưa tạo được hiệu quả. Chưa sử dụng hiệu quả vai trò của chiếu sáng trong việc thể hiện tính cách, tâm lý nhân vật. Trong những cảnh quay nội càng thể hiện những hạn chế của chiếu sáng khi không tạo được hiệu quả về không gian, chiếu sáng chưa làm tôn lên diễn xuất của diễn viên, và tạo kịch tính cho tình huống truyện, chiếu sáng vừa phải tính toán tới hiệu quả hình ảnh, tham gia của ánh sáng trong bố cục khuôn hình vừa phải sử dụng một cách có lý nguồn sáng, là nguồn sáng gì,

hướng chiếu sáng từ đâu, nhiệt độ màu của ánh sáng đó như thế nào... vừa phải tính đến hiệu quả tâm lý của chiếu sáng tới tình huống, nhân vật.

Việc giải quyết các mâu thuẫn giữa các cảnh quay, trong nhiều phim truyện truyền hình Việt Nam chưa chú ý tới vấn đề này, đây là vấn đề quan trọng trong tạo hình quay phim, xử lý mâu thuẫn giữa các cảnh không chỉ giải quyết về mặt tạo hình liên tục mà còn mang lại hiệu quả tâm lý, kịch tính cho truyện phim, khi xem nhiều phim truyện truyền hình Việt Nam, bước chuyển giữa các cảnh quay trong một trường đoạn chưa êm về mặt tạo hình, chưa tạo được hiệu quả tâm lý cho tình huống, cách xử lý các mâu thuẫn thường thấy ở trong phim truyện truyền hình Việt Nam là tối dần- sáng dần khi kết thúc và bắt đầu một trường đoạn, hoặc sử dụng mờ chông khi có những cảnh hồi tưởng. Ngoài ra trong những đoạn phim có xung đột, có kịch tính thì thường không để ý nhiều tới hiệu quả của các mâu thuẫn với vai trò là một trong những yếu tố hình thành tiết tấu của phim, có thể mượt mà, êm ái nhưng cũng có thể nhanh, tạo sự hồi hộp gay cấn. Nhà quay phim cần biết sử dụng hiệu quả do những cách dựng hình tạo nên để chuyển tải mạnh mẽ, rõ ràng hơn nội dung kịch bản.

2.2. Xử lý ngôn ngữ quay phim truyện truyền hình Việt Nam

2.2.1. Sử dụng ngôn ngữ bố cục trong tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam

Bố cục khuôn hình là một trong những yếu tố của ngôn ngữ tạo hình quay phim. Ngoài việc xử lý bố cục để tạo ra hình ảnh hài hòa, giàu tính thẩm mỹ, nhà quay phim cần chú ý tới hiệu quả chuyển tải nội dung mà bố cục hình ảnh mang lại. Về mặt tạo hình, xử lý bố cục có sự tham gia của chiếu sáng, màu sắc, đường nét, hình khối, góc độ, chuyển động máy... nhà quay phim cần sắp xếp các yếu tố trên với sự thống nhất trong ý đồ tạo hình và phản ánh nội dung. Cần tránh những ảnh hưởng thị giác không cần thiết giữa các yếu tố tạo hình với nhau, hiệu quả giữa các yếu tố tạo hình phải tương hỗ với nhau,

yếu tố này làm tôn lên yếu tố khác, và cùng phục vụ cho một bố cục tổng thể trong việc chuyển tải nội dung. Bố cục khuôn hình phản ánh khả năng sáng tạo, cảm nhận thẩm mỹ của nhà quay phim.

Trong thập niên 90 của thế kỷ trước, khi mới sản xuất những tập phim đầu tiên của phim truyện truyền hình Việt Nam, với đội ngũ sáng tác đa phần là những người làm phim truyện điện ảnh chuyển sang làm phim truyền hình, vì vậy ở thời kỳ này dễ dàng nhận thấy cách xử lý tạo hình của quay phim truyện truyền hình giống như trong quay phim điện ảnh, từ những tìm tòi, sáng tạo trong xử lý bố cục, hiệu quả của chiếu sáng thể hiện rõ không gian, tâm lý nhân vật, các mâu thuẫn giữa các cảnh, hay đoạn phim đều thể hiện rất rõ hiệu quả nghệ thuật mà nó mang lại. Những năm đầu sản xuất phim truyện truyền hình Việt Nam tuy điều kiện về kinh phí, kỹ thuật còn nhiều hạn chế, nhưng với sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ làm phim, cũng có nhiều bộ phim để lại ấn tượng với khán giả như *Lời nguyện của dòng sông* (1992) đạo diễn Khải Hưng, *Mẹ chồng tôi* (1994) đạo diễn Khải Hưng, *Xóm nước đen* (1996) đạo diễn Đỗ Phú Hải, *Đất phương Nam* (1997) đạo diễn Nguyễn Vinh Sơn...

Nhìn chung tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam có những mặt hạn chế, song cũng có những bộ phim có nhiều ưu điểm về xử lý bố cục khuôn hình quay phim, những bộ phim này thường là những bộ phim truyện truyền hình một tập, được đầu tư về kinh phí, thời gian làm phim. Tiêu biểu là những bộ phim được phát sóng cuối tuần trên VTV1 như *Lời ru của mẹ* (2013) đạo diễn Nguyễn Tiên Thành, *Nỗi đau giấu kín* (2014) đạo diễn Trần Vịnh, *Điều cuối cùng còn lại* (2014) đạo diễn Bùi Quốc Việt... Những bộ phim này phần nào thể hiện được sự chính chu về mặt tạo hình, có ý đồ rõ nét trong xử lý bố cục và ít nhiều tạo được cảm xúc từ hiệu quả hình ảnh của phim mang lại.

Bộ phim Lời ru của mẹ, bộ phim kể về câu chuyện của Hậu - một thương binh nặng sau chiến tranh, bị liệt toàn thân. Hậu thấy bất lực, vô dụng và có tâm trạng chán nản, mất lòng tin vào cuộc sống. Trạm điều dưỡng phải mời bà Nhân (mẹ Hậu) lên đón con về nhà chăm sóc. Bằng tấm lòng, tình yêu của người mẹ, bà Nhân đã từng bước giúp con trai vượt qua những mặc cảm cá nhân, vượt qua bệnh tật và trở thành một nhà thơ. Xuyên suốt bộ phim là một hành trình dài đầy khó khăn nhưng giàu nghị lực, nhiều gian khó nhưng ngọt ngào như lời ru của mẹ dành cho con. Trong phim có những cảnh quay có tạo hình đẹp, có thể trở thành hình tượng cho toàn bộ phim. Những cảnh quay về những tháng ngày chán nản tuyệt vọng của Hậu, cảnh quay nội đêm, khi Hậu đang chìm trong giấc ngủ miên man, người mẹ ngồi bên cạnh chăm sóc hát ru cho con ngủ, ánh sáng được chiếu thành vùng sáng tập trung vào hai mẹ con, vào cảnh quay bằng giọng hát ru chất chứa nhiều tâm tư và tình thương của người mẹ, vừa muốn con đi vào giấc ngủ an lành, vừa như muốn giải bày tâm tình người mẹ, chuyển động máy vừa êm vừa chậm rãi đẩy cỡ cảnh từ toàn hẹp ra toàn rộng, khiến cho người xem có cảm giác như chính lời hát ru đã đưa đẩy không gian chứ không phải do hiệu quả từ kỹ thuật, chuyển động máy ra đến toàn cảnh rộng thấy một ngọn đèn được treo cao ở phần tiền cảnh, khi khuôn hình ôm trọn ngọn đèn thì người mẹ đi ra khỏi hình, trong khuôn hình chỉ còn lại hai điểm sáng là ngọn đèn và vùng sáng bao trùm khu vực Hậu đang ngủ và kết thúc câu hát ru, ngọn đèn được bố trí và sử dụng như một chi tiết nghệ thuật, đó là hình tượng người mẹ, tình mẹ luôn là ánh sáng soi rọi xóa đi bóng tối đang bao trùm con, cùng giọng hát ru đưa con vào giấc ngủ yên. Đây là cảnh quay mang nhiều cảm xúc, giàu tính văn học, cảnh quay thể hiện sự tài tình trong dàn dựng của đạo diễn và sử dụng tạo hình để xây dựng hình tượng của nhà quay phim. Ngoài ra trong nhiều khuôn hình còn cho thấy xử lý bố cục chặt chẽ, tạo hình đẹp và giàu hình tượng như: Cảnh

quay gương mặt của Hậu đang ngủ có hậu cảnh là chiếc bóng của người mẹ, gương mặt của Hậu sáng, cái bóng người mẹ tối, cho thấy được sự hy sinh âm thầm của người mẹ để có giấc ngủ an lành cho con, hay cảnh quay khi bà Nhân đi dạy học về muộn sau câu chuyện hỏi han Hậu, bà lại tắt tả ra ngoài hiên nấu cơm, từ trong nhà chuyển động máy theo bà Nhân ra đến mép cửa và dừng lại, trong khuôn hình thấy cả không gian trong nhà và ngoài hiên, khuôn hình được chia thành hai phần bằng nhau bởi bức tường và hai mẹ con vẫn tiếp tục nói chuyện qua ô cửa sổ, cách xử lý bố cục chia đôi khuôn hình với mỗi bên là một không gian, một nội dung khác nhau, một bên là sự vất vả, tất bật của người mẹ, một bên là cảm giác bất lực của người con, nếu không gian của người mẹ là không gian có nhiều hoạt động thì nửa khuôn hình của người con tĩnh do bị liệt nhưng lại động về nội tâm, hai không gian của khuôn hình sự tương phản của trạng thái, của tâm lý, tất cả nằm trong một bố cục. Cách xử lý bố cục này cũng thấy ở trong hình ảnh của phim Điều cuối cùng còn lại, trong cảnh quay bố và vợ của Bình, một người ngoài hiên một người ngoài sân, nghe câu chuyện của hai bố con Bình đang diễn ra trong nhà, tất cả đang nghe con gái nói về nỗi đau của vợ Bình khi anh bỏ nhà lên thành phố sống với bố, cảnh quay bắt đầu trong tiếng nói trong trẻo của trẻ con năn nỉ mong bố trở về nhà, chuyển động máy từ mái của ngôi nhà khang trang (hình ảnh tương phản với ngôi nhà cấp bốn cũ kỹ của vợ chồng Bình nơi thôn quê) xuống chân dung bố của Bình, cột của ngôi nhà khang trang chia đôi khuôn hình, một nửa là chân dung bố của Bình đang trong tâm trạng rối bời vừa thấy tội lỗi vì đã phá vỡ một gia đình vừa sợ Bình sẽ về quê với vợ con, một nửa khuôn hình là vợ của Bình đang ngồi đau đớn ngoài sân, hai người phụ nữ tuy ở hai nửa khác nhau, một gần một xa, một chủ một khách, nhưng đều mang nặng ưu tư. Về mặt bố cục nhà quay phim đã chia đôi khung hình cho hai người phụ nữ, vốn không thể hòa hợp trong một mái nhà, chuyển động máy

khéo léo từ mái nhà khang trang xuống chân dung của người phụ nữ sở hữu ngôi nhà đó, tạo ra sự tương phản với ngôi nhà mái ngói nhỏ của vợ chồng Bình ở quê. Đây chính là cách xử lý bố cục biểu đạt tốt nội dung, cả chuyển động máy cũng thể hiện rõ ý đồ, chỉ tiếc trong khuôn hình này không có vai trò của ánh sáng tham gia vào bố cục, không có hiệu quả của ánh sáng trong việc lột tả tâm lý nhân vật, cảnh này có thể quay *rejim* hiệu quả ánh sáng trên mặt cô gái với phần lớn khuôn mặt là ánh sáng tông lạnh của chiều tối và một phần ít ánh sáng ấm từ ánh sáng đèn trong nhà. Với hiệu quả của hai loại ánh sáng trên vừa tạo ra hiệu quả về không gian, vừa cho thấy tâm trạng rối bời của cô gái, vừa cho thấy ánh sáng mang màu ấm từ ngôi nhà hạnh phúc sao thật mong manh. Trong mỗi cảnh quay, tùy theo tình huống truyện nhà quay phim xử lý bố cục theo cách khác nhau, tùy thuộc vào cảm thụ văn học của nhà quay phim, nhưng cần tận dụng những hiệu quả của các yếu tố tạo hình vào xử lý bố cục để diễn đạt một cách rõ nét hơn, thú vị hơn nội dung đề cập trong cảnh quay.

Trong các phim truyện truyền hình dài tập Việt Nam, bố cục khuôn hình quay phim thường được xử lý chung chung đa phần chỉ xử lý bố cục gọn gàng và mang tính thông tin là chủ yếu, ít thấy những bộ phim truyện dài tập xử lý bố cục khuôn hình thể hiện sự tìm tòi sáng tạo với ý đồ nghệ thuật. Các cảnh quay trong những phim dài tập thường được kéo dài hơn cộng với cách xử lý bố cục chung chung hoặc không thay đổi bố cục trong những cảnh quay dài, gây cảm giác nhàm chán khi xem phim (cần phải nói thêm bố cục trong một cảnh quay là xử lý bố cục từ khi bấm máy tới khi tắt máy chứ không phải là bố cục khuôn hình đầu và khuôn hình cuối).

Bộ phim 36 tập *Bống dưng muốn khóc*(2008) của đạo diễn Vũ Ngọc Đăng, bộ phim xoay quanh câu chuyện tình yêu của Trúc, một cô gái mồ côi nghèo bán sách và một chàng trai con nhà giàu ham chơi nhưng chân thành

tên Nam, hình ảnh của phim khá trong trẻo, tông phim được xử lý thiên về tông sáng, cùng với chi tiết tà áo dài trắng Trúc thường xuyên mặc khi đi bán sách diễn tả tâm hồn cô gái tuổi đôi mươi rất cá tính và cũng đầy mơ mộng, hình ảnh của phim gần với chủ đề tình yêu tuổi mới lớn, rất trong sáng, không toan tính hoàn cảnh giàu nghèo. Thế nhưng khi phân tích từng cảnh quay thì bộ phim cũng gặp những vấn đề như xử lý bố cục chung chung, cảnh quay dài với diễn viên và máy quay cố định ở một vị trí, không có di chuyển vị trí của diễn viên trong cách dàn dựng của đạo diễn, không có sự biến đổi bố cục của quay phim dẫn đến cảnh quay bị nhàm chán, nội dung cảnh quay được thể hiện qua lời thoại của diễn viên là chủ yếu chứ không bằng hình ảnh, ở tập 2 của phim *Bỗng dưng muốn khóc* từ phút 21:52 giây đến phút 30:23 giây, đoạn phim gần 9 phút về cuộc nói chuyện giữa Trúc và Hề trong công viên, tuy trong đoạn phim này có một số những cảnh quay thay đổi về cỡ cảnh, và có cảnh chen nhưng đa phần là quay chân dung hai nhân vật ngồi ngang, cách bố cục chủ thể chính ở vị trí một phần ba khuôn hình, góc máy và vị trí máy quay cố định, lặp lại trong suốt đoạn phim, cách quay này giống quay phỏng vấn báo chí, cùng với cách sử dụng ánh sáng tản đều không có chủ quang, phụ quang, cộng với sử dụng ống kính *tele* làm mờ nhòe toàn bộ phần hậu cảnh làm mất đi chiều sâu không gian khiến cho hình ảnh của đoạn phim thiếu hấp dẫn, trong đoạn phim này cách dàn dựng của đạo diễn phần nào hạn chế đất sáng tạo của quay phim, nếu như có chuyển động của nhân vật trong cách dàn dựng của đạo diễn, quay phim sẽ có nhiều phương án để xử lý bố cục hơn, có thể sử dụng chuyển động máy quay, góc độ khác nhau mà vẫn đảm bảo nội dung của cảnh và không bị trùng lặp về hình ảnh. Trong nhiều cảnh quay ở các tập phim khác của *Bỗng dưng muốn khóc* cũng có cách xử lý bố cục như vậy. Đây là vấn đề thường gặp phải trong cách xử lý bố cục khuôn hình quay phim trong các phim dài tập khác truyền hình Việt nam. Trong bộ phim 14 tập

Cô hàng xóm rắc rối (2014) đạo diễn Bùi Tiến Huy, Phạm Gia Phương cũng vậy, trong tập 1 đoạn phim từ 13:37 đến 16:01 về Nguyên (vai nữ chính) và Quân (vai nam chính) nói chuyện với nhau qua *internet* đoạn phim gồm nhiều cảnh quay chân dung của hai diễn viên, chen vào giữa những cảnh chân dung là đặc tả đôi tay gõ bàn phím và những dòng tin trên máy tính, cách xử lý bố cục cho diễn viên ở chính giữa khuôn hình cùng vị trí đặt máy quay cố định, lặp lại nhiều lần trong đoạn phim gây ra sự trùng lặp, nhằm chán cho hình ảnh của phim. Nếu có thể thay vài cảnh cận chân dung có bố cục lỏng lẻo ấy bằng những cảnh đặc tả đôi mắt, miệng cười, đôi bàn tay do dự, ngập ngừng những phản ứng rất nhỏ của tuổi đang yêu, diễn tả tâm trạng nhân vật chi tiết hơn, xem đoạn phim sẽ thấy sinh động hơn.

Xử lý bố cục trong những phim truyện truyền hình hợp tác với nước ngoài cũng có những đặc điểm riêng. Vì là phim hợp tác sản xuất nên được đầu tư về kinh phí sản xuất, thời gian làm phim, các đơn vị hợp tác sản xuất cũng đặt ra những đòi hỏi chất lượng hình ảnh của phim phải đáp ứng được yêu cầu của các bên, ngoài ra bộ phim phải phù hợp với phong cách làm phim của các nước hợp tác để khán giả ở các nước, với nền văn hóa khác nhau có thể tiếp nhận bộ phim một cách dễ dàng, gần gũi. Vì vậy khi xem những bộ phim *Người cộng sự*, *Khúc hát mặt trời* chúng ta thấy có những nét rất Nhật Bản trong lối diễn của diễn viên, hay cách xây dựng hình ảnh cho phim. Khi xem *Tuổi thanh xuân*, chúng ta thấy từ khâu xây dựng kịch bản, chọn diễn viên cho đến diễn xuất, phục trang, hóa trang, dàn dựng của đạo diễn, bối cảnh được quay một phần ở Hàn Quốc, vì vậy khi xem phim chúng ta thấy mang đậm phong cách phim của Hàn Quốc, thể hiện rõ nhất ở cách xây dựng hình ảnh cho phim, bộ phim sử dụng dàn diễn viên trẻ đẹp có nhiều ngôi sao, nhà quay phim sử dụng tiêu cự *tele* và độ mở ống kính kết hợp với sử dụng nhiều ánh sáng phản xạ, không chiếu đèn trực tiếp vào diễn viên mà chiếu vào

phản quang để tạo ánh sáng mềm mại, mịn màng nhằm làm tôn lên vẻ đẹp của diễn viên trong những cảnh quay trung và cận cảnh, cùng với sử dụng góc độ chuyển động máy nhẹ nhàng tạo chất thơ cho những tình huống lãng mạn. Với chủ đề về tình yêu, lý tưởng sống của tuổi thanh xuân, dám sống dám yêu hết mình, vừa sôi nổi và cũng nhiều mộng mơ, các nhà làm phim đã sử dụng ánh sáng và nhiều màu sắc của mùa thu Hàn Quốc, trong tập 14 của *Tuổi thanh xuân* có nhiều cảnh quay toàn rộng hai nhân vật chính Linh và Junsu đạp xe giữa khung cảnh thiên, hòa mình vào mùa thu đầy nắng, nhiều sắc màu của lá thu, cách xử lý bố cục khoáng đạt với những mảng miếng của màu sắc làm chủ đạo, kết cấu đường nét mềm mại, chuyển động máy quay chậm và êm làm cho khung cảnh trở nên lãng mạn, khiến chúng ta có cảm giác, tình yêu của tuổi thanh xuân làm cho mùa thu thêm đẹp, còn mùa thu làm cho hương vị yêu của tuổi trẻ thêm say đắm, mặn nồng. Những cảnh quay được xử lý bố cục như bức tranh thu, đẹp cảnh, đẹp cả tình. Thế nhưng cũng mùa thu ấy, khi diễn tả tâm trạng của Khánh thấy người mình yêu đang hạnh phúc bên một người khác thì mùa thu lại mang một sắc thái khác, trầm buồn biết bao. Cách xử lý bố cục thiên về mảng miếng màu sắc, ánh sáng, đường nét làm chủ đạo được sử dụng nhiều trong các tập phim của *Tuổi thanh xuân* đều mang lại những hiệu quả chuyển tải nội dung, tình huống của truyện phim, đây cũng là một điểm mạnh trong xử lý bố cục khuôn hình quay phim của phim *Tuổi thanh xuân*. Trong phim *Người cộng sự* thì lại thành công ở những cảnh quay chân dung nhà chí sỹ yêu nước Phan Bội Châu trong cơn mưa bão trên gương mặt thể hiện ý chí quyết tìm đường cứu nước. Khi diễn tả chân dung bác sỹ Asaba Sakitaro (người bạn đã cứu Phan Bội Châu) tạo hình thường được xử lý bởi những khuôn hình cận cảnh, ánh sáng mang màu âm tập trung vào ánh mắt thể hiện sự chân thành và lòng tin dành cho Phan Bội Châu sẽ là người cứu nước thành công.

Sử dụng ngôn ngữ bố cục trong tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam trong nhiều phim có những ưu điểm trong việc chuyển tải nội dung kịch bản, những ưu điểm này thường nằm ở những bộ phim một tập, hoặc nhiều tập được đầu tư về thời gian, kinh phí cũng như chú trọng tư duy về hình ảnh của phim. Hoặc những phim hợp tác với nước ngoài, những nước có ngành công nghiệp sản xuất phim truyền hình phát triển, vì phải đảm bảo chất lượng khi hợp tác và phát sóng ở cả hai quốc gia, nên phim cũng được đầu tư thời gian, kinh phí và xây dựng đoàn làm phim có chuyên môn cao hơn. Những hạn chế về xử lý bố cục thường nằm ở nhiều phim dài tập không có những yếu tố kể trên.

2.2.2. Sử dụng ngôn ngữ chiếu sáng trong tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam

Trong những năm đầu sản xuất phim truyền hình của Việt Nam, những thủ pháp chiếu sáng được sử dụng như chiếu sáng trong phim điện ảnh, từ chiếu sáng để tạo hiệu quả về chiều sâu không gian, hiệu quả thời gian, tới chiếu sáng tạo tính cách, hoàn cảnh, tâm lý nhân vật, tạo kịch tính cho tình huống truyện phim. Chiếu sáng còn được sử dụng có ý đồ nghệ thuật tạo ra hiệu quả đặc biệt, không những thể hiện rất rõ ngôn ngữ của ánh sáng mà còn giàu ý nghĩa tượng trưng.

Khi xem bộ phim truyện *Lời nguyện của dòng sông* có thể thấy rất rõ hiệu quả chiếu sáng được các nhà làm phim sử dụng. Trong những cảnh quay ông lão vạn chài cùng hai người con phải mai táng vợ mình trong đêm vì bị người trên bờ xua đuổi. Hiệu quả của chiếu sáng tạo ra là một đêm không trăng, trời tối đen như mực, ánh sáng chủ đạo trong cảnh quay là ánh sáng của những ngọn nến thờ trên quan tài của vợ ông lão vạn chài và ánh sáng phụ rất nhẹ, đủ để nhận thấy những mô đất được đào dưới huyệt, hiệu quả chiếu sáng trong cảnh quay có sức biểu hiện mạnh mẽ trong việc diễn tả bi kịch đau đớn

của gia đình ông lão vạn chài, khi vợ ông qua đời không có chỗ chôn, bị người trên bờ kỳ thị xua đuổi phải chôn vụng bên bờ sông. Thế nhưng chưa kịp đặt quan tài xuống huyệt, thì đám người trên bờ bất ngờ xuất hiện và ném đá xua đuổi, trong cảnh quay này không khí của đám đông được diễn tả bằng vài chục ngọn đuốc, sự hung hãn của đám đông ngoài cách thể hiện bằng hò hét, chửi bới, ném đá còn được thể hiện bằng sự chuyển động liên tục những đóm lửa do ngọn đuốc tạo ra ở cảnh toàn rộng. Ở đoạn phim này diễn biến tâm lý của ông lão vạn chài, được thể hiện bằng ba cảnh chân dung cận, có ánh sáng chủ đạo là ánh sáng nền bập bùng, đan cài vào giữa ba cảnh này là cảnh những ngọn đuốc của đám đông trên bờ cũng được thể hiện để hô ứng với diễn biến tâm lý của ông lão từ bất ngờ, hoảng sợ đến tuyệt vọng thì ánh sáng tối dần và tắt hẳn. Có thể thấy, vai trò của chiếu sáng để tạo không gian, thời gian, diễn biến tâm lý nhân vật trong đoạn phim là rất rõ ràng. Ngoài ra cách sử dụng ánh sáng trên còn diễn tả sự tương phản giữa đám đông là những ngọn đuốc sáng rực, và một gia đình với tấn bi kịch trong ánh sáng yếu ớt của những ngọn nến thờ. Ở những cảnh quay khác cũng tạo được ấn tượng rất mạnh khi sử dụng ánh sáng tự nhiên để diễn tả tâm trạng của ông lão vạn chài, ngồi uống rượu suông một mình trên mũi thuyền, cảnh quay ngược sáng, hình ông lão là một khối đen trầm tư trong ánh sáng vàng vọt của hoàng hôn, chuyển động máy lắc nghiêng đổ đường chân trời diễn tả cảm giác của người ngồi dưới thuyền nhìn lên bờ, mặc dù không nhìn thấy rõ cảm xúc của ông lão, nhưng qua dáng điệu người xem có thể cảm nhận được tâm trạng của ông lão đang nặng ưu tư. Ánh sáng vàng vọt của buổi hoàng hôn giống như tuổi ông lão đã vào xế chiều, vẫn lênh đênh sông nước, những đau đáu về sự đời, về tình người cứ đan xen va đập trong tâm can ông. Ông lão căm ghét đám người trên bờ, vì họ khiến cho vợ ông khi chết không có đất chôn, vì họ mà ông phải buộc quan tài của vợ mình vào những tảng đá ở dưới đáy dòng sông,

và cũng vì họ mà ông phải thề với dòng sông tuyệt giao với người trên bờ, để hai người con của ông đã quá tuổi dựng vợ gả chồng mà vẫn chẵn đơn gói chiếu, ông lão ngồi uống rượu trong tiếng đàn nhị đầy oán trách của anh con trai vì lời thề của ông mà không lấy được người mình yêu. Trong cảnh quay sử dụng ánh sáng, thủ pháp quay hòa quyện với âm thanh của tiếng đàn nhị réo rất dễ diễn tả tâm trạng của ông lão, tuy người xem không thấy cảm xúc được thể hiện bên ngoài nhưng lại thấy rất rõ tâm can ông lão, các nhà làm phim rất khéo léo khi thủ pháp lấy cảnh để tả tình khiến người xem vừa xúc động vừa cảm thương cho một số phận tuổi đã xế chiều.

Trong phim *Xóm nước đen* (1996) đạo diễn Đỗ Phú Hải cũng thể hiện rất rõ sức biểu đạt ngôn ngữ của chiếu sáng trong những cảnh quay, để diễn tả bầu không khí trong nhà Minh đen ở xóm nước đen, khi anh ta phạm tội và bỏ trốn. Căn nhà tạm bợ, lụp xụp của xóm nghèo được chiếu sáng tạo hiệu quả u tối nặng nề, chỉ có những điểm sáng chiếu ngược tập trung vào bà mẹ già và người vợ đang cho con bú, trong những đoạn phim này chiếu sáng vừa tham gia vào bố cục khuôn hình, khi sử dụng chiếu sáng chéch ngược làm nổi bật chủ thể trong cảnh quay vừa tạo ra không khí của bối cảnh, vừa nói về cái xơ xác của xóm nghèo, vừa thể hiện sự nhe nhóc, tâm trạng u buồn của mẹ và vợ Minh đen trong những ngày anh ta lẩn trốn. Cũng bối cảnh trong ngôi nhà ấy, ở những đoạn phim sau khi Minh đen đi tù và cải tạo tốt được về với gia đình, với cộng đồng. Thì bối cảnh được chiếu sáng để tạo ra hiệu quả ấm áp, cùng những cảnh Minh đen chăm sóc con cái, làm tôn lên ý nghĩa đoàn tụ và nhấn mạnh vai trò của anh ta trong gia đình ấy, và cũng một phần thể hiện sự thay đổi hướng thiện trong tâm hồn của một gã giang hồ hoàn lương.

Trong nhiều phim truyện truyền hình dài tập Việt Nam được sản xuất những năm gần đây, không cho thấy hiệu quả chiếu sáng. Những cảnh quay nội thường được chiếu sáng bằng ánh sáng đều đều, không tạo được chiều sâu

không gian cho bối cảnh, không tạo khối trên khuôn mặt diễn viên, ít thấy những cảnh quay có hiệu quả chiếu sáng tạo tính cách, diễn tả tâm lý, cho nhân vật, càng hiếm thấy hơn những cảnh quay sử dụng chiếu sáng với ý đồ nghệ thuật. Chiếu sáng là yếu tố cốt lõi để tạo ra hình ảnh đẹp, hấp dẫn và cũng là phương tiện để chuyển tải nội dung của cảnh quay.

Trong bộ phim *Bông đưng muốn khóc*, những cảnh trong nhà Nam thường sử dụng ánh sáng tản đều, những cảnh bố Nam tức giận hoặc lo lắng về cậu con trai nghịch ngợm, chơi bời không có hiệu quả ánh sáng để tôn lên diễn xuất tâm trạng của diễn viên. Trong tập 1, những cảnh quay trong nhà Nam vào ban ngày ở phút 7:35 có cách chiếu sáng giống như cảnh quay trong nhà Nam vào ban đêm ở phút 23:3, tất cả bối cảnh, nhân vật sáng đều, không tạo được hiệu quả chiều sâu không gian, không tạo được hiệu quả ngày- đêm. Khi xem phim *Ngôi biệt thự màu tro lạnh*, nhân vật Đỗ Sung là một kẻ buôn lậu được tạo vỏ bọc là một giám đốc công ty, vốn là một kẻ lưu manh, gian xảo, nhiều mưu mô. Thế nhưng những hình ảnh trong phim chưa thể hiện được hiệu quả của chiếu sáng để tạo tính cách nhân vật ấy. Những cảnh Đỗ Sung trong văn phòng điều khiển đàn em đi xin lại số gỗ mà gã buôn lậu đang bị công an tạm giữ, tính cách lưu manh, gian xảo của Đỗ Sung chỉ được thể hiện qua diễn xuất của diễn viên Nguyễn Hải, chứ không có hiệu quả chiếu sáng làm tôn diễn xuất của diễn viên và khắc họa tính cách nhân vật, những cảnh quay được chiếu sáng đều đều, không tạo được hiệu quả tâm lý. Trong tập 4, cảnh Đỗ Sung đang ngủ thì nhận được cuộc điện thoại từ đàn em thông báo có công an tìm vào bãi tập kết gỗ, gã ngồi dậy chỉ đạo đàn em tẩu tán số gỗ lậu. Ánh sáng từ chiếc đèn ngủ sau lưng không tạo được hiệu quả chiếu sáng trên khuôn mặt Đỗ Sung, nếu như chuyển chiếc đèn ngủ trên bàn ra phía trước nhân vật, sẽ thấy hiệu quả ánh sáng hắt từ phía dưới cầm lên, tạo ra một

chân dung phản diện, bộ mặt gian xảo, đũa cẩu của Đỗ Sung sẽ hiện rõ trong đêm, ngay trong phòng ngủ nhà hắn.

Trong những phim truyền hình một tập được phát sóng cuối tuần, được đầu tư về chiếu sáng trong các cảnh quay, những hiệu quả về chiếu sáng được tính toán một cách kỹ lưỡng, không những đẹp về hình ảnh mà còn tạo được hiệu quả tâm lý cho tình huống, gây xúc động cho người xem. Ở một số phim còn cho thấy cách sử dụng ánh sáng mang ý nghĩa tượng trưng, giàu tính văn học. Bộ phim *Lời ru của mẹ*, ở cảnh quay bà Nhân ngồi hát ru, chăm sóc cho con ngủ, ánh sáng được sử dụng với ý nghĩa tượng trưng về tình mẹ, với ánh sáng mang màu vàng ấm áp, xua tan bóng tối nơi con nằm, ánh sáng ấy không chỉ giàu cảm xúc, giàu ý nghĩa, mà còn là yếu tố chủ đạo trong xử lý bố cục khuôn hình, tạo ra hình ảnh đẹp với kết cấu ánh sáng làm chủ đạo. Trong một cảnh quay khác, Vân một người mẹ trẻ đơn thân đang ngồi ôm con ngủ, hướng chiếu sáng từ cửa sổ chiếu chéo vào hai mẹ con, tạo bóng người mẹ ôm con đồ dài trên tường, tạo ra hình ảnh đẹp và rất hình tượng, không những vậy cách sử dụng chiếu sáng này còn thể hiện tốt cho chủ đề của phim khi nói về tình mẹ. Những khuôn hình được chiếu sáng với ý đồ văn học luôn tạo ra hình ảnh ấn tượng, hấp dẫn và mang lại cho người xem nhiều cảm xúc. Các nhà làm phim thật khéo léo khi đan cài hai bà mẹ đơn thân một già một trẻ, cùng hai người con một trưởng thành, một còn đang tuổi bú sữa. Qua đó muốn chuyển tải hàm ý, lời ru của mẹ tưởng chừng đã gói lại trong ký ức khi chúng ta lớn lên. Nhưng không, bất kỳ lúc nào khi tâm hồn gục ngã lời ru của mẹ lại được cất lên sâu lắng, đầy yêu thương, đó như những âm hưởng từ trong ký ức dội về khi chúng ta gục ngã. Có rất ít những phim có được hiệu quả sử dụng ngôn ngữ ánh sáng như vậy.

Trong những phim truyện truyền hình hợp tác với nước ngoài, tuy không chú ý xây dựng hình tượng nhân vật bằng ánh sáng nhưng lại rất chú trọng sử dụng chiếu sáng để tạo không gian, thời gian và tính cách nhân vật.

Có thể thấy rõ điều này khi xem bộ phim 36 tập *Tuổi thanh xuân*. Những cảnh quay bối cảnh nội đều cho thấy hiệu quả thời gian nội ngày hay nội đêm, bộ phim chủ đề về tình yêu, về tuổi trẻ nên cách sử dụng chiếu sáng trong phim có nhiều cảnh thiên về tông sáng, sử dụng nhiều ánh sáng mềm mại, tương phản thấp nhưng vẫn cho thấy chủ quang phụ quang rõ ràng. Cách chiếu sáng này, kết hợp với góc máy nhằm tôn nên nét đẹp hình thể của diễn viên, đây cũng là một trong những cách làm phim của Hàn Quốc, để tạo sự hấp dẫn cho khán giả từ những diễn viên nổi tiếng.

Khi xem bộ phim *Người cộng sự*, có thể thấy rõ hiệu quả của chiếu sáng ở những cảnh quay chân dung Phan Bội Châu và bác sĩ Asaba Sakitaro, sử dụng khuôn hình cận cảnh, góc máy hơi thấp, chiếu sáng chéo thuận, làm tôn lên bản lĩnh và sự chân thành ở hai con người có chí lớn, những cảnh quay có chiếu sáng nhấn vào đôi mắt ánh nên niềm tin và sự chân thành. Đó là những yếu tố để xây dựng tình bạn bền chặt giữa hai người đàn ông. Tình bạn đó chính là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt của bộ phim hợp tác, để kỷ niệm 40 năm tình bạn giữa hai nước Việt Nam và Nhật Bản.

Nhìn chung, hiệu quả sử dụng ngôn ngữ chiếu sáng trong tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam có nhiều ưu điểm, song cũng có không ít những hạn chế, đa phần những hạn chế về chiếu sáng đều nằm ở những bộ phim truyện truyền hình dài tập, có thể do điều kiện làm phim chưa tốt, thời gian làm phim ít, khiến đội ngũ sáng tác chưa có nhiều thời gian để tư duy về ngôn ngữ chiếu sáng trong từng cảnh quay, hoặc chưa trú trọng tới việc sử dụng chiếu sáng làm ngôn ngữ để chuyển tải nội dung của phim. Nhưng

những hạn chế đó cần sớm khắc phục để nâng cao chất lượng hình ảnh cho phim truyện truyền hình Việt Nam.

2.2.3. Sử dụng kết nối cảnh quay trong tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam

Nhìn chung sử dụng kết nối cảnh quay trong tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam được thể hiện rõ hiệu quả trong giữa các trường đoạn. Giữa các trường đoạn trong phim dạng liên kết thường được dùng là tối dần, sáng dần, hoặc trong những đoạn phim hồi tưởng có sử dụng hiệu quả của mờ chồng.

Trong phim truyện truyền hình Việt Nam liên kết mờ chồng thường được sử dụng trong những đoạn phim hồi tưởng, thường bắt đầu từ khuôn hình cận cảnh liên kết với khuôn hình cận cảnh khi hồi tưởng về chân dung nhân vật, khuôn hình cận cảnh liên kết với khuôn hình trung cảnh, hoặc toàn cảnh hẹp khi hồi tưởng về sự việc đã xảy ra trong quá khứ, khuôn hình cận cảnh liên kết với toàn cảnh để hồi tưởng về một nơi nào đó, nơi xảy ra sự việc trong quá khứ. Trong bộ phim *Người công sự*, từ cận cảnh khuôn mặt giám đốc Nam, sử dụng hiệu quả mờ chồng để kết nối sang trường đoạn Phan Bội Châu được sự giúp đỡ của những người bạn ở Nhật Bản, hoặc trong bộ phim *Tuổi thanh xuân*, những cảnh Linh từ Hàn Quốc trở về Việt Nam chăm sóc mẹ nằm viện, cảnh Linh nhớ lại những tháng ngày được sống, được yêu Junsu ở hàn quốc, từ đặc tả đôi mắt ngấn lệ của Linh mờ chồng với cỡ cảnh trung, đó là hình ảnh của Linh và Junsu cười đùa vui vẻ với nhau, những cảnh hai người đang sống hạnh phúc với nhau, hai cảnh là hai hình ảnh tương phản nhau về trạng thái, hiện tại đầy nước mắt và quá khứ với những vui vẻ, xoáy sâu vào trạng thái tâm lý của Linh khi không được trở lại Hàn Quốc để đoàn tụ với người mình yêu. Sử dụng liên kết cảnh quay như vậy, thể hiện lối kể chuyện hấp dẫn, lấy những chi tiết, tình huống truyện trong quá khứ để giải thích cho tình huống hiện tại, đang xảy ra, vừa giúp người xem hiểu rõ thêm

câu chuyện, vừa bổ sung chi tiết làm rõ động cơ dẫn đến trạng thái cảm xúc của diễn viên.

Trong hai đoạn hoặc trường đoạn phim không có nội dung hồi tưởng. Giữa những trường đoạn trong phim truyện truyền hình Việt Nam, thường được liên kết theo tối dần- sáng dần, đây là cách kết nối nhằm làm rõ cấu trúc của phim, trong việc phân ra các trường đoạn có nội dung khác nhau. Tối dần- sáng dần là một phương pháp kết nối những cảnh nhằm tạo sự mượt mà trong những bước chuyển của hình ảnh, khi giữa hai cảnh có thể hơi vênh vè tông phim, cũng giống như cách xử lý ở đầu cảnh sau sẽ có tông sáng gần với cuối cảnh trước, khi kết nối mới không bị vấp vấp.

Trong tạo hình của quay phim, dựng hình đóng vai trò là những mấu nối giữa hai cảnh quay, là một trong những yếu tố hình thành tiết tấu của phim, có thể mượt mà, êm ái nhưng cũng có thể nhanh, tạo sự hồi hộp gay cấn. Nhà quay phim cần biết sử dụng hiệu quả do những cách dựng hình tạo nên để chuyển tải mạnh mẽ, rõ ràng hơn nội dung kịch bản. Với vai trò và ý nghĩa riêng của mình, dựng hình là một trong những yếu tố để hình thành lên ngôn ngữ tạo hình quay phim.

Trong tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam thường chưa chú trọng cách liên kết để tạo kịch tính, tiết tấu phim, những dạng liên kết với một cú lia máy nhanh ở cuối cảnh khi kết nối với một cảnh khác sẽ tạo được hiệu quả mạnh mẽ, ở những cảnh quay trong phim cảnh sát hình sự, *Ngôi biệt thự màu tro lạnh*, cảnh đàn em thông báo cho Đỗ Sung lô gỗ lậu bị bắt có thể sử dụng cách liên kết này giữa hai cảnh đàn em gọi điện với cảnh gương mặt của Đỗ Sung để tôn nên hiệu quả tâm lý cho nhân vật.

Những dạng kết nối cảnh quay, cần được các nhà làm phim truyện truyền hình Việt Nam chú trọng hơn nữa để nâng cao hiệu quả biểu đạt của ngôn ngữ tạo hình quay phim.

2.3. Những bài học kinh nghiệm rút ra từ xử lý ngôn ngữ quay phim truyện Truyền hình

Một vài ý kiến cá nhân để nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim

Trước thực trạng sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam hiện nay, học viên xin bày tỏ một số ý kiến cá nhân trong việc đưa ra một số giải pháp, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam.

Trong quá trình làm phim, từng tập phim và có thể cả bộ phim dài, khi áp dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim cần phải xác lập ý đồ tạo hình và các yếu tố tạo hình khác. Đây là một khâu quan trọng trong quá trình làm phim, nhưng thường bị bỏ qua trong quá trình làm phim truyện truyền hình Việt Nam, ngay từ khi làm kịch bản phân cảnh ngoài biên kịch và đạo diễn cần có sự tham gia của nhà quay phim, để cùng xây dựng lên ý đồ tạo hình cho bộ phim, và từ đó cách xử lý bố cục, phương án chiếu sáng, liên kết cảnh quay đều phải tuân thủ ý đồ tạo hình đã xây dựng trước đó. Có làm như vậy, mới có những khuôn hình được xử lý bố cục, chiếu sáng có hiệu quả tạo hình, không những giàu tính thẩm mỹ mà còn biểu đạt mạnh mẽ nội dung, chủ đề của phim.

Cần phải chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ quay phim truyện truyền hình vì đây là nhân tố trực tiếp tạo ra hình ảnh của phim. Trong quá trình làm phim, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa quay phim và một số thành phần sáng tác khác tham gia làm phim. Đầu tư thời gian và kinh phí cho quá trình sản xuất phim. Mở rộng hệ thống, đầu tư phát triển không gian phim trường, thiết bị kỹ thuật quay phim.

Nâng cao chất lượng đội ngũ quay phim truyện truyền hình Việt nam nhìn từ công tác đào tạo:

Trong quá trình tạo ra một tác phẩm phim truyện, vai trò của người sáng tác luôn được đặt lên hàng đầu. Nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ quay phim truyện truyền hình là một vấn đề rất quan trọng và cần được quan tâm sâu sắc. Trước những yêu cầu của nghề nghiệp, nhà quay phim truyện không chỉ sử dụng nhuần nhuyễn kỹ thuật, thành thạo thiết bị máy quay, am tường những nguyên tắc thị giác, sáng tạo trong xử lý tạo hình mà còn phải có sức cảm thụ văn học, có cảm thụ văn học tốt thì mới thể hiện rõ nét nội dung kịch bản bằng hình ảnh.

Hiện nay, có hai cơ sở đào tạo quay phim ở bậc đại học là Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội và Đại học Sân khấu - Điện ảnh thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, còn có các cơ sở đào tạo quay phim ở bậc cao đẳng, trung cấp, và các cơ sở đào tạo ngắn hạn trong cả nước. Nâng cao chất lượng đội ngũ quay phim truyện truyền hình nhìn từ góc độ đào tạo, cần chú trọng ngay từ khâu tuyển sinh. Ngoài những năng khiếu về tạo hình, cần tuyển chọn những thí sinh có sức cảm thụ văn học tốt. Bởi vì, một nhà quay phim cần phải cảm thụ được kịch bản văn học, rồi mới hiện thực hóa những nội dung kịch bản bằng hình ảnh và chuyển tải đến người xem, có cảm thụ được mới chuyển hóa thành hình ảnh được. Trong những khuôn hình quay phim, ngoài yếu tố đẹp về bố cục, màu sắc, ánh sáng... còn có những ý tứ văn học được nhà quay phim gửi gắm. Nói về mối quan hệ giữa văn học với điện ảnh và các ngành nghệ thuật khác, trong cuốn *Văn học dân gian và nghệ thuật tạo hình điện ảnh*, có viết “mọi sáng tạo của các bộ môn nghệ thuật đều xuất phát từ tác phẩm văn học. Nói một cách khác tác phẩm nghệ thuật dù ở loại hình nào cũng đều nảy sinh từ những tác phẩm văn học”[11, tr.100]. Như vậy có thể thấy vai trò của văn học trong các ngành nghệ thuật nói chung và nghệ thuật tạo hình quay phim nói riêng là rất quan trọng và không thể thiếu. Trong quá trình đào tạo, cần lưu ý phương pháp dạy văn học riêng cho chuyên ngành

quay phim do đặc thù riêng là một ngành nghệ thuật tạo hình. Làm rõ yếu tố văn học ở trong nghề nghiệp mà sinh viên đang được học qua những tác phẩm cụ thể. Từ những tác phẩm văn học sinh viên cần xem những bộ phim đã chuyển thể từ tác phẩm ấy, để rồi thảo luận và phân tích từ tinh thần, nội dung của tác phẩm văn học khi được cụ thể hóa bằng hình ảnh cách nhà làm phim đã xử lý như thế nào? Từ đó tạo lên sự tương tác giữa tác phẩm văn học- sinh viên- tác phẩm phim truyện, như vậy sinh viên không chỉ học văn mà còn học cả nghề quay phim nữa.

Đào tạo nghề quay phim ở Việt Nam có lý thuyết về nghề nghiệp quay phim từ các nền điện ảnh tiên tiến, hiện đại như Trung Quốc, Nga, Mỹ, Pháp... đã và đang dùng làm giáo trình giảng dạy hiệu quả trong các cơ sở đào tạo. Thế nhưng những giáo trình về nghệ thuật quay phim hiện nay còn ít, có một số sách của tác giả nổi tiếng nước ngoài được dịch cách đây vài chục năm, một số sách viết về nghề quay phim theo những kinh nghiệm cá nhân. Đào tạo nghệ thuật quay phim hiện nay rất cần những bộ giáo trình hệ thống cơ bản, đầy đủ những kiến thức khoa học của nghề quay phim.

Các cơ sở đào tạo cần đầu tư có xưởng phim, với trang thiết bị quay phim hiện đại, hệ thống ánh sáng bối cảnh đầy đủ để phục vụ cho giờ học thực hành của sinh viên. Đây là một trong những vấn đề quan trọng và cốt lõi trong đào tạo nghề quay phim. Cũng giống như hội họa, nhiếp ảnh, hay các môn nghệ thuật khác, một trong những đặc điểm của đào tạo quay phim cần nhiều thời gian để thực hành, rèn luyện những kỹ năng như: Xử lý ánh sáng, xử lý bố cục, xử lý màu sắc, tập các thao tác chuyển động máy... Sinh viên sau khi ra trường không những nắm vững mà phải nhuần nhuyễn những kỹ năng trên thì khi áp dụng vào quá trình làm phim mới có hiệu quả.

Các cơ sở đào tạo cần đẩy mạnh hợp tác với các xưởng sản xuất phim, trong quá trình đào tạo cần đưa sinh viên tới những cơ sở sản xuất phim để

thực tập, học việc trong các năm học, sắp xếp công việc để thực tập cho phù hợp với trình độ của từng năm học. Từ những kiến thức cơ bản đã học trên giảng đường kết hợp với những trải nghiệm thực tế trong quá trình làm phim sẽ giúp cho sinh viên thêm những kinh nghiệm từ thực tiễn.

Ngoài những vấn đề về người học, giáo trình, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo còn vấn đề xây dựng đội ngũ giảng viên cho bộ môn nghệ thuật quay phim, đây là vấn đề chiến lược và rất lâu dài cho các cơ sở đào tạo có chuyên ngành này. Không chỉ là một nhà chuyên môn giỏi mà giảng viên phải thực hiện vai trò của một nhà sư phạm nghệ thuật, trải qua nhiều năm làm nghề và có những thành tựu nhất định, một trong những điều còn thiếu với những nhà sư phạm trẻ được bồi dưỡng chọn lọc từ sinh viên chính là những kinh nghiệm thực tiễn làm phim, sự cân bằng con người nghệ sỹ và người thầy, cái khó trong đào tạo nghệ thuật là khơi dậy, phát triển những năng lực sáng tạo của sinh viên, người thầy hiểu và tiếp nhận được nhiều khuynh hướng sáng tác, gu thẩm mỹ khác nhau, để từ đó định hướng, phát triển nghề nghiệp dựa trên khả năng của từng sinh viên.

Thừa hưởng tạo hình từ các thành phần sáng tác khác trong quá trình làm phim: Ngoài sự gắn kết và thống nhất giữa quay phim và đạo diễn trong ý đồ tạo hình. Nhà quay phim cần khai thác những hiệu quả tạo hình từ các thành phần sáng tác khác như: Tạo hình của họa sỹ, tạo hình của diễn viên... để cho ngôn ngữ của tạo hình quay phim trở lên mạnh mẽ hơn. Trong một cảnh quay nhà quay phim cần hiểu sự lý giải tạo hình của đạo diễn, ý đồ của họa sỹ trong thiết kế bối cảnh, hiệu quả của hóa trang, phục trang từ đó xử lý bố cục, sử dụng chiếu sáng, góc máy, tiêu cự ống kính, kiểm soát độ sâu trường ảnh, để làm tôn lên hiệu quả của những thành phần sáng tác khác, làm cho ngôn ngữ của tạo hình quay phim trở nên giàu sức biểu cảm hơn, đó cũng là sự cộng

hưởng giữa các thành phần sáng tác để tạo ra những cảnh quay giàu tính thẩm mỹ, làm phong phú giá trị nội dung.

Chú trọng đầu tư thời gian và kinh phí cho quá trình sản xuất phim: Như đã nói trong mục 1, phần mở đầu của luận văn. Một trong những nguyên nhân dẫn tới hình ảnh quay phim truyền hình Việt Nam hiện nay chưa tốt, ngôn ngữ tạo hình chưa chuyên tải rõ ràng nội dung là do thời gian làm phim ngắn và kinh phí làm phim thấp. Vì đầu tư kinh phí thấp, nên khi sản xuất phim truyền hình, đội ngũ sáng tác phải sử dụng phương tiện kỹ thuật ít, thời gian sản xuất phim phải rút ngắn, thông thường các nhà làm phim quay 50- 70 cảnh/ngày thậm chí có thể quay một tập phim trong một ngày. Như vậy sẽ không thể có những cảnh quay được dàn dựng kỹ lưỡng, diễn xuất nhiều khi không được như ý, bối cảnh nghèo nàn, chung chung, bố cục khuôn hình chưa kỹ dẫn đến chi tiết hình rời rắm, chỗ thừa chỗ thiếu, chiếu sáng không tạo được hiệu quả cho bối cảnh, tâm lý nhân vật, quay thiếu cảnh hoặc kéo dài cảnh quay cho đủ thời lượng... Để nâng cao chất lượng phim truyền hình Việt Nam nói chung, hiệu quả sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim nói riêng cần đầu tư thời gian làm phim dài hơn, với số kinh phí bỏ ra làm phim lớn hơn, không để cho các nhà sáng tác phim truyền phải “liệu cơm, gắp mắm” trong quá trình làm phim do thiếu kinh phí, phải tranh thủ quay, quay nhanh bị thúc ép về mặt thời gian làm phim. Tuy điều kiện kinh tế của nước ta còn khó khăn, thế nhưng cần đầu tư vào những bộ phim một cách đúng đắn vào để đem lại hiệu quả hình ảnh có chất lượng cao.

Mở rộng hệ thống, đầu tư phát triển không gian phim trường nội và ngoại, thiết bị kỹ thuật quay phim: Hiện nay chúng ta chưa có phim trường quy mô, đủ không gian cho các nhà làm phim sáng tạo, trong các phim truyền hình Việt Nam, ở những cảnh quay nội các nhà làm phim thường thuê, mượn nhà dân làm bối cảnh. Những ngôi nhà với không gian chật hẹp, có

những ngôi nhà có thể cải tạo để phù hợp với bối cảnh của phim, nhưng cũng có những ngôi nhà không được cải tạo, hoặc không đủ kinh phí để cải tạo dẫn đến xuề xòa trong thiết kế bối cảnh, chưa kể không đủ không gian để đặt *boom*, *ray*, hay hệ thống đèn chiếu sáng kết quả là không có được hiệu quả hình ảnh như mong muốn. Thời gian làm phim ít cùng với không hoàn toàn chủ động được bối cảnh, mất thời gian xê dịch khi chuyển bối cảnh dẫn đến thời gian chăm chút cho những cảnh quay ngày càng ít. Trong những bối cảnh ngoại, các nhà làm phim thường tận dụng những khung cảnh thiên nhiên, phố phường, cái khó trong những cảnh quay ngoại là kiểm soát được phạm vi của bối cảnh, khó khăn trong vấn đề chiếu sáng, và đôi khi còn có những “nhân vật quần chúng không có trong kịch bản” xuất hiện trong khuôn hình, dù có thể tỉ lệ nhỏ hoặc mờ nhưng cũng ảnh hưởng không mong muốn tới tạo hình quay phim.

Khi có phim trường nội, tăng tỉ lệ sử dụng bối cảnh nội dần lên, thời gian quay sẽ nhanh hơn vì bối cảnh được tập trung trong một phạm vi nhất định, tạo hình từ bố cục, chiếu sáng hiệu quả nghệ thuật sẽ cao hơn và như vậy chất lượng phim sẽ tốt dần lên.

Những yếu tố khách quan cũng gây ra không ít những khó khăn cho các đoàn làm phim, mất thời gian và kinh phí vào những việc không đáng có. Ở những đất nước có nền công nghiệp sản xuất phim truyền hình phát triển như Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc... đều có hệ thống phim trường nội, ngoại rộng lớn hàng nghìn héc ta tạo ra đầy đủ không gian cho các nhà làm phim sáng tạo.

Ngoài ra cần đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho công nghệ sản xuất phim. Để có được những khuôn hình đẹp, hấp dẫn khán giả cần đầu tư thiết bị kỹ thuật quay phim, những ống kính tạo hiệu quả đặc biệt, thiết bị hỗ trợ chuyển động tiên tiến hạn chế rung lắc không mong muốn trong quá trình quay, những công nghệ quay kỹ xảo đặc biệt cùng những thiết bị, phần mềm

xử lý kỹ xảo chuyên nghiệp... nhằm nâng cao hiệu quả hình ảnh, lạ, hấp dẫn khán giả xem phim.

Khi có thêm các điều kiện: Thời gian, kinh phí, phim trường chất lượng hình ảnh của phim, hiệu quả nghệ thuật cao hơn, công nghiệp sản xuất phim sẽ tạo đà phát triển mạnh mẽ

Tiểu kết chương 2

Từ thực trạng của tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam, bước đầu phân tích những ưu điểm và hạn chế trong xử lý tạo hình quay phim. Có những thuận lợi từ điều kiện tự nhiên, văn hóa đa màu sắc, đời sống đang phát triển giúp cho những cảnh quay sinh hoạt gắn với tự nhiên có tạo hình đẹp, nhưng cũng có những hạn chế từ điều kiện sản xuất, tư duy sáng tạo khiến cho hình ảnh của phim kém hấp dẫn với khán giả.

Phân tích những hiệu quả sử dụng ngôn ngữ trong phim truyện truyền hình Việt Nam được khảo sát. Qua đó, đi sâu phân tích những yếu tố trong ngôn ngữ của tạo hình quay phim như bố cục, chiếu sáng, liên kết cảnh quay để thấy rõ hơn hiệu quả sử dụng ngôn ngữ trong phim.

Qua những những kết quả đã phân tích, dựa trên những hiểu biết cá nhân đưa ra một số những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam, tạo nên nhiều tác phẩm có chất lượng nghệ thuật ấn tượng hơn trên phương diện ngôn ngữ tạo hình quay phim.

KẾT LUẬN

Trong quá trình phát triển của phim truyện truyền hình, có sự kế thừa ngôn ngữ tạo hình quay phim truyện điện ảnh. Đó là sử dụng ngôn ngữ của bố cục, chiếu sáng, xử lý các mâu thuẫn giữa cách cảnh quay để chuyển tải những giá trị nội dung, tư tưởng của của bộ phim tới khán giả. Một bộ phim với hình ảnh có sức biểu hiện mạnh mẽ về cảm xúc, biểu đạt nội dung rõ nét, thì bộ phim đó sử dụng có hiệu quả ngôn ngữ của tạo hình quay phim. Khi kế thừa tạo hình quay phim truyện điện ảnh để đặt nền móng cho mình, tạo hình quay phim truyện truyền hình cũng có những thay đổi để phù hợp với kỹ thuật phát hình và phương tiện thu nhận hình ảnh, nhưng về cơ bản vẫn giữ nguyên các thủ pháp làm phim, sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim để chuyển tải những giá trị nội dung, giá trị chân, thiện, mỹ đến khán giả.

Trước những vấn đề trong khâu sản xuất phim truyện truyền hình Việt Nam như: Số lượng phim được sản xuất hàng năm rất lớn, nhưng đầu tư kinh phí làm phim ít, thời gian làm phim ngắn, thiếu không gian phim trường, chất lượng chuyên môn của đội ngũ sáng tác phim chưa đồng đều... dẫn đến chất lượng phim truyện truyền hình Việt Nam chưa cao. Đặc biệt thực trạng sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim chưa có hiệu quả, thể hiện trong rất nhiều phim truyện truyền hình Việt Nam.

Trong quá trình nghiên cứu của luận văn cho thấy những kết quả:

Sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình Việt Nam có hiệu quả chưa cao. Ở những năm đầu khi mới sản xuất phim truyện truyền hình, với đội ngũ sáng tác là những người làm phim truyện điện ảnh, vì vậy những yếu tố tạo hình như bố cục, chiếu sáng, liên kết cảnh quay đều được xử lý để biểu đạt rõ cho nội dung kịch bản, nhiều cảnh quay giàu cảm xúc, tạo được ấn tượng cho người xem. Trong những phim truyền hình dài tập của Việt Nam thường sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim không

hiệu quả, chúng ta thường thấy trên phim những cảnh quay có bố cục chung chung, chiếu sáng không tạo được hiệu quả về không gian, thời gian, không tạo được tính cách, tâm lý cho nhân vật. Những cảnh quay được liên kết với nhau một cách rời rạc, liên kết giữa cảnh trước và cảnh sau còn vấp vấp. Trong những bộ phim truyện truyền hình một tập, và những phim hợp tác với nước ngoài chất lượng hình cảnh cao hơn, tạo hình chau chuốt hơn do được đầu tư kỹ lưỡng từ đội ngũ, kinh phí, thời gian làm phim.

Từ thực trạng trên, dựa trên ý kiến cá nhân của người viết đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ tạo hình quay phim trong phim truyện truyền hình, những khía cạnh được đưa ra trong giải pháp bao gồm: đào tạo đội ngũ quay phim, đầu tư kinh phí, thời gian làm phim, xây dựng phim trường có quy mô và trang thiết bị chiếu sáng hiện đại.

Đây cũng là những kết quả ban đầu của công trình này, trong khuôn khổ của một luận văn, có thể chưa hệ thống một cách đầy đủ những vấn đề còn tồn tại trong tạo hình quay phim truyện truyền hình Việt Nam, học viên hy vọng sẽ được tiếp tục có điều kiện nghiên cứu đầy đủ hơn trong các công trình tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Điện ảnh (1981), *Nghệ thuật điện ảnh*, Hà Nội.
2. Cục Điện ảnh (2003), *Lịch sử điện ảnh Việt Nam*, Tập 1, Hà Nội.
3. Cục Điện ảnh (2007), *Lịch sử điện ảnh Việt Nam*, Tập 2, Hà Nội.
4. Phạm Vũ Dũng (1999), *Điện ảnh Việt Nam - ấn tượng và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
5. Bùi Thái Dương (2013), *Tạo hình trong phim truyện Việt Nam dưới góc nhìn đạo diễn*, Luận văn Thạc sỹ nghệ thuật Điện ảnh – Truyền hình, Trường đại học Sân khấu & Điện ảnh Hà Nội, Hà Nội.
6. Phan Bích Hà (2007), *Văn hóa nghệ thuật truyền thống và phim truyện Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Trần Thanh Hiệp (2004), *Điện ảnh của nhu cầu phát triển văn hóa*, Nxb Văn học, Hà Nội.
8. Trần Duy Hình (2007), *Điện ảnh và phim truyền hình Việt Nam hiện nay*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Nguyễn Thế Hưng (2014), *Nghệ thuật tạo hình quay phim Trần Trung Nhân trong điện ảnh phim truyện Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ nghệ thuật Điện ảnh – Truyền hình, Trường đại học Sân khấu & Điện ảnh Hà Nội, Hà Nội.
10. Ngô Phương Lan (1998), *Đồng hành với màn ảnh*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
11. Nguyễn Mạnh Lân (2002), *Văn học dân gian và nghệ thuật tạo hình điện ảnh*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
12. Lê Minh (2006), *Mười bí quyết hình ảnh*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Nhiều tác giả (2008), *Bàn về tính chuyên nghiệp trong sáng tác và phổ biến phim* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc của Cục Điện ảnh), Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

14. Bùi Phú (1984), *Đặc trưng và ngôn ngữ điện ảnh*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
15. Lâm Quang Sỹ (2015), *Tạo hình phim tài liệu của người đạo diễn*, Luận văn Thạc sỹ nghệ thuật Điện ảnh – Truyền hình, Trường đại học Sân khấu & Điện ảnh Hà Nội, Hà Nội.
16. Lê Huyền Trang (2012), *Tạo hình nhân vật trong phim hoạt hình Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ nghệ thuật Điện ảnh – Truyền hình, Trường đại học Sân khấu & Điện ảnh Hà Nội, Hà Nội.
17. Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ (1992), *Từ điển Tiếng Việt*, Hà Nội.
18. Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyến, Trần Quốc Thành (1999), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội
19. Dương Quang Viễn (2004), *Nghệ thuật quay phim điện ảnh* (Nguyễn Lê Chi dịch), Hội Điện ảnh Việt Nam, Hà Nội.
20. Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam(2005), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
21. Freilich. S. (1986), *Tiết điện vàng màn ảnh* (Phạm Huy Bích, Vũ Nguyệt Ánh dịch), Nxb Văn hóa, Hà Nội.
22. Gherasimov. S (1962), *Làm cho phim hay hơn nữa* (Hải Đình, Trần Hoa dịch), Nxb Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
23. Marcel Martin (1985), *Ngôn ngữ Điện ảnh* (Nguyễn Hậu dịch), Cục Điện ảnh, Hà Nội.
24. Teplix. I. (1978), *Lịch sử điện ảnh thế giới*, Tập 1, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
25. Toussaint. B. (2007), *Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình*, Hội Điện ảnh Việt Nam, Hà Nội.
26. Vaispheld. I. (1961), *Văn học và điện ảnh*, Nxb Văn học, Hà Nội.

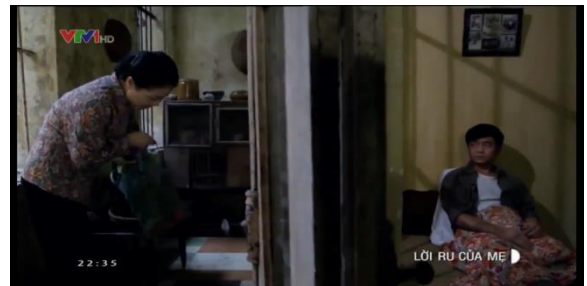
PHIM MỤC

1. *Câu hỏi số 5* (2015), Đạo diễn: Bùi Quốc Việt
2. *Chạy án* (2006), Đạo diễn: Vũ Hồng Sơn
3. *Chiến mã* (2011), Đạo diễn: Steven Spielberg
4. *Cô hàng xóm rắc rối* (2014), Đạo diễn: Bùi Tiến Huy, Phạm Gia Phương
5. *Đất phương Nam* (1997), Đạo diễn: Nguyễn Vinh Sơn
6. *Điều cuối cùng còn lại* (2014), Đạo diễn: Bùi Quốc Việt
7. *Đông Dương* (1992), Đạo diễn: Régis Wargnier
8. *Lãnh địa đen* (2005), Đạo diễn: Mai Hồng Phong
9. *Lời nguyện của dòng sông* (1992), Đạo diễn: Khải Hưng
10. *Lời ru của mẹ* (2013), Đạo diễn: Nguyễn Tiên Thành
11. *Mạch ngầm vùng biên ải* (2015), Đạo diễn: Bùi Huy Thuận
12. *Mẹ chồng tôi* (1994), Đạo diễn: Khải Hưng
13. *Ngôi biệt thự màu tro lạnh* (2011), Đạo diễn: Bùi Huy Thuận
14. *Người cộng sự* (2013), Đạo diễn: Phạm Thanh Phong, Ayato Matsuda
15. *Người Mỹ trầm lặng* (2002), Đạo diễn: Phillip Noyce
16. *Người thành phố* (1981), đạo diễn Khải Hưng
17. *Nhật ký tình yêu* (2004), đạo diễn Nick Cassavettes
18. *Pan và vùng đất Neverland* (2004), Đạo diễn: Joe Wrigh
19. *Quá nhanh quá nguy hiểm 7* (2015), Đạo diễn: James Wan
20. *Truy đuổi tội phạm* (1998), Đạo diễn: Nguyễn Hữu Phần
21. *Tuổi thanh xuân* (2014), Đạo diễn: Nguyễn Khải Anh, Bùi Tiến Huy,
Myung Hyun Woo
22. *Xóm nước đen* (1996), Đạo diễn: Đỗ Phú Hải

PHỤ LỤC ẢNH



Hình 1. Trích phim *Lời ru của mẹ* của đạo diễn Nguyễn Tiến Thành



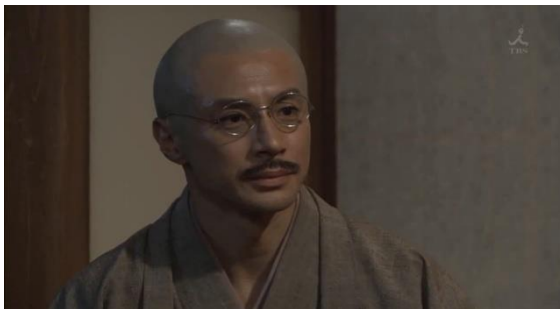
Hình 2. Trích phim *Lời ru của mẹ* của đạo diễn Nguyễn Tiến Thành



Hình 3. Trích phim *Điều cuối cùng còn lại* (2014) đạo diễn Bùi Quốc Việt



Hình 4. Trích phim *Điều cuối cùng còn lại* (2014) đạo diễn Bùi Quốc Việt



Hình 5. Trích phim *Người cộng sự* (2013) đạo diễn Phạm Thanh Phong và Ayato Matsuda



Hình 6. Trích phim *Người cộng sự* (2013) đạo diễn Phạm Thanh Phong và Ayato Matsuda



Hình 7. Trích phim *Lời nguyện của dòng sông* (1992) đạo diễn Khải Hưng



Hình 8. Trích phim *Lời nguyện của dòng sông* (1992) đạo diễn Khải Hưng



Hình 9. Trích phim *Lời nguyện của dòng sông* (1992) đạo diễn Khải Hưng



Hình 10. Trích phim *Lời nguyện của dòng sông* (1992) đạo diễn Khải Hưng



Hình 11. Trích phim *Xóm nước đen* (1996) đạo diễn Đỗ Phú Hải



Hình 12. Trích phim *Xóm nước đen* (1996) của đạo diễn Đỗ Phú Hải